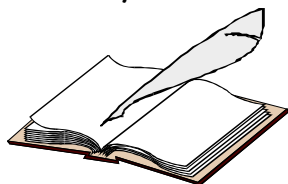


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận



ISSN 1145-9557 - Số 190 - Năm thứ 18, tháng 03-2005

Cái gì không còn nữa ?

Phát ngôn viên của nhà nước cộng sản Việt Nam vừa tuyên bố Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) không còn nữa. Dù đã quen với ngôn ngữ của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam, người ta không khỏi ngạc nhiên về lời tuyên bố vừa thô bạo vừa ngây ngô này.

Xóa bỏ GHPGVNTN là điều mà đảng cộng sản không có quyền làm và dù hung bạo đến đâu cũng không làm nổi.

Phật giáo đã là người đồng hành của dân tộc Việt Nam qua suốt dòng lịch sử, theo từng bước thăng trầm. Nó ở trong mọi người Việt Nam dù theo tôn giáo nào hay không có tôn giáo. Nó là di sản văn hóa và lịch sử, là yếu tố cấu tạo của đất nước và con người Việt Nam. Đứng đến Phật giáo là xúc phạm lớn đến mọi người Việt Nam. GHPGVNTN tuy không phải là tất cả Phật giáo - có nhiều hệ phái Phật giáo khác - nhưng từ một nửa thế kỷ nay, và nhất là từ 30 năm nay, là người đại diện chân chính nhất và được kính trọng nhất của Phật giáo Việt Nam vì lý do hiển nhiên : nó là giáo hội Phật giáo duy nhất không cúi đầu trước bạo lực. Sự kiện này chính nhà cầm quyền cộng sản cũng không thể chối cãi, bằng cứ là cách đây không lâu hòa thượng Huyền Quang, tăng thống GHPGVNTN, còn được thủ tướng Phan Văn Khải tiếp đón một cách long trọng trong một cố gắng chiêu dụ bất thành.

Không ai không biết đảng cộng sản muốn bức

từ GHPGVNTN vì không khống chế được giáo hội này. Đây là một chủ mưu vừa thô bạo vừa mù quáng, có hại ngay cho chính chế độ cộng sản. Tại sao lại cần kiểm soát Phật giáo ? Phật giáo về bản chất không là một đe dọa cho một chính quyền nào cả, bách hại GHPGVNTN chỉ một lần nữa tố giác sự sợ sệt điên loạn của một chế độ bệnh hoạn nhìn đâu cũng thấy mối nguy, phải trói chặt xã hội dân sự mới yên tâm.

Hy vọng của đảng cộng sản là sau khi hai hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ không còn nữa, GHPGVNTN sẽ không thể tồn tại. Họ lầm to. Phật giáo trước hết là một tình cảm, và tồn tại với tình cảm này. Lời kêu gọi dân chủ trầm thống của hòa thượng Quảng Độ trong thư chúc Xuân Ất Dậu đã làm cho tình cảm này mạnh hơn, cao hơn, đẹp hơn. Quảng Độ sẽ mãi mãi hiện diện trong trái tim mọi người Việt Nam. Sự kính mến mà người Việt Nam dành cho ông sẽ khiến giáo hội mà ông đại diện còn mãi trong lòng người Việt Nam.

GHPGVNTN vẫn còn và sẽ còn bởi vì nó là một giáo hội đúng nghĩa và được lòng người. Cái không còn là chính nhà nước cộng sản. Thiên chức của một nhà nước là bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ an ninh cho người dân, bảo đảm luật pháp và công lý. Dâng đất và biển cho Trung Quốc, khúm núm khi Trung Quốc xất xược tàn sát dân mình, dung túng bọn lưu manh và bách hại những người có nhân cách, chính quyền cộng sản không phải là một chính quyền đúng nghĩa. Nó không còn nữa. Chỉ còn lại một đảng cướp.

Thông Luận

Mô hình phát triển khoa học của Trung Quốc

Trong Hội nghị công tác kinh tế trung ương tổ chức hồi tháng 12-2004, chủ tịch nhà nước Trung Quốc, ông Hồ Cẩm Đào đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại về "quan điểm phát triển khoa học". Sáu chữ này hiện là một trong ba phương hướng phát triển kinh tế chính của Trung Quốc.

Phương hướng thứ nhất là của Đặng Tiểu Bình, về cải cách và mở cửa, với chủ trương "bốn hiện đại hóa".

Phương hướng thứ hai là của Giang Trạch Dân với chủ trương hợp thức hóa vai trò lãnh đạo xã hội của Đảng Cộng Sản Trung Quốc bằng khẩu hiệu "ba đại diện".

Phương hướng thứ ba là của Hồ Cẩm Đào với "quan điểm phát triển khoa học", qua khẩu hiệu "đi nhân vi bản" và các mục tiêu của đường lối "thân dân" : "lập đảng vi công, chấp chánh vi dân, hiến chính chủ nghĩa", dùng ba phương tiện "dân lợi, dân tình, dân bản" để giải quyết vấn đề "ba Nông"...

Trong việc hoạch định kế hoạch kinh tế 5 năm lần thứ 11 của Trung Quốc (2006-2010), "quan điểm phát triển khoa học" của Hồ Cẩm Đào đã được triệt để áp dụng. Những mâu thuẫn kinh tế tích lũy từ trước, do tăng trưởng kinh tế cao hơn hai thập niên qua các chính sách cải cách, mở cửa, như các vấn đề thiếu tài nguyên, năng lượng, vốn tư bản, trình độ kỹ thuật cao..., nếu không dùng quan điểm phát triển khoa học mới này để điều chỉnh cho đúng hướng phát triển, Trung Quốc có thể bị vấp ngã.

Định nghĩa về "quan điểm phát triển khoa học" này cho tới nay vẫn còn rất mơ hồ. Chẳng hạn như cách điều hành nền kinh tế vĩ mô trong năm 2005, không biết quan điểm này giải thích như thế nào những vấn đề còn tồn đọng về kinh tế của năm 2004 chưa giải quyết được như tốc độ phát triển kinh tế quá sôi nổi, giá nhiên liệu và nguyên liệu nhập khẩu gia tăng, tình trạng thiếu điện triền miên, áp lực điều chỉnh hối suất đồng Nguyên...

Để chuyển hướng chính sách "tài chánh tích cực" trong 25 năm tới, bắt đầu từ năm 2005 này, Bắc Kinh chọn phương hướng ổn định. Cụ thể là đầu tư tài chánh của Trung Quốc trong năm 2004 là 1 tỷ USD, sau khi kiểm soát sinh hoạt kinh tế ở mức vĩ mô năm 2005 con số này sẽ giảm xuống còn 760.000 triệu USD. Bắc Kinh hy vọng sẽ duy trì được mức tăng trưởng kinh tế 8% thay vì hơn 9% như năm trước. Trong ngắn hạn, quan điểm phát triển khoa học của họ Hồ được hiểu là nhằm phát triển GDP của Trung Quốc mỗi năm trên 7,2%, bình quân là 8%/năm.

Còn trong dài hạn, quan điểm này cố thiết lập cho bằng được một nền kinh tế có mô hình tuần hoàn, nghĩa là phải chuyển cơ cấu sản xuất đơn thuần và một chiều sang mô hình tái sử dụng tài nguyên và các ngành công nghiệp tiết kiệm năng lượng. Chính trong mô hình này, những nhà sản xuất qui mô lớn của Trung Quốc sẽ dần dần làm quen và

tôn trọng khái niệm bảo vệ môi trường được thế giới đề xướng trong năm 2004. Kể từ đây, chỉ số GDP thực sự sẽ trừ đi những phí tổn làm ô nhiễm môi trường, tai nạn lao động (trong ngành than đá có tỷ lệ tai nạn cao nhất thế giới, hơn 6.100 người chết trong năm 2004), tai nạn do sản phẩm hỏng, tham nhũng. Chủ trương dĩ nhân vi bản (lấy dân làm gốc) của Hồ Cẩm Đào nằm trong chỉ tiêu này. Quan điểm phát triển khoa học chú ý hơn đến việc bảo vệ môi trường và con người, thường bị quên lãng bởi các chính quyền từ trước đến nay.

Quan điểm phát triển khoa học là một tư tưởng mới trong chính sách của ê-kíp Hồ Cẩm Đào-Ôn Gia Bảo để đáp ứng sự gia tốc chưa từng thấy của kinh tế Trung Quốc sau ba năm gia nhập vào WTO. Sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc buộc phải quốc tế hóa, tư nhân hóa, tự do hóa... Khu vực Mãn Châu vẫn còn là một vùng đất mới cần được đầu tư mạnh để tiến vào kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Để đối phó với những tình huống trên, Bắc Kinh đã tung ra khẩu hiệu "thảo xuất khứ" (xí nghiệp tiến ra nước ngoài). Đó là chiến lược hợp doanh và mua lại các xí nghiệp nước ngoài. Chẳng hạn tập đoàn Liên Tưởng (Lenovo) mua lại ngành máy vi tính cá nhân (PC) của IBM ; vốn của tập đoàn Mạng Thông (internet) đã tham dự vào hai thị trường chứng khoán lớn New York và Hong Kong ; sắp tới đây ngành công nghiệp nặng của Trung Quốc mua quyền khai thác mỏ đồng lớn nhất tại Chile.

Ngược lại, chiến lược nhập khẩu đầu tư nước ngoài vẫn còn thịnh hành. Cuối năm 2004, công ty bia số 1 thế giới AB Bush của Mỹ đã mua công ty bia số 4 Trường Xuân của Trung Quốc, công ty bia Asahi của Nhật đã mua công ty thực phẩm lớn Kiện Sư Chuyên của Trung Quốc. Nhưng hiện nay đang bắt đầu có phong trào cảnh giác việc chính quyền để các công ty nước ngoài mua lại một cách dễ dàng những công ty nội địa vì người Trung Quốc bắt đầu biết sợ sự độc chiếm thị trường của hệ thống các đại công ty của các nước tiên tiến như Walmart của Mỹ, Seven Eleven của Nhật, Carrefour của Pháp.

Chiến lược thảo xuất khứ là một chiến lược quan trọng của Trung Quốc cho đến năm 2000. Mục tiêu chính là đạt được mức tăng trưởng cao gấp bốn lần so với năm 2000, có như thế Trung Quốc mới hy vọng đuổi kịp Nhật Bản, vì đến năm 2020 cả hai đều trở thành những nước có dân số già trên 60 tuổi chiếm 1/3 dân số. Trong bối cảnh đó, nếu quan điểm phát triển khoa học được dân chúng chấp nhận, nó có thể là một lý luận hữu hiệu để chính danh hóa phương hướng phát triển kinh tế, đối ngoại mới.

Nói tóm lại, chính quyền Hồ Cẩm Đào còn đạt được sự tin tưởng của người dân và các nhà đầu tư nước ngoài vào trách nhiệm giải thích chính sách nên phải cần quan điểm phát triển khoa học làm lý luận và cho mô hình phát triển.

Mô hình phát triển tiềm tàng của Ấn Độ

Trong cuộc chiến tranh may mặc bắt đầu từ đầu năm 2005, cả thế giới đều lo sợ sự độc chiếm thị trường của Trung Quốc. Từ nay hàng may mặc "made in China" sẽ không còn mượn *quota* của các nước khác nữa để đi từ các hải cảng và 40 phi cảng vùng châu thổ Chu Giang đến thẳng các thị trường lớn như Liên Hiệp Châu Âu và Nhật Bản. Hàng may mặc của Trung Quốc cũng đang chuẩn bị chiếm lĩnh ít nhất từ 50 đến 60% thị trường Hoa Kỳ, Canada từ nay đến năm 2006. Mặc dầu vậy, có hai nước châu Á không hề run sợ trước sức mạnh này của Trung Quốc trên qui mô toàn cầu, đó là Đại Hàn và Ấn Độ.

Các công ty may mặc lớn của Đại Hàn, từ khi tiếp nhận kỹ thuật dệt hàng cao cấp, nhuộm màu *nano* không phải của Nhật mà Trung Quốc chưa bắt chước được, đã chuyển 40% các xưởng may dệt thường của mình qua miền đông-bắc Trung Quốc và Việt Nam từ hơn 5 năm qua. Còn Ấn Độ, với truyền thống dệt len Cashmere, dệt lụa Bombay cổ truyền, đã hợp lực với ngành design tin học và mạng lưới Ấn kiều trên khắp thế giới trong ngành vải để tiếp tục giữ vững tỷ lệ từ 12 đến 15% trong năm 2005. Giới kinh doanh hàng vải Ấn Độ còn tin rằng, sau khi đồng Nguyên Trung Quốc bị áp lực phải phá giá, sẽ chiếm ít nhất 20% thị trường may mặc toàn thế giới trong ba năm tới nhờ lực lượng lao động trẻ của mình.

Dân số Ấn Độ hiện nay hơn một tỷ người, đứng hạng thứ hai trên thế giới sau Trung Quốc. Trong đó khoảng 15% dân số (150 triệu người) thuộc giai cấp tư sản (toàn vùng châu thổ Đông Hải của Trung Quốc có 200 triệu tư sản mới trên). Trong suốt 15 năm qua, tỷ lệ tăng trưởng của Ấn Độ gần 6% : tỷ lệ tăng trưởng bình quân từ 1991 đến 2000 là 5,8%, từ 2001 đến 2004 là 5,6%. Riêng năm 2004, do đầu tư ODA của Nhật bắt đầu đổ ào ạt vào, tỷ lệ tăng trưởng sẽ đều đặn từ trên 7% cho đến 2010. Sự sút giảm do thiên tai sóng thần cuối năm 2004 đã được bổ sung bằng viện trợ không hoàn lại (ODA) khẩn cấp của Nhật đầu năm nay. Tuy không có một tỷ lệ tăng trưởng rầm rộ và nổi bật như Trung Quốc, nhưng nếu nhìn kỹ người ta sẽ ngạc nhiên khi khám phá ra rằng "cường quốc khu vực Nam Á" này chưa phát huy hết những tiềm năng dự trữ phong phú của mình. Cho đến nay Ấn Độ vẫn chưa để lộ sức mạnh tiềm tàng của mình.

Lá bài tẩy tạo ra sức bật trong sinh hoạt kinh tế của Ấn Độ là chính sách tự do hóa sinh hoạt kinh tế mới bắt đầu áp dụng từ năm 1991. Chính sách này đã làm sinh hoạt kinh tế của Ấn Độ thay đổi 180 độ. Nếu so với Trung Quốc đã bắt đầu chính sách cải cách, mở cửa từ 1978, Ấn Độ bị chậm trễ hơn 10 năm. Nguyên nhân trực tiếp của sự thay đổi này là nguy cơ bị phá sản, không trả được nợ. Tình trạng tài chánh của Ấn Độ ở vào mức báo động đỏ vào cuối năm 1990, nếu không có biện pháp cứu nguy nào, đất nước Ấn Độ to lớn có thể bị tan rã. Người cứu nguy tình hình nguy ngập này không ai khác hơn là đương kim thủ tướng hiện nay, ông Mamohan Shing. Đầu năm 1991, ông Mamohan Shing được cử làm bộ trưởng tài chánh để cứu

nguy tình thế, ông đã dồn mọi nỗ lực để cải cách nền kinh tế quốc dân. Giải pháp nhiệm mầu của ông là sự thành lập Ngân Hàng Xây Dựng Hạ Tầng Cơ Sở (ICICI Bank), với sự góp vốn của tư bản tư nhân. Kể từ sau ngày đó, giới tư sản Ấn Độ đã tích cực tham gia vào việc kiến thiết và xây dựng cơ sở hạ tầng và kỹ nghệ trên toàn quốc.

Một thời gian sau, đảng của Mamohan Shing bị loại khỏi chính quyền trong một cuộc bầu cử, đảng Nhân Dân (BJP) lên cầm quyền nhưng vẫn tiếp tục thực hiện đường lối cải cách kinh tế của ông. Trong cuộc bầu cử hồi tháng 5-2004, đảng Phái Nghị Viện của ông đã thắng và ông trở lại làm thủ tướng trong Liên Minh Liên Đảng cầm quyền. Lúc đầu Mamohan Shing phải nhượng bộ chính sách bảo hộ xã hội do hai đảng trong liên minh cầm quyền khác là đảng cộng sản và đảng xã hội đưa ra. Chính sách xã hội này thay vì tạo thêm uy tín cho liên minh cầm quyền đã chỉ là một gánh nặng không cần thiết cho ngân sách quốc gia.

Cuối cùng sau nhiều tranh cãi nội bộ gay go, vì được coi là thần tượng của dân chúng trong cuộc cải cách 1991, ông đã được tự do cắt cử người vào những chức vụ trong chính phủ của ông. Mamohan Shing đã thành công đưa vào chính phủ cánh tay mặt đắc lực của mình là bộ trưởng kế hoạch Monter Alwaria để gia tăng tốc độ cải cách kinh tế. Mamohan Shing cũng đã thành công thuyết phục hai đảng cộng sản và xã hội ủng hộ đường lối cải cách của ông. Chính phủ của Mamohan Shing đặt trọng tâm vào việc cải cách hạ tầng cơ sở và thu nhận các ngành kỹ nghệ chế tạo vào Ấn Độ, đây là nền tảng vững chắc để đưa nền kinh tế quốc dân lên cao. Dựa theo mô hình phát triển của Nhật, Mamohan Shing áp dụng phương pháp "sáng kiến tài chánh tư" (PFI-Private Financial Initiative) để các xí nghiệp tư nhân và bán công địa phương cùng tham gia đầu tư, kinh doanh và quản lý những hạ tầng cơ sở.

Sự nổi bật của Ấn Độ là ngành tin học. Những kỹ sư tin học của Ấn Độ rất được trọng dụng tại các quốc gia tiên tiến. Từ 10 năm qua, ngành xuất khẩu software chiếm 20% GDP (năm 2003 là 9,5 tỷ USD) toàn quốc. Thủ tướng Mamohan Shing còn cho phép các xí nghiệp đa quốc gia liên kết ngành tin học của Ấn với thế giới.

Với chính sách tự do hóa sinh hoạt kinh tế, các ngành xe hơi, phụ tùng xe hơi, điện thoại cầm tay, điện gia dụng, dược phẩm, gia công thực phẩm, mỹ phẩm cho đến ngân hàng, tiền tệ gia tăng và phát triển đến mức chóng mặt. Ấn Độ ngày nay là một thị trường đa năng và đa dạng từ các thành phố lớn đến các vùng thôn quê hẻo lánh. Người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Ấn Độ từ chối sự giúp đỡ của quốc tế trong nạn sóng thần cuối năm 2004 vừa qua.

Cũng nên biết dân số Ấn Độ hiện nay trẻ hơn Trung Quốc và Nhật : 54% dân số dưới 25, tuổi. Cuối năm 2014 lực lượng lao động và trí thức từ 25 đến 45 tuổi sẽ tăng thêm 100 triệu người.

Theo dự đoán, năm 2020 Ấn Độ sẽ vượt Trung Quốc về tỷ lệ tăng trưởng kinh tế và năm 2050 sẽ cùng với Mỹ và Trung Quốc trở thành ba cường quốc có trọng lượng kinh tế đứng đầu thế giới, bỏ xa Liên Hiệp Châu Âu và Nhật.

Nguyễn Minh (Tokyo)

TRUNG QUỐC CÓ ĐÁNG SỢ KHÔNG ?

Nguyễn Gia Kiểng

Tổng thống Bush đã hòa giải được với châu Âu về cuộc chiến Iraq, nhưng ông gặp một trục trặc khác khi tới Bruxelles cuối tháng 2-2005. Liên Hiệp Châu Âu đã từ chối yêu cầu duy trì lệnh cấm vận vũ khí cho Trung Quốc. Bush đã không giấu được sự bức bối. Như trong mọi cuộc thảo luận thiếu thành thực, người ta không nói ra những lý do thực sự đã đưa đến quyết định của mình. Lý do thực sự của các nước châu Âu quá thực dụng để có thể nói ra. Tranh cãi đã nhanh chóng xoay quanh vấn đề Trung Quốc có đáng sợ hay không. Vấn đề Trung Quốc đáng lẽ phải được thảo luận một cách nghiêm chỉnh hơn.

Tại sao phải sợ Trung Quốc ?

Những lý do thường được đưa ra là Trung Quốc là một nước to lớn với 1.300 triệu dân, đang tăng trưởng kinh tế, sắp trở thành nước có tổng sản lượng quốc gia (GDP) lớn nhất thế giới. Nhưng như thế thì đáng mừng chứ có gì đáng sợ ? Một phần đông đảo của nhân loại sẽ trở thành giàu có, thế giới sẽ văn minh và nhiều phương tiện hơn. Sau thế chiến II, Đức và Nhật vươn lên mạnh mẽ, có ai lo sợ đâu.

Lý do thực sự khiến người ta sợ Trung Quốc là vì nó một điều không bình thường trong diễn tiến của thế giới. Trong khi thế giới đang tiến về dân chủ và tự do, Trung Quốc là nước phủ nhận dân chủ và nhân quyền, bất chấp các giá trị của thế giới văn minh. Trung Quốc đã chiếm đóng Tây Tạng, đã đổ đầu cho chế độ diệt chủng Pol Pot, đã xua quân đánh Việt Nam, đã cư xử một cách ngang ngược trên biển Đông, tiếp tục đe dọa Đài Loan và đang ve vãn các nước độc tài còn lại. Chính vì thế mà Trung Quốc gây lo ngại.

Sự lo ngại thường dẫn đến những ước lượng và dự đoán quá đáng. Một cách cụ thể, nếu lấy những con số tròn cho dễ nhớ, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế ước lượng GDP của Trung Quốc là 5.000 tỷ USD, lớn hơn Nhật (3.000 tỷ USD) và bằng một nửa Mỹ (10.000 tỷ USD). Nếu quả đúng như vậy thì với tỷ lệ tăng trưởng gần 10% mỗi năm thì chỉ trong vòng mười năm nữa Trung Quốc sẽ bắt kịp Hoa Kỳ và trở thành nước có GDP lớn nhất. Nhưng những con số về GDP này không đúng. Nó là kết quả của một kế toán lãng mạn, được gọi là *ước tính theo mãi lực*. Một cách giản dị, cách ước lượng này như sau : Hoa Kỳ được lấy làm chuẩn, các GDP các nước khác được đem nhân với tỷ lệ giá sinh hoạt của mỗi nước so với Mỹ. Theo phương pháp này, những nước mà vật giá thấp hơn so với Mỹ, thí dụ Trung Quốc, sẽ có một *GDP theo mãi lực* lớn hơn trong khi những nước mà vật giá cao hơn Mỹ, như Nhật, sẽ thấy GDP của mình bị giảm xuống. Tóm lại, người ta điều chỉnh các GDP theo mức giá sinh hoạt của mỗi nước. Nhưng vì mỗi nước có một cách tính chỉ số giá cả khác nhau nên sau cùng ý niệm GDP theo sức mua này rất mơ hồ, đôi khi nó đưa đến những con số hoang đường, như GDP trên mỗi đầu người Việt Nam là gần 2.000 USD/năm, của Trung Quốc là trên 4.000

USD/năm. Nếu chỉ dựa vào kế toán khách quan và hồi suất chính thức thì GDP của Trung Quốc chỉ là 1.200 tỷ USD, tương đương với 25% GDP của Nhật (4.800 tỷ USD) và 12% GDP của Hoa Kỳ. Như thế, ngay cả với mức tăng trưởng 10%, Trung Quốc cũng cần 50 năm mới bắt kịp Nhật và 100 năm mới bắt kịp Mỹ.

Nhưng Trung Quốc cũng sẽ không duy trì được mức tăng trưởng 10%. Lý do đầu tiên là tỷ lệ tăng trưởng này không có thực. Nó chỉ là con số chỉ tiêu do trung ương đặt ra và được các địa phương lập lại trong báo cáo. Các nước cộng sản bao giờ cũng đạt chỉ tiêu. Những con số này không đáng tin.

Lý do trầm trọng hơn là Trung Quốc sẽ lâm vào khủng hoảng. Không biết khủng hoảng kinh tế sẽ kéo theo khủng hoảng chính trị, hay khủng hoảng chính trị sẽ kéo theo khủng hoảng kinh tế, nhưng chắc chắn là Trung Quốc sẽ khủng hoảng cả về kinh tế lẫn chính trị vì nó đã tích lũy quá nhiều mâu thuẫn, đã trì hoãn quá nhiều vấn đề cần được giải quyết khẩn cấp.

Để chỉ tập trung vào những điểm chính, ta có thể kể đe dọa lớn về môi sinh. Sa mạc đang tiến nhanh từ Bắc xuống Nam và đã đến gần Bắc Kinh, lượng nước trung bình của một người dân Trung Quốc chỉ bằng 15% mức trung bình của thế giới. Trung Quốc khát nước. Nhiều địa phương đã giao tranh thực sự với nhau, có khi ở cấp tiểu đoàn hay trung đoàn, để giành nhau một con sông nhỏ. Đây là hậu quả của chính sách tăng trưởng kinh tế bất chấp môi trường. Kinh tế nào cũng sụp đổ khi môi trường bị hủy hoại, như một vận động viên dùng chất kích thích để đoạt huy chương có lúc sẽ gục chết. Không phải là một sự tình cờ mà các chuyên gia về phát triển gọi chính sách phát triển kinh tế thậm trọng bảo vệ môi trường là phát triển bền vững (*sustainable development, développement durable*). Một vấn đề gần gũi với môi sinh khác là Trung Quốc thiếu nhiên liệu và chưa có giải đáp cho bài toán này. Các giếng dầu sẽ cạn trong vài thập niên nữa và từ đây đến đó giá dầu sẽ tăng cao (nó đã tăng gấp đôi trong vòng một năm qua). Các nước phát triển đều đã chuẩn bị các nguồn năng lượng thay thế và các động cơ hỗn hợp sử dụng điện và cồn thực vật (ethanol và methanol) thay cho dầu lửa. Trung Quốc không sản xuất được cồn thực vật vì thiếu nước và cũng không tỏ ra lo lắng tìm các nguồn năng lượng thay thế. Có lẽ vì vấn đề quá khó khăn nên các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã chọn chính sách đả diểu, nhưng trước sau gì Trung Quốc cũng sẽ rất khốn đốn về năng lượng.

Trung Quốc có chênh lệch giàu nghèo quá lớn giữa các thành phần xã hội và nhất là giữa các vùng. Nhiều cơ quan nghiên cứu của Trung Quốc ước lượng có trên 100 triệu người sống lang thang ngoài vòng pháp luật bằng các công việc tạm bợ. Tham nhũng và áp bức lộng hành ở mọi cấp bậc, mọi địa phương, mọi cơ sở kinh doanh. Khổ cực, cay đắng và uất hận đang lên cao. Ly nước sắp đầy. Nguy cơ

càng lớn vì Trung Quốc không phải là một nước thuần nhất. Các địa phương nói tiếng khác nhau, dù cùng một chữ viết. Khổng giáo đang bị từ bỏ và không còn là mẫu số chung văn hóa gắn bó người Trung Quốc với nhau nữa. Tinh thần quốc gia của người Trung Quốc thời nào cũng rất thấp, ngay cả nếu đa số người Hoa chia sẻ với nhau thái độ cao ngạo với các nước láng giềng mà họ coi là thấp kém. Một sắc dân ít người và bán khai như Mông Cổ đã có thể đánh chiếm và cai trị Trung Quốc mà không đụng chạm tới tự hào dân tộc. Triều đại cuối cùng của Trung Quốc là nhà Thanh, gốc Mãn Châu.

Trong suốt dòng lịch sử phương pháp cai trị tại Trung Quốc chỉ giản dị là đàn áp và tàn sát. Đó không phải cách để xây dựng một tình nghĩa dân tộc. Giữa thế kỷ 19, các tỉnh Vân Nam, Quý Châu và Quảng Tây vùng dậy ly khai, các sứ gia ước lượng có tới 80% dân số các tỉnh này bị tàn sát. Vụ thảm sát Thiên An Môn, tháng 6-1989, nằm trong văn hóa chính trị tàn bạo truyền thống của Trung Quốc, như các vụ Cải Cách Ruộng Đất, Bước Nhảy Vọt, Cách Mạng Văn Hóa trước đó. Trung Quốc còn rất nhiều vết thương lớn đang chảy máu. Nguy cơ tan vỡ là có thật, nhất là với tình trạng bất công và tham nhũng thối nát hiện nay.

Vấn đề cơ bản vẫn là Trung Quốc chưa giải được bài toán dân chủ hóa bắt buộc. Đã có những người bị choáng ngợp vì những thành tựu của Trung Quốc, nhưng mức phát triển tối đa của một nước không dân chủ không thể cao. Đà tăng trưởng của Trung Quốc chẳng bao lâu nữa sẽ khựng lại. Lúc đó phải coi chừng một hiện tượng hốt hoảng dây chuyền : đa số vốn đầu tư tại Trung Quốc là của nước ngoài, một dấu hiệu báo động có thể tạo ra một cuộc triệt thoái ồ ạt làm sụp đổ hoạt động kinh tế. Kịch bản này rất có thể xảy ra.

Tóm lại, dưới vẻ bề ngoài hào nhoáng, Trung Quốc là một cơ thể mang nhiều bệnh tật chưa có, và khó có, thuốc chữa. Chính vì thế mà Trung Quốc đáng lo ngại. Chính quyền Bắc Kinh, trước những đe dọa khủng hoảng chắc chắn sẽ tới, có thể bị cám dỗ để gây xung đột với bên ngoài trong mục đích kêu gọi đoàn kết ở bên trong. Chưa kể là sự hỗn loạn trong một khối gần một tỷ rưỡi người tự nó đã là một thảm kịch cho thế giới. Nhưng phải khẳng định Trung Quốc không có khả năng gây ra chiến tranh, kể cả chiến tranh trong vùng.

Vậy thì Việt Nam có lý do gì để sợ Trung Quốc ? Khách quan mà nói thì không. Những gì có thể mất, đất và biển, chúng ta đã mất rồi. Hai nước đã có hiệp định biên giới trên đất và trên biển. Trung Quốc cũng không có khả năng đánh chiếm Việt Nam, vả lại Việt Nam, dù với chế độ này hay dưới chế độ dân chủ sau này, cũng không có ý định gây hấn với Trung Quốc. Việt Nam không cần Trung Quốc. Trung Quốc có rất ít những gì để ta học hỏi về văn hóa, khoa học, kỹ thuật và tổ chức so với các nước dân chủ. Buôn bán với Trung Quốc cũng có hại hơn là có lợi vì hàng lậu Trung Quốc tràn ngập và tàn phá sản xuất nội địa của chúng ta. Chúng ta không cần và do đó không có gì để sợ Trung Quốc cả, nhất là nếu chúng ta hội nhập vào thế giới

dân chủ để được luật pháp quốc tế bảo vệ.

Việt Nam, hơn nữa, còn có thể gây áp lực đối với Trung Quốc nếu muốn. Thí dụ như gia tăng quan hệ đối với Đài Loan hay với tỉnh Vân Nam vốn có khuynh hướng ly khai. Khách quan mà nói, Trung Quốc có lý do để lo ngại Việt Nam hơn là Việt Nam phải lo ngại Trung Quốc.

Vậy tại sao chính quyền cộng sản Việt Nam lại khúm núm như hiện nay đối với Trung Quốc ? Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã rất chừng mực trong các phản ứng về vụ Trung Quốc tàn sát ngư dân Việt Nam trên vịnh Bắc Bộ. Chúng tôi không muốn gây khó khăn cho chính quyền, dù là một chính quyền mà chúng tôi chống đối, trước một khiêu khích từ bên ngoài, nhưng hiện nay sự thực đã sáng tỏ. Tòa án Trung Quốc đã xử trắng án các ngư dân mà lúc đầu họ vu cáo là ăn cướp trong lãnh hải của họ. Họ mặc nhiên nhìn nhận đã tàn sát những ngư dân Việt Nam vô tội đang hành nghề trên vùng biển của nước mình. Tuy vậy họ không xin lỗi và cũng không bồi thường thiệt hại. Trước thái độ xác xược đó chính quyền Việt Nam đã im lặng. Mặt Trận Tổ Quốc im lặng, quốc hội im lặng, mọi hiệp hội đều im lặng. Báo chí cũng câm nín. Đảng Cộng Sản Việt Nam hèn nhát và áp đặt sự hèn nhát lên cả nước.

Phải giải thích thế nào thái độ này ? Chắc chắn những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam không sợ Trung Quốc. Họ đã từng đánh nhau với Trung Quốc và cũng thừa biết Trung Quốc không dám và cũng không thể đánh Việt Nam. Giải thích hợp lý duy nhất là họ đã bị mua chuộc. Sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu sau này, khi đất nước có dân chủ, nhiều cấp lãnh đạo cao cấp của chế độ hiện nay sang Trung Quốc sống sung túc, con cháu trở thành người Tàu.

Khi một nhà nước không bảo vệ được lãnh thổ, không bảo vệ được người dân, không bảo đảm được công lý và luật pháp, hơn nữa còn dung túng bọn lưu manh, tham nhũng và bách hại những người còn đủ dũng cảm để cất lên tiếng nói phản kháng của lương tâm, thì nó không còn là một nhà nước nữa. Điều này mọi người Việt Nam, trước hết là chính những đảng viên cộng sản, cần ý thức thật rõ ràng. Và có thái độ.

Nguyễn Gia Kiểng

"Nếu cả thế giới có vấn đề Hoa Kỳ thì các nước Đông Nam Á lại có thêm vấn đề Trung Quốc. Trung Quốc đang phát triển về mặt kinh tế và đang gia tăng sức mạnh quân sự. Điều đang lo ngại là Trung Quốc cho tới nay một mặt phải nhận trắng trợn các giá trị dân chủ và nhân quyền, mặt khác tỏ ra muốn sử dụng sức mạnh quân sự của mình cho một chính sách bá quyền khu vực".

(Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 11)

Thành công Thế kỷ 21 - Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001 - do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên xuất bản. Tài liệu dày 143 trang, bìa màu. Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại : **Châu Âu : 10 EUR ; Mỹ : 12 USD ; Úc : 15 AUD.** Chi phiếu xin đề : **Vietnam Fraternité** và gửi về tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges - France.

XIN QUÍ VỊ HÃY RA TAY

LTS : *Thư Chúc Xuân* sau đây của hòa thượng Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, có tầm quan trọng đặc biệt. Trước hết nó là một lời kêu gọi chính trị, và hơn nữa, một lời kêu gọi khẩn cấp ("không còn chần chờ được nữa"). Xuất phát từ người lãnh đạo một tôn giáo mà truyền thống là không can thiệp vào chính trị, nó chứng tỏ rằng đất nước đang đứng trước một khúc quanh lịch sử lớn, đòi hỏi một chọn lựa quả quyết. Sau đó là nhân cách của người đưa ra lời kêu gọi. Hòa thượng Quảng Độ là một vị chân tu, một đại lão hòa thượng mà đạo đức và tầm nhìn bắt buộc mọi người biết ông phải kính trọng, không có gì quá đáng nếu coi Quảng Độ là người cao cả nhất trong những người Việt Nam còn sống. Hãy lắng nghe Quảng Độ : "Không còn con đường nào khác ngoài con đường dân chủ đa nguyên" và đất nước "đòi hỏi sự lên tiếng và tham gia của quý vị nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ cùng đồng bào cho tiến trình dân chủ hóa đất nước trong năm Ất Dậu này". Và Quảng Độ kết thúc bằng một câu nặng chiuu chân tình : "Thư chưa gửi đi mà lòng đã trông đợi". Đừng phụ lòng mong đợi của Quảng Độ.

Tựa đề "Xin quý vị hãy ra tay" là của Thông Luận, trích từ một đoạn trong thư này. Mong độc giả tiếp đón thư này với lòng trân trọng.

THƯ CHÚC XUÂN

Kính gửi quý vị nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, và đồng bào trong và ngoài nước

Thưa quý liệt vị,

Đức đệ tứ tăng thống Thích Huyền Quang vừa gửi *Thông điệp Xuân Ất Dậu*, dương lịch 2005, chúc mừng chư tôn hòa thượng, thượng tọa, đại đức, tăng ni và toàn thể Phật tử các giới trong và ngoài nước.

Phần tôi nhân dịp Xuân về, thay mặt Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, xin kính lời Chúc Xuân và Mừng Tuổi quý liệt vị. Mấy chục năm nay, tôi và hàng giáo phẩm giáo hội lâm cảnh tù đầy, rồi quản chế khắc khe, nên đã không còn hoàn cảnh thuận duyên, thư thái và tự do như trước năm 1975, để thuận hòa trong truyền thống thăm hỏi chúc xuân chư liệt vị nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ cùng đồng bào trong và ngoài nước.

Cầu chúc quý liệt vị cùng bảo quyền một năm mới an lành, thành công như ý nguyện. Kèm theo lời Chúc Xuân, chúng tôi mong được nói lên đôi lời ưu tư tâm huyết về tiền đồ quê hương Việt. Người ta thường nói : đất có tuần, dân có vận. Vận nước tuần hoàn đi rồi lại lại. Sự tuần hoàn như thế xác định mọi sự trên thế giới đều chuyển biến, thay đổi không ngừng, chẳng có gì tồn tại vĩnh viễn. Đạo Phật chúng tôi gọi lẽ ấy là vô thường. Nhờ vô thường, mà con người có thể tham dự, như tác nhân, để chuyển hóa nghịch cảnh : hạnh phúc có thể tái tạo, tự do có thể thiết lập, nô lệ có thể chấm dứt. Cho nên kẻ sĩ phu theo thời mà thông biến. Lịch sử nước ta trải dài nhiều nghìn năm cho thấy sĩ phu là giới hiểu thời vụ, nhờ hiểu thời vụ mà ra tay chuyển hóa thời đại làm cho quê hương thoát cơn luân hiểm, sinh dân được an lạc.

Sau cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc, các thế quyền đã thử nghiệm những phương thức xã hội khác nhau. Nhưng quảng đại nhân dân chưa no ấm, hạnh phúc. So với các nước láng giềng trong khu vực, thì nước Việt ngày càng tụt hậu. Làm sao đây ? Chúng tôi nghĩ rằng, xưa cũng như nay, đất nước phải cậy nhờ giới sĩ phu đảm đương trách nhiệm. Bấy mươi năm thử nghiệm ý thức hệ Mác-Lê

không đem lại cho nhân sinh tự do và no ấm. Nên đầu thập kỷ 90, Liên Xô và toàn bộ phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, chấm dứt chiến tranh lạnh phân đôi thế giới.

Nay ta nên làm gì ?

Xu thế địa cầu ngày nay, khắp năm châu nổi lên ý lực hợp tác, chia sẻ, đối thoại, qua phong trào toàn cầu hóa kinh tế và toàn cầu hóa dân chủ.

Chúng tôi suy nghĩ từ bản thân qua hàng chục năm lưu đầy, tù ngục và quản chế, thì thấy không còn con đường nào khác ngoài con đường dân chủ đa nguyên để tái thiết đất nước. Lẽ giản dị là nhiều ý kiến vẫn hơn một ý niệm độc tôn, nhiều thành phần chính kiến, tôn giáo, xã hội, đồng tâm hiệp lực xây dựng quê hương, vẫn hơn một đảng phái độc quyền bao cấp quản lý.

Nhận thức trên đây muốn thành hiện thực, đòi hỏi sự lên tiếng và tham gia của quý vị nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ cùng đồng bào cho tiến trình dân chủ hóa đất nước trong năm Ất Dậu này. Đầu năm 2001, chúng tôi đã có dịp đề xuất *Lời kêu gọi cho dân chủ Việt Nam* qua một chương trình 8 điểm. Vì lời kêu gọi này chúng tôi bị quản chế hành chính hai năm. Hy vọng rằng, tình hình khách quan năm nay, quý vị sẽ có nhiều thuận duyên, may mắn hơn, khi cất tiếng kêu gọi và hoạt động cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Nên không còn chần chờ được nữa.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và trong cương vị tăng sĩ, chúng tôi không làm chính trị, không tham gia chính trị. Nhưng chúng tôi phải có thái độ chính trị. Thái độ này thể hiện giáo lý nền tảng của đạo Phật, là cứu chúng sinh ra khỏi mọi nạn ách, khổ đau để tạo điều kiện giác ngộ. Hẳn nhiên thái độ ấy tùy thuộc các chính sách của nhà nước có phục vụ quảng đại quần chúng nhân dân hay không. Trong kinh sách Phật giáo, đức Phật không làm chính trị, nhưng Ngài không ngừng cố vấn, khuyến thỉnh các vị vua phải có chính sách đúng đắn để phục vụ quần chúng. Ngài cũng có những lời khuyên bảo thích đáng cho

quần chúng Phật tử về cung cách làm ăn kinh tế sao cho thu đạt lợi nhuận, gây cơ sở vật chất làm tiền đề cho sự phát triển đời sống tâm linh.

Ở nước ta, các quốc sư Phật giáo dưới các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê đã hành hoạt theo gương đức Phật. Gặp lúc biến, các thiền sư cũng tham gia chống ngoại xâm. Đuổi xong giặc, các ngài lại trở về nơi thiền viện lo việc an tâm và giáo hóa.

Gần ba nghìn năm trước, giáo hội Phật giáo được đức Phật thiết lập trên tứ chúng, bao gồm hai chúng nam nữ xuất gia gọi là tỳ kheo và tỳ kheo ni, và hai chúng tại gia nam nữ cư sĩ Phật tử. Hai chúng nam nữ tăng sĩ không tham gia chính trị. Nhưng hai chúng nam nữ cư sĩ sống giữa xã hội có toàn quyền tham gia và đóng góp trên mọi lĩnh vực của đời sống như kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, chính trị, v.v.

Tuy không làm chính trị, nhưng Giáo hội ủng hộ mọi nỗ lực chính trị nhằm bảo vệ đất nước, bảo vệ truyền thống văn minh nòi giống, âu lo cho mỗi con người được sống đời no ấm, tự do, được hưởng trọn các quyền ghi trong *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* mà Việt Nam tham gia ký kết tại Liên Hiệp Quốc từ năm 1982. Và cùng với sự hậu thuẫn tinh thần của giáo hội, hàng nam nữ cư sĩ Phật tử tại gia có thể trực tiếp đóng góp vào công cuộc chung với tinh thần lợi tha bình đẳng.

Trong cuộc trả lời phỏng vấn đài nước ngoài gần đây, tôi có ngờ lời đề nghị nhà nước Việt Nam không nên sợ hãi. Chỉ sợ mình không có chính nghĩa, không thật sự có tâm huyết với dân tộc thôi. Chứ sợ gì mất quyền. Đừng sợ có tự do, dân chủ là mình mất quyền. Không đâu. Người dân bây giờ tinh tường lắm. Ai có công, ai thật sự vì dân, vì nước, người ta biết. Hãy xem gương các đảng cộng sản ở các nước Đông Âu cũ bây giờ đều chấp nhận đa đảng. Thế mà ở Ba Lan, Tiệp Khắc, v.v. dân chúng vẫn có người bỏ phiếu cho đảng cộng sản, thì có mất gì đâu. Miễn là mọi đảng phái khác cũng được quyền tham dự để cho dân có cơ sở so sánh, lựa chọn, các đảng phái có cơ sở tranh đua phục vụ tổ quốc. Đừng sợ nhiều đảng loạn quyền. Chỉ sợ dân trí bị kìm hãm trong chủ nghĩa ngu dân thôi. Mà đã ngu dân, thì một đảng cũng sinh loạn. Bối cảnh nước ta ngày nay, theo tôi, không cần có vài chục đảng mới thiết lập được dân chủ. Chỉ cần một đảng tả khuynh, một đảng hữu khuynh, một đảng trung hòa đại diện cho các dòng suy nghĩ chính lưu. Tuy nhiên việc này còn tùy thuộc ý nguyện của nhiều người. Nhưng trái lại, phải có nhiều xã hội công dân tự do xuất hiện với mọi quyền con người cơ bản, ắt việc nước sẽ hanh thông, quốc gia sẽ thịnh trị. Điều kiện tiên quyết muốn được như vậy là phải có tự do, dân chủ thật sự để mỗi người và mọi thành phần xã hội được bình đẳng tham gia việc nước. Không sung sướng gì bằng, không hạnh phúc gì bằng, khi những người làm chính trị được chính người dân tin tưởng giao quyền cho.

Đời sống nhân dân các nước dân chủ ở Bắc Âu là mô thức khá hoàn hảo về sự an lạc và tự do của người dân mà chúng ta có thể học hỏi, nghiên cứu, dung hòa, áp dụng vào bối cảnh Việt Nam.

Thơ

Tĩnh Thất

Nghìn năm trước lên núi
Nghìn năm sau xuống lầu
Hạt cải tròn con mắt
Dấu chân người ở đâu
Lão già trên góc phố
Quần quai trời mưa đông
Áo lụa gầy hoa đỏ
Phù du rụng xuống dòng
Khói ơi bay thấp xuống đi
Cho ta nằm lại chút gì thanh xuân
Ta đi trong cõi vĩnh hằng
Nhớ tàn cây nhỏ mấy lần rụng hoa

Tuệ Sỹ

Phải có dân chủ đa nguyên thì mới giải quyết mọi vấn nạn bế tắc từ ba mươi năm qua trên đất nước. Pháp nạn của Giáo hội chúng tôi cũng tùy thuộc công cuộc dân chủ hóa này để được giải trừ.

Nó là giải pháp thay thế, mà muôn dân trông đợi.

Thử trầm tĩnh nghĩ xem, có phải là đảo chính bằng lá phiếu dân chủ vẫn hơn là những cuộc đảo chính bằng bạo loạn ?

Sống trong cảnh huống ngày nay, người có lòng dạ và ưu tư đều bị đẩy vào tâm trạng chờ tức nước vỡ bờ. Thế thì sao không chọn con đường nhân nghĩa của truyền thống cha ông để nước chở thuyền thay vì nước lật thuyền ?

Chẳng nên nghĩ rằng hề có công an cho đông, nhà tù cho nhiều, và quân đội hùng mạnh là sẽ giữ được quyền bính mãi mãi. Chỗ dựa vững chắc nhất của một chế độ chính trị là lòng dân.

Không là chính trị gia, chúng tôi chỉ có vài ý kiến thô thiển kêu gọi quý vị nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ và đồng bào là những người nhạy cảm với cuộc sống. Làm sao cho một cái gậy đầu hay lắc đầu của lực lượng trí tuệ mang yếu tố quyết định thay đổi thời cơ.

Xin quý vị hãy ra tay chặn ngăn các nẻo dữ, đóng lên tiếng chuông cảnh tỉnh, đánh lên hồi trống đại hùng khai mở Đường Lành trong năm Ất Dậu 2005 này. Đường Lành ấy là con đường dân chủ đa nguyên đưa tới sự ổn định, phát triển và an lạc. An lạc cho quần chúng chỉ có ý nghĩa đích thực khi bảo đảm được quyền tự chủ quốc gia và những quyền tự do, dân chủ căn bản của toàn dân trong sinh hoạt cộng đồng thế giới.

Làm sao cho xuân qua rồi mà hoa vẫn hàm tiếu, người đến bên cây rừng mà chim không kinh sợ bay xa : *Xuân khứ hoa hoàn hạm, Nhân lai diểu bất kinh.*

Thư đã dài mà ý chưa hết. Chưa gửi đi nhưng lòng đã trông đợi. Xin chư Liệt vị nhận nơi đây lời Chúc Xuân chân thành và niềm hy vọng của tôi.

Phật lịch 2548 - Thanh Minh Thiền viện
Sài Gòn, ngày giáp Tết Ất Dậu, 3-2-2005
Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN
Sa môn Thích Quảng Độ

"Kẻ sĩ phải nói những điều ích nước lợi dân"

Trong tiết trời lạnh ẩm của Xuân Ất Dậu (2005), tôi nhận được Thư chúc xuân của Hòa thượng do một Phật tử đem tới.

Đọc thư xong tôi phải thấp hươu cảm ơn Trời Phật, lòng tưởng nhớ đến đức Trần Nhân Tông, một vị vua đời Trần đã sáng lập nên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Một vị vua anh hùng ba lần đánh thắng giặc Nguyên-Mông, đã từ bỏ ngai vàng, đi tu, nhằm giúp đỡ chúng sinh phát triển tâm linh để nhân dân được no ấm, an lạc, đất nước hưng thịnh dài lâu. Quả thật, thế kỷ 13 sau công nguyên, nước ta đã là một đất nước như thế, giữ khô nguyên trong khu vực Đông Nam Á lúc bấy giờ, ngẩng cao đầu với thế giới loài người.

Còn nước ta bây giờ thì sao ?

Sau hai cuộc chiến tranh kéo dài gần 30 năm, chống Pháp rồi chống Mỹ, tổn hại biết bao sinh linh, ta đã giành được độc lập thống nhất toàn lãnh thổ. Ta thường tự hào về điều này. Báo chí, sách vở, phim ảnh luôn luôn đề cao nhân dân ta anh hùng. Điều đó không sai, nhưng chúng ta đã quá ngây ngất lạm dụng điều đó, để tự bịt mắt bưng tai, rồi thành tụt hậu so với khu vực và thế giới. Nghe kể, ông thủ tướng Thái Lan trong một tiệc chiêu đãi ngoại giao ông thủ tướng Việt Nam, đã có lời đáp từ, đại ý : "*Người Thái Lan chúng tôi cũng rất tự hào vì đã tránh được những cuộc đụng độ với những thế lực hùng mạnh trên thế giới*".

Việc này xảy ra đã lâu, vị thủ tướng đáng kính của Việt Nam đã khuất bóng. Nhưng thiết nghĩ nó vẫn còn là bài học mang tính thời sự nóng hổi cho đến hôm nay.

Vậy nên tự hào vừa vừa thôi, anh hùng vừa vừa thôi. Bởi vì chúng ta còn quá nghèo, dân ta còn quá khổ. GDP đầu người Việt Nam cho đến bây giờ mới gần 400 đôla, bằng 1/3 Thái Lan, bằng 1/50 Singapore, bằng 1/70 của Mỹ. Nếu mức tăng trưởng kinh tế 7,5% năm theo như kế hoạch đặt ra, giữ được liên tục, thì cũng phải 20 năm nữa mới đuổi kịp Thái Lan hiện nay. Mà họ có phải dừng lại để chờ ta đâu. Có lẽ lúc này người Việt Nam nên biết hổ thẹn, phải thấy xấu hổ, phải có lúc thấy nhục nhã nữa, khi để đất nước tụt hậu, kém phát triển, tham những triển miên sau chiến tranh đã 30 năm. 30 năm so với lịch sử là ít, nhưng so với một đời người là đã quá dài.

Cái gì đã làm chúng ta khổ sở và chậm chạp đến như vậy ? Tôi rất tâm đắc với nhận định của Hòa thượng : "*70 năm thử nghiệm ý thức hệ Mác-Lê không đem lại cho nhân sinh tự do và no ấm, nên đầu thập kỷ 90, Liên Xô và toàn bộ phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, chấm dứt chiến tranh lạnh phân đôi thế giới*".

Xu hướng thế giới ngày nay là hội nhập toàn cầu, toàn cầu hóa kinh tế và toàn cầu hóa dân chủ. Vậy Việt Nam ta nên thế nào ?

Trong Thư chúc xuân, Hòa thượng viết : "*Chúng tôi suy nghĩ từ bản thân qua hàng chục năm lưu đày, tù ngục và quản chế, thì thấy không còn con đường nào khác ngoài con đường dân chủ đa nguyên để tái thiết đất nước. Lẽ giản dị*

là nhiều ý kiến vẫn hơn một ý niệm độc tôn, nhiều thành phần chính kiến, tôn giáo, xã hội đồng tâm hiệp lực xây dựng quê hương, vẫn hơn một đảng phái độc quyền bao cấp quản lý".

Học thuyết Mác-Lênin, chuyên chính, độc quyền, thực nghiệm ở Việt Nam đã nhiều chục năm nay, không mang lại kết quả như ý muốn. Trên thực tế, có nhiều điều ngược lại. Vậy ta cũng chẳng nên luyến tiếc nó làm gì. Một vị giáo sư trong Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam vào đầu Xuân Ất Dậu, trong lời chúc mừng Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, chúc mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, có đề xuất Đảng nên tiếp tục đổi mới, đổi tên Đảng thành Đảng Việt Nam theo định hướng độc lập tự do, dân chủ công bằng văn minh, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, hòa bình hữu nghị... thực hiện ý tưởng của Hồ Chí Minh để lại (vì cụ Hồ có nói trong Quốc hội khóa 1 ngày 31-10-1946 : "*Tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước nhân dân, trước thế giới : tôi chỉ có một Đảng, Đảng Việt Nam*").

Trước đó, nhà khoa học Phan Đình Diệu, trong đề cương phát biểu ý kiến theo yêu cầu của chương trình khoa học KX-10 do Ban tổ chức trung ương chủ trì, cũng đề xuất đến dân chủ đa nguyên và đề nghị đổi tên Đảng thành Đảng Xã Hội Dân Chủ.

Như thế là nhiều ý tưởng tốt đẹp đã gặp gỡ nhau, đã quy vào một mối, tạo tiền đề cho sự phát triển đất nước Việt Nam trên con đường mới. Một năm mới mở đầu với nhiều ý tưởng hết sức tốt đẹp.

Chuyện năm cũ, tháng 10-2004 ông giám đốc công an Hà Nội có mời tôi lên. Trong nhiều ý kiến trao đổi, tôi có nói một ý : "*Thầy giáo Chu Văn An dạy : "Kẻ sĩ phải nói những điều ích nước lợi dân". Tôi là người đọc sách, nhận ra sự trì trệ của nước nhà là do thiếu dân chủ, thành độc tài, chuyên chế, gây ra nhiều tệ nạn tham nhũng, cửa quyền, bè phái, trù úm, cướp đất đai, học vị rôm v.v. Chúng tôi phải lên tiếng chê trách những điều đó. Nếu lãnh đạo nghe ra, sửa chữa những thiếu sót, thì đất nước được phát triển thuận lợi, dân chúng được no đủ. Đất nước phát triển, dân chúng no đủ, thì ghế của lãnh đạo sẽ vững vàng, không thể lung lay. Chúng tôi già rồi, không nhằm lợi lộc gì ở đây cho cá nhân mình. Còn nếu lãnh đạo không nghe ra, bực tức, muốn bắt bớ, bỏ tù, thậm chí bắn giết, thì chúng tôi chịu. Nhưng vẫn cứ phải nói, phải viết. Cho lương tâm mình được thanh thản. Cũng là noi gương người xưa cả thôi. Không có gì mới. Vì, cũng theo người xưa dạy : "Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không nói hết là bất nghĩa". Cố gắng để không hổ thẹn với người xưa và không phải đổ mặt với người sau. Chúng tôi không làm chính trị, không có tham vọng tranh quyền đoạt chức. Sự nghiệp của tôi là văn chương chứ không phải chính trị, nhưng sống phải có thái độ chính trị*".

Nhà thơ Bùi Minh Quốc bạn tôi, giáp Tết Ất Dậu từ Đà Lạt ra Hà Nội, có công bố một tài liệu của nhà văn quá

cố Nguyễn Minh Châu. Khi anh Châu nằm chữa bệnh chờ chết ở chùa Pháp Hoa (Đồng Nai) có viết một bức thư cho bạn, trong đó có đoạn : "*Nhà văn nước nào cũng vậy, ngoài tiếng nói trong tác phẩm, phải có tiếng nói trong xã hội, tiếng nói trước công bằng và bất công, trước chiến tranh và hòa bình. Theo tôi, làm một thằng nhà văn Việt Nam vào lúc này mà tìm cách lẩn tránh vấn đề dân chủ là thiếu tư cách, kể cả việc anh núp sau lập luận rằng văn học là cái gì sâu xa để đời...*".

Cho nên tôi càng tâm đắc với *Thư chúc xuân* của Hòa thượng : "*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và trong cương vị tăng sĩ, chúng tôi không làm chính trị, không tham gia chính trị. Nhưng chúng tôi phải có thái độ chính trị. Thái độ này thể hiện giáo lý nền tảng của đạo Phật, là cứu chúng sinh ra khỏi mọi nạn ách, khổ đau để tạo điều kiện giác ngộ [...]* Trong kinh sách Phật giáo, đức Phật không làm chính trị, nhưng Ngài không ngừng cố vấn, khuyến thỉnh các vị vua phải có chính sách đúng đắn để phục vụ quần chúng. Ngài cũng có những lời khuyên bảo thích đáng cho quần chúng Phật tử về cung cách làm ăn kinh tế sao cho thu đạt lợi nhuận, gây cơ sở vật chất làm tiền đề cho sự phát triển đời sống tâm linh".

Xin được gửi lời hoan hỷ đến với Hòa thượng.

Trong dịp xuân mới chúng tôi mong rằng đường lối chính sách của những nhà lãnh đạo Việt Nam có nhiều đổi mới, để huy động được tài trí, tiền của của mọi người, mọi giới, không phân biệt chính kiến, tôn giáo trong nước và nhất là với khối Việt kiều hải ngoại, cùng góp sức dựng xây một đất nước Việt Nam dân chủ và phát triển, không hổ danh con cháu các vua Hùng trên bờ biển Thái Bình Dương xanh tươi muôn đời sống võ.

Chúng tôi là những người viết văn, sở nguyện là văn chương, nhưng phải lên tiếng về dân chủ, vì không có dân chủ thì không thể tự do sáng tác văn chương. Cũng như Hòa thượng, là những người tu hành, không có dân chủ không thể có tự do tôn giáo, điều cần yếu để phát triển tâm linh giúp đỡ loài người thoát khỏi khổ đau.

Tấm gương vô úy của Hòa thượng trong hành trình dẫn thân cho tự do tôn giáo ở Việt Nam làm mọi người cảm phục. Nỗi sợ hãi là cái thiếu nhất của chúng sinh hiện nay. Chúng sinh thiếu cái gì, ta giúp họ cái đó. Đạo Phật là đạo của sự giải thoát, giúp con người thoát khỏi sự sợ hãi và được sống cho ra một con người.

Đọc *Thư chúc xuân* của Hòa thượng làm sao tôi cứ nhớ tới đức Điều Ngự Giác Hoàng Trúc Lâm Đại Đầu Đà Trần Nhân Tông. Ngài tu đạo nhưng vì dân vì nước. Đạo của Ngài không xa lánh đời. Nói cách khác Phật sinh ra là vì chúng sinh. Đạo là vì đời. Đạo phải cứu đời. Có cái gì rất giống nhau giữa thiền phái Trúc Lâm và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Cầu mong chư Phật phù hộ độ trì cho Hòa thượng sức khoẻ và sự minh triết, để góp phần vào sự hưng thịnh Phật giáo Việt Nam, hưng thịnh đất nước Việt Nam.

Nam mô A di đà Phật !

Thăng Long, ngày 22 tháng 2 năm 2005
Hoàng Tiến, nhà văn

Đã tái bản

TỔ QUỐC ĂN NĂN

của
NGUYỄN GIA KIỂNG

Ốc sứa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.

Liên lạc :

Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier,
77185 Lognes, France - Email : qkhh@aol.com

Giá bán (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.
- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyen Ngoc Oanh**, và gửi về địa chỉ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151, USA.
- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Có bán tại nhà sách **KHAI TRÍ**, 93 avenue d'Ivry, 75013 Paris. ĐT : 01 45.82.12.40 - 01.45.82.95.81

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm**.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Kontonr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

Tìm đọc Thông Luận
và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Thêm một tiết lộ về Lê Đức Anh

LTS : Sau đây là nguyên văn một thư của ba nhân vật lịch sử của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đó là các ông Hai Xô (95 tuổi), Bảy Cống (87 tuổi) và Năm Thi (85 tuổi). Các vị này nói ra những điều họ biết về nhân vật Lê Đức Anh, con người có quyền lực nhất, hầu như quyết định tất cả, tại Việt Nam trong 15 năm qua sau khi Lê Đức Thọ qua đời.

Giá trị của tài liệu này là ở chỗ nó do những người trong cuộc, biết rõ về ông Lê Đức Anh và một phần nào đó quyết định giai đoạn đầu của sự nghiệp của nhân vật này. Độc giả không khỏi thắc mắc tại sao ông Lê Đức Anh chỉ được kết nạp vào đảng cộng sản tháng 4-1945 mà ngay sau cuộc đảo chính của Nhật ngày 9-3-1945 đã là một cấp chỉ huy khá quan trọng ? Mâu thuẫn này, nếu có thể gọi là mâu thuẫn vì tình hình lúc đó rất phức tạp, càng nói lên sự trung thực của những điều họ viết ra, biết sao nói vậy, không thêm bớt.

Qua những điều họ viết ra thì Lê Đức Anh là một nhân vật rất thủ đoạn và nhẫn tâm, tuy không phải là người lãnh đạo tài ba. Nhân vật Lê Đức Anh có rất nhiều bí ẩn. Lên chức rất nhanh trong giai đoạn đầu, năm 1956 đã là thượng tá tham mưu phó quân khu Hữu Ngạn (do thiếu tướng Trần Độ làm chính ủy), được gửi vào miền Nam từ 1960 với quân hàm đại tá, ông đã bị thất sủng, không được thăng chức trong suốt 15 năm chiến đấu tại miền Nam với chức vụ tư lệnh quân khu 9. Sau ngày 30-4-1975, ông bỗng nhiên được Lê Đức Thọ, con người nắm hầu hết quyền lực trong đảng cộng sản, đặc biệt chiếu cố, được thăng đột ngột lên trung tướng không qua cấp thiếu tướng, rồi trở thành đại tướng, ủy viên bộ chính trị năm 1982. Từ đó ông trở thành tay mặt của Lê Đức Thọ. Từ đại hội 7, ông trở thành nhân vật quyền lực nhất Việt Nam, thay thế Lê Đức Thọ.

Lê Đức Anh đã đóng vai trò quyết định trong việc cản trở tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. có thể nói nếu không có Lê Đức Anh thì đợt đổi mới bắt đầu từ cuối năm 1986 với tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã tiếp tục và lịch sử Việt Nam đã thay đổi. Như vậy Lê Đức Anh đúng là một nhân vật lịch sử, dù là một nhân vật lịch sử rất tác hại cho đất nước. Hiện nay Lê Đức Anh dù không còn nắm một chức vụ chính thức nào, vẫn là người đứng đầu phe chống dân chủ, đang khống chế đảng cộng sản. Địa vị của Lê Đức Anh tương tự như Đặng Tiểu Bình tại Trung Quốc trong những năm cuối đời. Nhưng Lê Đức Anh không có cái tầm nhìn của Đặng Tiểu Bình.

Từ năm năm qua, Lê Đức Anh là đối tượng của những đả kích phẫn nộ từ những người dân chủ và những đảng viên lão thành cao cấp của đảng cộng sản. Lê Đức Anh sẽ còn kiểm soát được tình hình đến bao giờ ? Điều chắc chắn là ông đã mất hầu hết uy tín và không còn là một chỗ dựa cho phe bảo thủ chống dân chủ nữa. Trần Đức Lương, người được ông chỉ định kế vị sẽ không thể khống chế đảng cộng sản được nữa sau khi ông qua đời. Phe bảo thủ sẽ không thể duy trì được và tình hình Việt Nam chắc chắn sẽ có thay đổi lớn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2005

Kính gửi :

- Bộ chính trị
- Ủy ban kiểm tra trung ương đảng
- Ban chấp hành trung ương đảng khóa 9

Đồng kính gửi :

- Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh
- Đại tướng Võ Nguyên Giáp
- Đ/c Lê Khả Phiêu, nguyên tổng bí thư
- Đ/c Nguyễn Đức Tâm, nguyên ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương

Chúng tôi gồm :

1. Phạm Văn Xô (Hai Xô) sinh năm 1910, vào đảng năm 1930, nguyên ủy viên thường vụ Xứ ủy Nam Bộ thời kháng chiến chống Pháp ; ủy viên thường vụ Trung ương Cục miền Nam - trưởng ban kiểm tra trung ương Cục thời chống Mỹ, nguyên ủy viên ban chấp hành trung ương đảng ; ủy viên ban kiểm tra trung ương khóa 3, nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đồng Văn Cống (Bảy Cống), trung tướng, sinh năm 1918, nguyên trung đoàn trưởng trung đoàn 99 Nam Bộ thời kháng chiến chống Pháp ; tư lệnh quân khu 9, phó tư

lệnh quân giải phóng miền Nam, ủy viên quân ủy Miền thời kháng chiến chống Mỹ ; tư lệnh quân khu 7, phó tổng thanh tra quân đội sau ngày đất nước thống nhất, nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Văn Thi (Năm Thi) sinh năm 1920, nguyên ủy viên ban cán sự đảng, ủy viên tỉnh ủy, ủy viên thường vụ tỉnh ủy Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương) từ năm 1942 đến năm 1946, chi đội trưởng chi đội I, liên trung đoàn trưởng 301-310, tư lệnh đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn (1950), bí thư đảng bộ nhà tù Côn Đảo (1953) thời kháng chiến chống Pháp ; chủ nhiệm hậu cần bộ chỉ huy Miền thời chống Mỹ, nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh.

Có thư báo cáo và kiến nghị lên các cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng mấy điểm sau đây :

Thời gian qua, nhiều cán bộ lão thành cách mạng và cựu chiến binh cao tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ đến gặp chúng tôi hỏi tình hình nội bộ đảng. Họ đưa chúng tôi xem nhiều tài liệu mà con cháu họ truy cập được từ Internet. Trong các tài liệu đó, có thư của nhiều tướng lĩnh và lão thành cách mạng gửi bộ chính trị và trung ương khóa 9, đặc biệt là thư ngày 3-1-2004 của đại tướng Võ Nguyên Giáp ; các thư của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh, nguyên phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, nguyên ủy viên

trung ương đảng các khóa 5, 6, 7 ; của đồng chí Nguyễn Trọng Vĩnh, 65 tuổi đảng, nguyên cục trưởng cục tổ chức Tổng cục chính trị Quân Đội Nhân Dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp, ủy viên trung ương đảng khóa 3 ; của đồng chí Nguyễn Tài, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, nguyên thứ trưởng bộ công an, phó chủ nhiệm ủy ban pháp luật của quốc hội khóa 8.

Các bức thư tâm huyết đó đều kiến nghị bộ chính trị phải sớm đưa ra hội nghị trung ương đảng xem xét và xử lý một loạt các vụ việc nghiêm trọng liên tiếp xảy ra trong đảng hàng chục năm qua, trong đó có vụ T4, từng được bộ chính trị khóa 8 bàn giao lại cho bộ chính trị khóa 9 và được coi là "một vụ án chính trị siêu nghiêm trọng" nhưng đến nay vẫn chưa vạch mặt những kẻ cầm đầu để xử lý một cách triệt để.

Những vụ việc trên, chúng tôi ít nhiều đều có nghe, có biết. Qua các thư trên, chúng tôi càng hiểu rõ hơn. Nhưng do phải chờ kết luận của trung ương, chúng tôi không thể giải thích cho những người đến hỏi.

Nay xin báo cáo và cung cấp một số tư liệu để trung ương có thêm căn cứ xem xét nguồn gốc các vụ việc nói trên.

Theo chúng tôi thì những vụ việc nghiêm trọng xảy ra trong hơn hai chục năm qua, từ vụ Xiêm Riệp (1983), Sáu Sứ (1991), vụ nâng Cục 2 lên thành Tổng Cục 2 với quyền hạn siêu đảng, siêu nhà nước, được hợp pháp hóa bằng pháp lệnh tình báo của quốc hội và nghị định 96/CP của chính phủ, vụ T4 (1997-1999), đến vụ nói xấu, vu khống nhằm lật đổ tổng bí thư Lê Khả Phiêu trước đại hội 9, v.v., đều có bàn tay của nhân vật từng hoạt động cách mạng và kháng chiến ở Nam Bộ mà chúng tôi đều biết rõ. Đó là nguyên cai đồn điền cao su, nguyên chủ tịch nước, nguyên cố vấn Lê Đức Anh.

Vì sự trong sạch và vững mạnh của đảng, với ý thức trách nhiệm của những người cộng sản từng gắn bó với đảng và hoạt động ở Nam Bộ hơn sáu bảy chục năm qua, chúng tôi xin báo cáo với đảng một số hiểu biết về Lê Đức Anh như sau :

1. Lê Đức Anh không phải là công nhân cao su như tự khai trong lý lịch mà là người phụ trách việc chế biến thực phẩm cho chủ đồn điền và các quan chức Pháp ở Lộc Ninh (*chef des cooperatives*) từ đầu thập kỷ 40 của thế kỷ 20, được anh chị em công nhân cao su đặt cho biệt danh là "cai lé", do chột mắt vì bệnh đậu mùa. Lê Đức Anh là người giúp việc thân cận của chủ đồn điền De Lalant (Delalande ?), một sĩ quan phòng nhì của Pháp. Lương của y cao như lương của *chef de camp*.

Năm 1955, sau khi bộ đội Nam Bộ tập kết ra miền Bắc, đồng chí Trần Văn Trà là tư lệnh kiêm chính ủy, đồng chí Nguyễn Văn Vịnh là phó chính ủy, đồng chí Đồng Văn Cống làm tham mưu trưởng, Lê Đức Anh làm tham mưu phó. Thấy Lê Đức Anh không được vào đảng ủy, đ/c Đồng Văn Cống hỏi thì đ/c Vịnh trả lời : "Qua lớp chính đảng ở Việt Bắc, lý lịch của Lê Đức Anh không rõ, nên không giới thiệu".

Trong một lần tâm sự với Lê Đức Anh, đ/c Đồng Văn

Cống hỏi : "Nghe người ta nói cậu là *surveillant* ?". Lê Đức Anh không trả lời. Đ/c Đồng Văn Cống hỏi tiếp : "Hay cậu là 2è bureau (phòng nhì) ?". Lúc ấy Lê Đức Anh mới trả lời : "Tôi làm công chức cho đồn điền".

Đến Đại hội đảng lần 4 năm 1976, đ/c Đồng Văn Cống, Lê Đức Anh và Nguyễn Chánh Nam Bộ cùng dự đại hội, sinh hoạt trong đoàn quân sự. Khi xem danh sách giới thiệu vào trung ương khóa 4, thấy ghi Lê Đức Anh là công nhân cao su, đ/c Đồng Văn Cống hỏi : "Sao cậu khai là công nhân ?". Lê Đức Anh ấp úng trả lời : "Họ ghi sai, tôi là công chức !".

2. Lê Đức Anh không phải là đảng viên từ năm 1938 mà từ tháng 4 năm 1945, khi ban cán sự đảng Thủ Dầu Một tuyên bố tổ chức y vào đảng và giao nhiệm vụ cho y về gây dựng cơ sở cách mạng ở đồn điền cao su Lộc Ninh trong một cuộc họp có 8 người, trong đó có đồng chí Năm Thi tham dự, vì thấy y tỏ ra hăng hái trong phong trào công nhân cao su ở Lộc Ninh sau ngày Nhật đảo chánh Pháp. Cuộc họp đó do bí thư Văn Công Khai chủ trì bàn việc phối hợp với phe đồng minh chống phát xít Nhật theo chủ trương chung của mặt trận Việt Minh.

Do man khai đảng viên từ năm 1938, nên năm 1998, Lê Đức Anh được tặng huy hiệu 60 năm tuổi đảng, được báo chí, truyền hình rầm rộ đưa tin trên cả nước !

Đầu năm 2002, để tiếp tục "hợp thức hóa" đảng tịch của mình, Lê Đức Anh cho công chiếu trên đài truyền hình trung ương bộ phim tài liệu nhan đề "Đồng chí Lê Đức Anh" vào tối mừng 4 Tết. Không tìm được "nhân chứng lịch sử" nào sáng giá hơn, người ta cho xuất hiện một ông anh trong gia đình để xác nhận "Lê Đức Anh từng đậu Đíp-lôm (bằng Thành Chung) và vào đảng năm 1938 !".

3. Lê Đức Anh đã hai lần để sống toàn quyền Decoux, thống đốc Nam Kỳ Hoffen và chủ đồn điền De Lalant, sĩ quan phòng nhì của Pháp.

Trong cuộc đảo chánh Nhật-Pháp ngày 9-3-1945, quân Nhật bắt được toàn quyền Pháp ở Đông Dương Decoux và thống đốc Nam Kỳ Hoffen tại Sài Gòn, sau đó giải về giam ở nhà De Lalant, chủ đồn điền cao su ở Lộc Ninh. Đ/c Năm Thi được giao nhiệm vụ dẫn một đội vũ trang lên Lộc Ninh tìm cách bắt sống hoặc tiêu diệt tiểu đội bảo vệ của Nhật, rồi tổ chức dẫn độ Decoux và đồng bọn lên Buôn Mê Thuột để đưa ra Bắc chuyển giao cho trung ương. Đ/c Năm Thi đã bàn bạc với Lê Đức Anh và nhất trí lên kế hoạch phối hợp hành động. Nhưng đêm hôm sau, y bất ngờ hủy bỏ kế hoạch, viện cớ sẽ bị quân Nhật kéo lên khủng bố, phá vỡ cơ sở cách mạng của y !

Tháng 9-1945, khi chỉ huy quân Anh vào Nam vĩ tuyến 16 tiếp nhận sự đầu hàng của quân Nhật, tướng Gracey đòi Nhật trao Decoux và đồng bọn cho quân đội Anh. Để ngăn cản việc đó, tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương cắt đường giao thông từ Lộc Ninh về Sài Gòn, bằng cách đốn cây cản đường từ Lộc Ninh về Hớn Quản rồi phục kích tiêu diệt lực lượng áp giải để bắt bọn Decoux, đơn vị của Lê Đức Anh đã được bổ sung thêm vũ khí để thực hiện nhiệm vụ này. Y nhận lệnh nhưng đã tránh né, cử người khác làm thay. Tên này đã lệnh cho tự vệ dỡ cây và mở đường cho bọn

Nhật đưa Decoux, Hoffen và De Lalant về Sài Gòn an toàn!

4. Trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, Lê Đức Anh đã bỏ chạy không tổ chức cho lực lượng vũ trang đánh trả quân Pháp tập kích vào Thuận Lợi, phá hủy một khối lượng lớn cơ sở vật chất dự trữ của miền Đông.

Để chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc kháng chiến, ta chủ trương di chuyển máy móc thiết bị, vật tư, lương thực của các đồn điền cao su và các địa phương miền Đông Nam Bộ về khu vực Thuận Lợi (Phú Riềng cũ) thuộc công ty cao su Dầu Tiếng là địa bàn ở sâu trong hậu phương ta. Trong khi quân Pháp tập kích Thuận Lợi, Lê Đức Anh và lực lượng vũ trang thuộc quyền của y đang đóng trên đất Thuận Lợi nhưng đã không tổ chức chiến đấu đánh trả quân địch mà bỏ chạy dài về Cống Xanh, chiến khu Đ. Do đó, Thuận Lợi bị quân Pháp đốt cháy toàn bộ kho tàng, nhà cửa trong ba ngày đêm liền. Nghe tin tư lệnh Nguyễn Bình sẽ xử tử mình vì tội đó, Lê Đức Anh bèn lánh mặt, đưa quân về vùng Bắc Bến Cát. (Lúc ấy, đ/c Năm Thi là ủy viên thường vụ tỉnh ủy, chỉ đội phó, kiêm tham mưu trưởng chi đội I Thủ Dầu Một nên biết rõ việc này).

5. Từ năm 1979 đến 1989, lãnh đạo và chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam chiến đấu và giúp bạn ở Campuchia, Lê Đức Anh đã phạm nhiều sai lầm về chính trị và quân sự.

- Về chính trị : ngoài vụ Xiêm Riệp bắt nguồn từ chủ trương "đánh địch ngầm" do Lê Đức Thọ và Lê Đức Anh đề ra, Lê Đức Anh đã có nhiều biểu hiện và hành vi coi thường bạn, cho kiểm tra nhà ở của một số ủy viên bộ chính trị đảng nhân dân cách mạng Campuchia, bao biện làm thay, can thiệp vào công việc nội bộ, bắt bớ đảng viên của bạn khiến bạn phản ứng và nghi ngờ tình cảm quốc tế trong sáng của đảng, nhà nước và quân đội ta.

- Về quân sự : đã đánh giá quá thấp kẻ địch, chủ trương "trong năm 1980, quét sạch quân địch ngoài địa hình mà trọng điểm là vùng rừng Ô-Ran, đồng thời hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ phá tan âm mưu địch dùng phần tử hai mặt lưng đoạn đàng và chính quyền của bạn". Đã chỉ đạo chiến tranh theo kiểu ăn đông, năm này chưa xong thì năm sau, kéo dài đến mười năm vẫn chưa diệt được đối thủ mà Lê Đức Anh gọi là "tàn quân" Pôn Pốt !

Từ cuối năm 1979, Lê Đức Anh đề ra chủ trương "khóa chặt biên giới", "xây dựng tuyến phòng thủ biên giới" với mật danh K5 bằng cách huy động đông đảo nhân dân các địa phương nước bạn, từ rừng núi đến đồng bằng lên biên giới cùng quân tình nguyện Việt Nam và bộ đội bạn chặt cây, đào hào, rải chông và căng giây thép gai nhằm ngăn chặn quân Pôn Pốt từ Thái Lan vào đất Campuchia (!). Mặc dù ta và bạn đã bỏ ra nhiều công sức và tiền của trong nhiều năm, nhưng biên giới vẫn không "khóa chặt" được, địch vẫn mở được hành lang qua biên giới vào nội địa, xây dựng được nhiều căn cứ dọc biên giới, có nơi vào sâu đến 30, 40 kilômét.

Do chủ trương sai lầm của Lê Đức Anh mà hàng chục vạn cán bộ chiến sĩ quân tình nguyện Việt Nam cũng như bộ đội và nhân dân bạn đã bỏ xác trên tuyến biên giới dài

1.200 km cũng như trong nội địa do bị địch đánh úp, do mìn và sốt rét ác tính !

Mặc dù vậy, đến năm 1983, Lê Đức Anh vẫn cho rằng ở Campuchia chưa có chiến tranh, chỉ mới là những "hoạt động du kích" của "tàn quân Pôn Pốt". Chúng sẽ bị tàn lụi vào năm 1985 như nghị quyết của ban cán sự và bộ tư lệnh 719 ! Khi bộ phận tiền phương của cục khoa học quân sự bộ tổng tham mưu tại Campuchia đề nghị nên có sự đánh giá khách quan hơn, có sự chỉ huy chiến tranh bài bản hơn trên cơ sở nghiên cứu tính chất và đặc điểm của cuộc chiến tranh ở Campuchia để tìm ra quy luật đặc thù của nó, thì Lê Đức Anh nổi giận, ra lệnh cho cơ quan tiền phương cục khoa học quân sự gồm 10 đại tá phải rút ngay về nước, trả lại cho bộ tổng tham mưu với lý do "tình giản biên chế ở chiến trường !".

Có những sai lầm khuyết điểm như trên, nhưng Lê Đức Anh vẫn thăng tiến rất nhanh, từ ủy viên trung ương khóa 4 lọt vào bộ chính trị khóa 5 rồi tiến lên nắm chức bộ trưởng bộ quốc phòng, chủ tịch nước !

6. Trong quan hệ gia đình, Lê Đức Anh là người chồng phản bội : Ra Bắc được mấy năm, Lê Đức Anh nói với đ/c Đồng Văn Cống là sẽ xin lấy vợ khác, vì bà Bảy Anh trong Nam đã lấy chồng, lại thuộc thành phần gia đình phản động làm tay sai cho địch ! Đ/c Đồng Văn Cống nói : "Hôm ở Cao Lãnh tôi thấy chị Bảy khóc rất dữ khi tiễn Anh đi tập kết ; nghe nói sau đó chị về công tác ở miền Đông, căn cứ vào đâu mà anh nói Chị đi lấy chồng và theo địch ? Tôi không tán thành".

Nhưng rồi nhờ sự ủng hộ của Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh vẫn bỏ được vợ cũ, lấy được vợ mới. Trong lúc đó thì trong hoàn cảnh đấu tranh khốc liệt và gian khổ ở miền Nam, chị Bảy Anh vẫn một lòng kiên trung chờ đợi và tiếp tục hoạt động cách mạng, làm ủy viên tỉnh ủy Bình Dương cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng !

Khi biết chuyện này, các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Thị Định và đồng bào cán bộ miền Nam đều rất bất bình, cho Lê Đức Anh là một tên vô đạo đức !

Thưa bộ chính trị và ban chấp hành trung ương đảng !

Đây không phải lần đầu tiên các đảng viên Nam Bộ báo cáo với đảng những hiểu biết nói trên về Lê Đức Anh.

Từ năm 1982, khi được tin Lê Đức Anh vào bộ chính trị khóa 5, đồng chí thiếu tướng Tô Ký và hai đồng chí Bảy Cống và Năm Thi bàn nhau và đã làm báo cáo gửi ủy ban kiểm tra trung ương đảng và thường vụ thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không có hồi âm !

Cuối năm 1986 đầu năm 1987, khi thấy Lê Đức Anh lại được bầu vào bộ chính trị rồi làm bộ trưởng bộ quốc phòng sau hai cái chết bất ngờ của hai đại tướng Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn, đ/c Nguyễn Văn Thi lại viết thư tay gửi trực tiếp đến các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Tâm, Lê Đức Thọ nói rõ lai lịch và những hành động đáng ngờ của Lê Đức Anh trước và sau cách mạng tháng 8-1945, nhưng 18 năm qua các khóa trung ương vẫn chưa có trả lời.

Đến Hội nghị trung ương 11B khóa 8 tháng 2 năm 2001, trước thủ đoạn nói xấu, vu khống quá lộ liễu của Lê Đức

Anh nhằm lật đổ tổng bí thư Lê Khả Phiêu, đồng chí Hai Xô đang làm việc ở Hà Nội biết đ/c Năm Thi từng có đơn tố giác, bèn gọi Năm Thi ra gặp các đồng chí Hai Xô, Nguyễn Đức Tâm, Mười Hương và ủy ban kiểm tra trung ương để làm rõ quá khứ của Lê Đức Anh (đ/c Đồng Văn Cống không ra Hà Nội trực tiếp báo cáo, đã phát biểu vào băng ghi âm gửi ra ủy ban kiểm tra trung ương vào đầu tháng 3 năm 2001). Trong cuộc họp đó, đ/c Nguyễn Đức Tâm xác nhận : khi làm trưởng ban tổ chức trung ương, có nhận được thơ tố giác của đ/c Năm Thi, đã báo cáo với Lê Đức Thọ nhưng được trả lời là gác lại, giải quyết sau. Thấy Lê Đức Anh được Lê Đức Thọ bảo vệ, đ/c Nguyễn Văn Linh đành phải gác qua. Cũng trong cuộc họp đó, đ/c Hai Xô phát biểu : "Nếu không chặn đứng được mưu đồ của Lê Đức Anh và đồng bọn, thì tình hình nội bộ đảng sẽ ngày càng nghiêm trọng !".

Như vậy là hơn hai chục năm qua, qua nhiều lần đại hội đảng và nhiều khóa trung ương, chúng tôi đã nhiều lần nói rõ về Lê Đức Anh, nhưng mãi cho đến nay lai lịch, và các hành vi sai trái của nhân vật này vẫn chưa được xác minh và xử lý, gây tác hại nghiêm trọng đến sự trong sạch và vững mạnh, sự đoàn kết và thống nhất của đảng.

Chúng tôi nhất trí với ý kiến của đại tướng Võ Nguyên Giáp là "ban chấp hành trung ương khóa 9 cần xử lý kiên quyết, dứt điểm, nghiêm minh những vụ việc tồn đọng nói trên theo đúng điều lệ của đảng, pháp luật của nhà nước, và kỷ luật của quân đội, dù người đó là ai, ở bất kỳ cương vị nào !".

Chúng tôi tán thành ý kiến của các đ/c Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Nam Khánh, Nguyễn Tài v.v. là "không cho phép duy trì mãi một tổ chức siêu đảng, siêu chính phủ, không thể để Tổng Cục 2 tồn tại với quyền hạn quá rộng như nghị định 96/CP cho phép, mà chỉ tập trung vào nhiệm vụ tình báo quân sự trực thuộc bộ tổng tham mưu như trước đây".

Không cho phép tái diễn những hành vi hãm hại người trung thực, như người ta từng vu khống, tước quân hàm và định bắt giam thượng tướng Trần Văn Trà, sau đó phải trả lại quân hàm mà không công bố ; từng vu khống với ý đồ hãm hại đại tướng khai quốc công thần Võ Nguyên Giáp!

Chúng tôi cho rằng : không chỉ riêng vụ T4 mà toàn bộ những vụ việc xảy ra mấy chục năm qua là những mất xích của một vụ án chính trị nghiêm trọng nhất trong lịch sử 75 năm của đảng, có quan hệ đến sự tồn vong của đảng và đất nước.

Đây không phải là "chuyện ngày xưa" của mấy vị cách mạng lão thành mà các khóa bộ chính trị và trung ương sau này không thể làm rõ được. Không ! Đây là những vấn đề lịch sử quan trọng cần xác minh để soi sáng những vụ việc ngày nay. Mảnh đất Lộc Ninh và không ít nhân chứng cùng thời vẫn còn sống. Chỉ cần có trách nhiệm, có dũng khí và quyết tâm là làm được ! Chúng tôi sẵn sàng có một cuộc đối chất trực diện nếu có bộ chính trị yêu cầu !

Không thể vin vào lý do : "ổn định nội bộ" mà bỏ qua và che giấu việc này, vì nhiều tài liệu đã được công bố trên Internet, nên trong đảng cũng như ngoài đảng, trong nước

cũng như ngoài nước, nhiều người đã biết các vụ việc xảy ra. Hồ chủ tịch nói : "Một đảng che giấu khuyết điểm sai lầm của mình là một đảng hỏng !". Bộ chính trị càng bưng bít thì càng mất uy tín, càng làm giảm lòng tin của đảng viên và quần chúng đối với trung ương.

Đúng như đồng chí Nguyễn Trọng Vĩnh đã cảnh báo : "Đang có những làn sóng bất bình ngầm ngày càng lan rộng. Sự yên lặng hiện nay là sự yên lặng của những quả bom nổ chậm chưa đến giờ hẹn". Tình hình trong Nam cũng vậy.

Kính mong bộ chính trị và ban chấp hành trung ương lắng nghe tiếng nói đầy tâm huyết của các tướng lĩnh, các cán bộ cách mạng lão thành mà quá trình hoạt động và sự đóng góp cho cách mạng đã chứng minh sự trung thành của họ.

Giải quyết dứt điểm và thành công vụ án chính trị siêu nghiêm trọng này, kiên quyết loại trừ những phần tử cơ hội ra khỏi các cơ quan quyền lực của đảng và nhà nước, chấm dứt các hiện tượng cá nhân lũng đoạn là việc làm cấp thiết và cực kỳ quan trọng để chuẩn bị cho đại hội toàn quốc lần thứ 10 của đảng.

Đây cũng là việc làm thiết thực kỷ niệm 75 năm ngày thành lập đảng ta !

Xin gửi đến các đồng chí bộ chính trị và trung ương lời chào trân trọng và rất mong được sớm trả lời !

Xin cảm ơn.

Phạm Văn Xô

Địa chỉ : 225-18 Xô Viết nghệ Tĩnh, quận Bình Thạnh,
TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.991300

Đồng Văn Cống

Địa chỉ : 774-2 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận,
TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.447328

Nguyễn Văn Thi

Địa chỉ : 20B88 Cư xá Nguyễn Trung Trực, đường 3-2,
quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.655878

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau."

"Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó, đất nước ta sẽ vĩnh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ và bao dung, kỷ nguyên của những cố gắng chung và của thành công chung". (Thành Công Thế Kỷ 21, trang 139 và 142).

Ông Võ Văn Kiệt đưa đề nghị về đại hội 10

Trong một thư gửi các cấp lãnh đạo đảng, đề ngày 11-1-2005 và được phổ biến trên mạng Internet, ông cố vấn Võ Văn Kiệt đã đóng góp với đại hội 10. Thư không ký tên, nhưng giới thạo tin quả quyết là của ông Kiệt. Văn phong rõ ràng là của ông Kiệt.

Thư của ông Kiệt gửi cho bộ chính trị, ban bí thư và "*các đồng chí ủy viên trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam dự hội nghị lần thứ 11 ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam*". Chi tiết này đáng được lưu ý vì hội nghị lần thứ 11, ngoài các ủy viên trung ương đảng còn có thêm một số khoảng 50 người khác mà dư luận cho là những người thuộc phe Lê Đức Anh được "bổ túc" để giúp phe này làm chủ được tình thế. Phải chăng ông Kiệt muốn gián tiếp phủ nhận sự hiện diện của những người này ?

Đóng góp của ông Kiệt gồm một phần nhận định về các đại hội trước đây và một phần góp ý cho đại hội 10 sắp tới.

Trong phần đầu, ông Kiệt ca tụng đại hội 2 (năm 1951) và 3 (năm 1960). Ông Kiệt đánh giá hai đại hội này là thành công, thể hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Các đại hội sau đó, nhất là hai đại hội 8 và 9 gần đây, theo ông Kiệt, hoặc thiếu sót hoặc vi phạm điều lệ đảng. Ông Kiệt nhấn mạnh rằng phải tôn trọng các qui định theo đó "*đại hội là cơ quan quyền lực cao nhất, giữa hai đại hội cơ quan lãnh đạo của đảng là ban chấp hành trung ương*". Bộ chính trị và ban bí thư chỉ là những cơ quan của ban chấp hành trung ương và được đặt dưới ban chấp hành trung ương. Ông Kiệt cho rằng vì không tôn trọng qui định này, thay vào đó bộ chính trị và ban bí thư lại được coi như cấp trên của ban chấp hành trung ương, mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đang gặp những vấn đề "*hết sức bức xúc*".

Đối với đại hội 10, ông Kiệt yêu cầu phải cho đại hội có thực quyền. Đoàn chủ tịch đại hội phải gồm những người được bầu ra vì có bản lãnh, chứ không bầu cho có lệ. Các ủy viên ban chấp hành trung ương phải được bầu một cách tự do bằng phiếu kín trên một danh sách sắp theo thứ tự ABC, không nhất thiết mọi địa phương phải bắt buộc có một số ủy viên trong ban chấp hành trung ương. Điều ông Kiệt nhấn mạnh là phải bỏ lối bầu "cơ cấu", một thuật ngữ để mô tả tình trạng hiện nay, các ủy viên ban chấp hành trung ương thực ra do ban tổ chức sắp xếp trước, đại hội chỉ chủ yếu thông qua. Ông Kiệt cũng yêu cầu không giới hạn thời gian họp của đại hội. Đại hội họp cho đến bao giờ giải quyết xong mọi vấn đề thì kết thúc. Các đại biểu đều có quyền đưa ra các vấn đề đề nghị thảo luận và biểu quyết.

Ba đề nghị khác của ông Kiệt là :

1. Tổng bí thư do đại hội trực tiếp bầu ra chứ không phải do ban chấp hành trung ương bầu như từ trước đến nay.

2. Đại hội phải thảo luận nghiêm túc về các vấn đề trọng đại của đảng và đất nước chứ không thảo luận cho có lệ như hiện nay.

3. Giảm bớt số ủy viên ban chấp hành trung ương. Các ủy viên tập trung lo công tác qui định đường lối và lãnh đạo

đảng, không nhất thiết phải là bộ trưởng. Ông Kiệt viết : "*Không nên hiểu sự lãnh đạo của Đảng là trực tiếp nắm lấy quyền của người đứng đầu cơ quan*" và "*Đảng giữ vai trò hạt nhân trong lãnh đạo chứ không nhất thiết phải là người đứng đầu*". Những câu này khiến một số người suy luận một cách vội vã là ông Kiệt gián tiếp đề nghị đa đảng. Thực ra ông Kiệt chỉ muốn nói rằng các bộ trưởng hoặc thủ trưởng các cơ quan lớn không nhất thiết phải là ủy viên ban chấp hành trung ương mà thôi.

Ông Võ Văn Kiệt tự giới thiệu là người đã tham dự tất cả các đại hội trừ đại hội 3 (tháng 12-1960, lúc đó ông Kiệt đang ở chiến trường miền Nam). Với kinh nghiệm này, ông có tư cách để đề nghị cách tổ chức đại hội 10 và những ý kiến để chỉnh đốn đảng. Tuy nhiên những điều ông đề nghị rất khó thực hiện. Đại hội đảng gồm gần 1.200 người, nếu mỗi người chỉ phát biểu 15 phút thì đại hội phải kéo dài 5 tháng, chưa nói đến việc mỗi đại biểu được quyền đưa ra các vấn đề để thảo luận. Ông Kiệt có ý định gì khi đưa ra đề nghị này, nhất là ông lại nhấn mạnh rằng đại hội phải giải quyết xong mọi vấn đề mới kết thúc ?

Đề nghị đặc biệt quan trọng của ông Kiệt là bầu tổng bí thư tại đại hội bằng phổ thông đầu phiếu. Người tổng bí thư như vậy sẽ rất mạnh. Đề nghị này trực tiếp nhắm vào phe Lê Đức Anh và cá nhân ông Lê Đức Anh. Cho đến nay, các tổng bí thư đảng cộng sản không phải là những người có quyền lực nhất. Thực quyền nằm trong tay Lê Đức Thọ, rồi Lê Đức Anh (1).

Theo điều lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam thì đại hội là cơ quan quyền lực cao nhất, nhưng cho tới nay nó chỉ là một sự dàn cảnh, mọi quyết định và đường lối đều đã được dàn xếp trước, đại hội chỉ làm một việc giản dị là giơ tay tán thành. Chính vì thế mà số đại biểu rất đông, đại hội là một lễ hội. Nay ông Kiệt đòi cho đại hội thực quyền thì quả là bất bí những người đang cầm quyền. Ông Kiệt đã đánh một đòn nội qui rất nặng.

Do bề ngoài phóng khoáng, ông Kiệt thường được coi là một người cởi mở. Trên thực tế ông là một tướng công an rất sắt máu và thủ đoạn. Sau ngày 30-4-1975, ông làm giám đốc sở công an, rồi bí thư thành ủy Sài Gòn và sau đó được vào bộ chính trị. Trong thời gian này ông cho thành lập ra nhiều đảng kháng chiến giả, như Việt Nam Phục Quốc, để gài bẫy bắt những người chống đối nhà nước. Hàng ngàn người đã bị bắt, hàng chục người bị đem đi hành quyết. Sự nghiệp của ông Kiệt đã lên nhanh chóng nhờ được Lê Đức Thọ đỡ đầu, chỉ sau khi bị Lê Đức Anh qua mặt và khống chế ông mới đòi "*dân chủ trong nội bộ đảng*". Tuy vậy, đối với xã hội, ông Kiệt chủ trương độc đảng và thẳng tay đàn áp những người dân chủ.

Nguyễn Văn Huy

(1) Xem "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên trên ngưỡng cửa 2005" của Nguyễn Gia Kiểng, *Thông Luận* số 188, tháng 1-2005.

KHI TUỔI TRẺ VỀ NGUỒN

Đoàn Xuân Kiên

Khi nói đến việc nhận diện những bản sắc văn hóa là mặc nhiên thừa nhận có những giá trị khác nhau cùng tồn tại bên nhau. Gia đình Việt Nam cư ngụ trên đất nước phương tây đều có kinh nghiệm trực tiếp về sự chung sống giữa hai văn hóa : một bên là văn hóa đông phương xuất phát từ cơ sở xã hội nông nghiệp, nặng tình thân gia trưởng và cơ sở văn hóa Khổng Mạnh, bên kia là văn hóa thị dân của xã hội công nghiệp phát triển, của chủ nghĩa tự do cá nhân, và tinh thần dân chủ. Mỗi nền văn hóa đều hun đúc con người trong những lễ lối cư xử với nhau trên cơ sở văn hóa đó. Môi trường để khuôn nắn cách ứng xử của con người chính là gia đình, nhà trường và giao tiếp xã hội thường ngày. Cho nên mỗi gia đình Việt Nam tại hải ngoại đều có kinh nghiệm hằng ngày về những khác biệt văn hóa như thế. Con cái đi học ở trường được chỉ dạy những khuôn thước mà cha mẹ và ông bà các cháu có thể không tiếp cận được vì thế hệ của cha ông đã được rèn tập trong một môi trường văn hóa dân tộc khác hẳn. Khác biệt văn hóa như thế là một yếu tố nền tảng và có tính cách bao trùm lên nếp sống của các gia đình trong môi trường giao tiếp giữa hai hay nhiều văn hóa khác nhau.

Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến những khác biệt, thậm chí những xung đột quan điểm trong gia đình Việt Nam tại hải ngoại, có thể ghi nhận một nét chung là gia đình Việt Nam có nhiều nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, đoàn thể, nhờ đó mà có thể khắc phục những khó khăn trong quá trình hội nhập trong đời sống hải ngoại. Gia đình Việt Nam rất siêng năng cần mẫn trong việc gây dựng lại cuộc sống. Cha mẹ làm việc cật lực để cho con ăn học nên người.

Chúng ta vẫn thường nói rằng : gia đình là một tổ ấm, là nơi tạo dựng "cảm thông", "tình người". Phải chăng những ghi nhận trên đây cho thấy một tình trạng khủng hoảng, một đổ vỡ ? Thật ra, những gì chúng ta thấy trên đây chỉ là biểu hiện của một hiện tượng khác biệt văn hóa mà tất cả các gia đình trong một hoàn cảnh song văn hóa đều trải qua.

Từ những vấn đề ghi nhận như ở trên, có thể nào gia đình Việt Nam giải gỡ được những vướng mắc về khác biệt thế hệ, khác biệt văn hóa, để cùng xây đắp một gia đình hạnh phúc cho mình ? Câu trả lời là : có. Mấu chốt của sự giải tỏa khác biệt trong gia đình sẽ là ở sự đối thoại văn hóa. Tất cả sẽ bắt đầu từ việc đối thoại từ trong chính các gia đình, trong đó các thế hệ cùng chia sẻ, bàn bạc với nhau những vấn đề của nhau. Đối thoại ở đây đòi hỏi hai yếu tố : biết lắng nghe và biết nói năng cho rành rọt.

Trong đời sống gia đình thường ngày có một khoảng thời gian đặc biệt có ý nghĩa : bữa cơm gia đình. Đây là lúc mọi người trong gia đình có thể thoải mái quây quần ăn uống và chuyện trò với nhau. Nếu như mỗi gia đình Việt Nam có thể hình thành một thói quen mới là mỗi tuần lễ, hay thậm chí mỗi một tháng, sau bữa cơm như thế, mọi

người trong nhà cùng dành cho nhau một mẫu thời gian thoải mái và quý báu để chuyện trò về một vấn đề nào đó quan hệ đến bản thân và gia đình của mình. Ngồi bên li trà, đĩa bánh, mọi người thuộc các thế hệ khác nhau trong gia đình cùng nói với nhau bằng ngôn ngữ thương yêu, hiền từ ; những đề tài đem ra bàn bạc với nhau không phải là để phê phán nhau, chỉ trích nhau (nghĩa là chỉ nhắm đến khía cạnh tiêu cực của cuộc sống), mà chỉ nhằm chia sẻ với nhau những suy nghĩ nghiêm chỉnh và tích cực của mỗi người dành cho người thân bên cạnh mình, hoặc là nhằm phân tích để giúp nhau tu tiến bản thân, khích lệ những thành công của những thành viên trong gia đình vừa đạt được. Những buổi họp mặt gia đình như thế chính là bí quyết nhỏ để tạo hạnh phúc gia đình. Trong hoàn cảnh sống giao lưu văn hóa tại hải ngoại, những buổi họp mặt gia đình sẽ là những dịp đối thoại để tạo cảm thông giữa các thế hệ trong cùng một gia đình, từ những khác biệt ở trên tầm mức khác biệt văn hóa vậy. Làm được thế sẽ có ý nghĩa nhiều hơn bao nhiêu thuyết lý trừu tượng và xa vời về hạnh phúc.

Trong đời sống hằng ngày, có nhiều vấn đề vướng mắc mà nguyên nhân chỉ là từ những khác biệt văn hóa mà ra. Trước hết là những vấn đề đặt ra trong chính cộng đồng người mình với nhau. Giữa người lớn tuổi và người trẻ, dường như có những bức tường ngăn cách sự thông cảm nhau. Những khó khăn vướng mắc như thế chẳng khác gì những khó khăn như ở trong gia đình. Những điểm khác cũng sẽ có thể có những cách nhìn khác nếu đứng từ góc nhìn khác. Sự bàn cãi sẽ không bao giờ dứt điểm nếu chỉ mãi đi tìm những khác biệt.

Từ những khác biệt như thế, có thể nào nối kết các thế hệ trong sự giao tiếp xã hội được chăng ? Chúng tôi nghĩ là có. Tất cả cũng cần bắt đầu từ sự đối thoại văn hóa để nhận ra những khác biệt. Có thể mới có thể ghi nhận những khác biệt, và tiến đến giải tỏa khác biệt. Hiện nay, những cuộc đối thoại giữa các thế hệ trong cộng đồng người Việt hải ngoại chưa có nhiều. Chưa có những cố gắng để giải tỏa khác biệt thế hệ vốn đã nhân lên khá nhiều từ sự khác biệt văn hóa trong cuộc sống hải ngoại. Hiện tượng khác biệt thế hệ vẫn gần như nguyên vẹn đó, đang cần vỡ hoang.

Tại sao lại bàn đến kinh nghiệm của những cộng đồng khác ? Đây là một cách tiếp cận khác để nhằm giải quyết vấn đề của chính mình thôi. Những cộng đồng như Do Thái và Trung Hoa đã kinh nghiệm lâu đời về đời sống di dân tại hải ngoại. Họ cũng là những người kiều cư đã giải quyết khá vững vàng bài toán hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hóa của mình.

Trước hết là các cộng đồng Do Thái và Hoa kiều ở hải ngoại rất giàu lòng tương thân tương trợ lẫn nhau. Các tổ chức đoàn thể của họ đã là nguồn giúp đỡ quý báu cho người lớn được ổn định về đời sống. Đặc biệt là các cộng

đồng nói trên cũng rất quan tâm giúp đỡ thế hệ con em trong việc hội nhập văn hóa.

Cả hai dân tộc Do Thái và Trung Hoa đều là những dân tộc rất quý trọng giá trị văn hóa dân tộc của họ. Đi sinh sống khắp trên thế giới, người Do Thái và Trung Hoa đều đem theo họ những nét tiêu biểu cho văn hóa dân tộc mình nơi đó. Có thể nói đó là những dân tộc rất thiết tha với việc gìn giữ bản sắc dân tộc, mặc dù có pha trộn nòi giống đến đâu chăng nữa. Có thể nói là mỗi người Do Thái và Trung Hoa là hiện thân của một nhà bảo tàng văn hóa dân tộc họ.

Để thể hiện tinh thần dân tộc, các cộng đồng Do Thái và Trung Hoa đều thiết tha gìn giữ tiếng nói của họ. Đầu đầu trên thế giới, trẻ em Do Thái và Trung Hoa đều được chỉ dạy tiếng mẹ đẻ, vì đó chính là cửa ngõ để truyền thụ văn hóa dân tộc. Hơn ai hết, người Do Thái và người Trung Hoa tại hải ngoại hiểu rõ rằng : trong vườn hoa nhân loại, mỗi dân tộc là một loài hoa quý. Họ đã biết giữ gìn hương sắc loài hoa dân tộc họ trong lòng vườn hoa muôn sắc của xã hội đa văn hóa nơi họ đến cư ngụ.

Vấn đề đặt ra là : tại sao những cộng đồng trên đây lại quan tâm đến việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc họ trong đời sống kiều ngư ? Câu trả lời khá dứt khoát nhưng lại không giản dị chút nào : họ đã giải quyết khá xác đáng bài toán hội nhập văn hóa. Câu trả lời có vẻ nghịch lí, nhưng sự thật là như thế : sự hội nhập sẽ tốt đẹp khi một cộng đồng văn hóa mới không quên giữ gìn bản sắc của nó trong cuộc giao tiếp văn hóa với cộng đồng văn hóa chủ nhà.

Nhìn lại cộng đồng người Việt tại hải ngoại mới thấy là trong hai mươi năm qua, việc gìn giữ tiếng Việt cho con em chưa được quan tâm đúng mức. Gia đình Việt Nam chúng ta hãy còn lơ là trong việc dạy trẻ học tiếng Việt, vì nghĩ rằng "tiếng Việt còn ích gì cho con em mình nơi xứ người ?". Đó đây đã có những tiếng thở dài ngao ngán của những vị thức giả khi các vị bảo rằng người Việt mình có thể xem là một cộng đồng không có bản sắc riêng, và dễ dàng mất gốc mau chóng tại hải ngoại. Có biết đâu là dạy trẻ học tiếng Việt có muôn ngàn cái lợi. Cái lợi đầu tiên là để bắc những nhịp cầu cảm thông giữa thế hệ già và thế hệ trẻ nơi xứ người. Sau nữa, gìn giữ vốn tiếng Việt cho con cháu là để gìn giữ và trao truyền bản sắc văn hóa của dân tộc mình cho con cháu mình. Trong đời sống của cộng đồng xã hội đa văn hóa thì việc giữ gìn và phát huy bản sắc thường chỉ tăng thêm lòng tự tin trong cuộc giao tiếp và hội nhập văn hóa mà thôi. Thành thử khuyến khích con em học tiếng Việt là thể hiện lòng trân trọng đối với những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc mà chúng ta muốn con em mình giữ lấy và trao lại cho mai sau.

Hội nhập văn hóa là một khái niệm then chốt cần được làm sáng tỏ ý nghĩa. Sau thế chiến thứ nhì, hiện tượng di dân trên quy mô toàn cầu đã dẫn đến việc tìm hiểu tâm lí của các cộng đồng di dân trên địa bàn văn hóa xã hội mới. Hiện nay, có nhiều lối hiểu về quá trình hội nhập văn hóa.

Trước hết là quan niệm cho rằng hội nhập văn hóa của một cộng đồng di dân vào một cuộc sống mới tại một xã

hội mới, là khả năng và trình độ thích nghi và bắt kịp nếp sống nếp nghĩ và lễ lối ứng xử của xã hội nơi họ đến cư ngụ. Theo quan niệm này thì cha mẹ con cái trong gia đình di dân cần thích ứng càng nhanh càng tốt, học tiếng nói mới, cư xử theo nếp sống mới. Nói cách khác, hội nhập văn hóa ở đây được hiểu là một cố gắng tốt bậc để tan hòa vào nếp sống mới y như một người bản xứ.

Cũng có một quan niệm khác cho rằng một cộng đồng di dân khó có thể đồng hóa theo nếp sống nếp nghĩ của một cộng đồng văn hóa khác. Muốn tan hòa vào cộng đồng văn hóa mới cũng phải mất ít ra là đôi ba thế hệ. Nhưng một cộng đồng văn hóa có bản sắc vẫn không thể nào có thể giữ sạch bản sắc của mình. Do vậy, hội nhập văn hóa chỉ là quá trình mà một cộng đồng văn hóa di dân có thể thích nghi với nếp sống mới nhưng vẫn không bỏ mất bản sắc của mình.

Ngược lại với hai quan niệm trên là thái độ hoài nghi thậm chí phủ nhận khả năng thích nghi vào xã hội mới. Người ta cho rằng một người mãi mãi sẽ chỉ là sản phẩm của một văn hóa nào đó, không thể nào xóa nó được - "*You are what you are !*". Những người quan niệm như thế thường thể hiện ra đời sống hằng ngày bằng thái độ luôn luôn quan tâm đến việc bảo vệ lối sống nếp nghĩ của mình, không muốn bị văn hóa của xã hội chủ nhà cuốn phăng đi. Nói cách khác, những người di dân này luôn luôn hướng về quê xưa như một hướng quay về, và họ xem cuộc sống di dân chỉ là một cuộc dung thân tạm bợ.

Gần với kiểu nhìn như trên là một quan niệm khác cho rằng chẳng có gì gọi là văn hóa dân tộc, do đó cũng chẳng có gì là mất mát nếu một cộng đồng di dân đến lưu ngụ tại một xã hội khác. Con người sẽ như bao nhiêu loài sinh vật khác, sẽ sống tan hòa vào môi trường thiên nhiên xung quanh mình, rất tự nhiên. Nói cách khác, chẳng nên đặt ra vấn đề nhiều khi là hội nhập hay không hội nhập văn hóa, vì đó chỉ là một vấn đề giả tạo.

Bốn quan điểm trên đây - nói cho cùng - đều xoay chung quanh hai trục của vấn đề : (1) một cộng đồng văn hóa di cư đến một xã hội khác có cần gìn giữ bản sắc văn hóa của mình hay không ; (2) cộng đồng văn hóa di dân có cần phải thiết lập mối liên hệ qua lại với các cộng đồng văn hóa khác chăng. Tùy theo thái độ và quan điểm của mỗi cá nhân và cộng đồng mà sẽ dẫn đến bốn quan niệm đúc kết lại trong sơ đồ dưới đây :

		Vấn đề 1 Có cần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc hay chăng ?	
Vấn đề 2 Có cần phải tạo dựng những mối liên hệ qua lại với các cộng đồng khác chăng ?	CÓ	KHÔNG	
	CÓ	1. Hội nhập	2. Đồng hóa
	KHÔNG	3. Cách biệt	4. Lạc lõng

[Theo: J. W. Berry (1988), "Acculturation and Psychological Adaptation among Refugees" in Miserez, D. (ed.) (1988), *Trauma In Exile*. Dordrecht : Martinus Nijhoff Publ., tr. 101]

Dưới góc nhìn của tâm lý học đa văn hóa thì trong bốn mô thức trên đây, chỉ có Mô thức 1 (hội nhập) là mô thức thỏa đáng và thành công. Nếu đồng ý với nhau về định nghĩa một cộng đồng là một tập hợp những người cùng chia sẻ những tính cách chung về văn hóa và ngôn ngữ, thì hội nhập theo nghĩa này có nghĩa là một thành viên hoặc cả một cộng đồng khi chung sống bên cạnh một người hay một cộng đồng khác có thể hòa nhập cùng nhau trong mối liên hệ qua lại mà vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa của mình. Những mô thức khác đều không phải là hội nhập, và sẽ dẫn tới những hệ quả tâm lý, xã hội và văn hóa không tốt cho những người di dân trong cuộc sống mới tại nơi lưu cư. Những cá nhân hay gia đình di cư đến một xứ sở mới lạ mà biểu lộ những dấu hiệu như: mất hạnh phúc, bị hội chứng thần kinh bệnh, thường xuyên bất mãn hoặc luôn biểu lộ tâm trạng hoài nghi, bất đắc chí... là vì những cá nhân hay gia đình đó gặp trở ngại lớn trong quá trình hội nhập văn hóa. Trong đời sống xã hội thì những cá nhân hay nhóm người di dân "có vấn đề" trong việc hội nhập văn hóa thì biểu lộ những thói ứng xử không mấy tích cực của những người hoài nghi, bất đắc chí...

Để hiểu rõ hơn tại sao những kiểu tiếp cận khác lại dẫn tới những vấn nạn, thậm chí những đổ vỡ trong cuộc sống di dân, hãy thử lần lượt xem xét các mô hình hội nhập trên đây. Mô thức 2 (đồng hóa) chỉ đặt nặng việc tạo dựng những mối liên hệ qua lại với các cộng đồng khác trong cuộc chung sống; tuyệt nhiên không đặt ra việc có nên giữ gìn bản sắc văn hóa của cộng đồng mình trong cuộc chung sống với các cộng đồng. Trong đời sống hằng ngày, mọi người chỉ bận rộn với việc làm sao cho giống người ta trong nếp sống, và phải an ủi mình rằng tiếng nói của mình, văn hóa của mình sẽ chẳng ích gì cho việc hội nhập cuộc sống mới cả. Trong lịch sử đã từng có những cuộc thôn tính văn hóa như thế. Chính sách đồng hóa người Giao Chỉ của nhà Hán khi chiếm đóng xứ này là một bằng chứng về chủ trương đồng hóa một cộng đồng dân tộc với một cộng đồng khác mạnh hơn, thế lực hơn. Trong thời hiện đại, khi mà hiện tượng di dân đã lan tràn khắp nơi, chính sách đồng hóa người di dân đã không còn được thế giới ủng hộ nữa, vì nó đã đi ngược xu thế chung của thế giới thời hiện đại.

Ngược lại với quan niệm đồng hóa là quan niệm cần gìn giữ bản sắc văn hóa. Đó là quan niệm được tóm vào Mô hình 3 (cách biệt) trên đây. Các cá nhân hay cộng đồng văn hóa cho rằng không thể hòa vào dòng chảy văn hóa của xã hội chung quanh: mỗi quan tâm lớn nhất của những người theo quan niệm như thế là làm sao gìn giữ được bản sắc văn hóa của mình, tránh hết sức những giao thoa mà họ cho rằng sẽ chỉ làm mờ tính cách văn hóa của riêng họ. Gìn giữ bản sắc văn hóa của cộng đồng mà không quan tâm đến việc tạo dựng mối liên hệ giữa các cộng đồng văn hóa khác là biểu hiệu của hiện tượng cách li văn hóa. Hệ quả của thái độ như thế là những "ghetto văn hóa", những

ốc đảo văn hóa trong lòng một cộng đồng văn hóa lớn.

Quan điểm được ghi nhận trong Mô thức 4 (lạc lõng) cho rằng hiện tượng chung sống giữa các cộng đồng văn hóa cũng tự nhiên như cuộc sống tự nhiên xưa nay: trong khu rừng có muôn nghìn loại cây cỏ đua nhau vươn ra ánh sáng, nào có cần một sự chỉ đạo của ai đâu. Trong một thế giới tự nhiên như thế, không có vấn đề gìn giữ bản sắc hay cần thiết lập những mối liên hệ qua lại với ai. Quan niệm này hiện đang gặp một thách đố ngay trên thực tế: xã hội ngày nay đang chứng kiến những cuộc giao tiếp văn hóa thường xuyên, các cộng đồng văn hóa chung sống với nhau dù tự nguyện hay bị ép buộc. Đó là hiện tượng các cộng đồng đa văn hóa, trong đó mọi thành phần văn hóa đều được xem là có chỗ đứng trong xã hội, và xã hội cần khuyến khích để văn hóa các cộng đồng có thể đóng góp phần mình vào việc thăng tiến xã hội. Phủ nhận bản sắc văn hóa của các cộng đồng khác nhau là thái độ giả trá của những quan điểm phân biệt đối xử khác nhau mà thôi. Vì thế những quan điểm mang tính cách xem thường bản sắc văn hóa các cộng đồng đều bị đánh giá là mang màu sắc kì thị. Kì thị văn hóa không giúp ích cho các thành viên cộng đồng thăng tiến việc hội nhập đã đành, mà còn là mầm mống của những đau khổ do hiện tượng "bật rẽ văn hóa" gây ra cho một cá nhân cũng như cộng đồng. Một thái độ ngược lại là một cộng đồng văn hóa tự coi thường bản sắc của mình. Cả hai thái độ muốn triệt tiêu văn hóa cộng đồng đều dẫn đến hiện tượng lạc lõng, mất phương hướng. Hệ quả là những khủng hoảng thường xuyên trong nội bộ các cộng đồng văn hóa, kéo theo những đổ vỡ trong cuộc sống xã hội.

Xem thế thì đối với một cộng đồng văn hóa di dân như tập thể người Việt chúng ta tại hải ngoại thì vấn đề hội nhập văn hóa có ý nghĩa bao trùm lên những thảo luận về những khác biệt, những xung khắc giữa các thế hệ trong đời sống gia đình. Giải quyết được bài toán hội nhập cũng có nghĩa là giải được bài toán then chốt trong cuộc sống di dân tại hải ngoại.

Tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại đang sống trong hoàn cảnh giao lưu văn hóa. Là những người tị nạn, người Việt cũng có những khó khăn chung như bao nhiêu những người phải buộc rời bỏ xứ sở của mình, đem theo những gia sản văn hóa của mình mà gieo trồng lên đất mới.

Ý thức về những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc của mình sẽ là một niềm tự hào, sẽ giúp chúng ta hội nhập vào cuộc sống mới với đầy đủ ý thức về mình, về người. Bạn trẻ chúng ta hôm nay đã ý thức một điều then chốt rằng: Làm một người Việt đang hoàng tức là làm một người đang hoàng. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm cho thấy những giá trị vững bền đã từng khiến tổ tiên chúng ta gìn giữ được nòi giống qua nghìn năm ngoại thuộc. Những giá trị đó sẽ lại giúp chúng ta thành công trong hội nhập văn hóa. Một bông hoa thơm trong vườn hoa nhân loại thì có gì đâu mà hổ thẹn.

Đoàn Xuân Kiên (London)

<http://www.thongluan.org>

NGỘ NHẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Trong *Thông luận* số tháng 1-2005, tôi đã hứa với bạn đọc là sẽ nói về chuyện tại sao tôi lại phải sống ở nước ngoài. Bài báo nhỏ này cũng sẽ giúp quý vị phần nào hiểu được tình trạng của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam trong cuối những năm 1970.

Trước tiên tôi xin kể một câu chuyện nhỏ. Khi Mỹ dùng máy bay bắn phá miền Bắc Việt Nam, chúng tôi phải sơ tán về nông thôn. Lúc đó tôi còn nhỏ lắm. Một hôm, tôi thấy có một người phụ nữ trong làng kêu khóc rất to :

- Ôi trời ơi là trời, con tôi chết vì tổ quốc.

Lúc đó thanh niên trong làng đi bộ đội rất nhiều nên chuyện tương tự như vậy không hiếm. Chúng tôi kéo đến cửa nhà bà ấy để xem. Có một người vào nhà hỏi bà ta :

- Thế con nhà chị chiến đấu ở mặt trận nào ?

Nghe đến đây, thì bà ta lại càng gào to hơn :

- Ôi trời ơi là trời, con tôi nó đi tìm tổ quốc ở bờ ao, rồi ngã xuống ao chết đuối chứ có phải đi bộ đội gì đâu.

Thì ra lúc đó tất cả mọi người đều ngộ nhận chữ tổ quốc. Ai đã chẳng từng ngộ nhận một lần, nhưng chuyện ngộ nhận tổ quốc là một ngộ nhận khổng lồ, nó liên quan đến hàng chục triệu con người và đó cũng là một lý do tại sao Việt Nam hiện nay vẫn còn chìm đắm trong độc tài.

Ngộ (tôi tiếng tàu) là Vòong A Ngân, sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, nên ngộ nhận tổ quốc Việt Nam là tổ quốc của ngộ. Nhưng cũng như nhiều người Việt Nam khác, ngộ đã ngộ nhận khái niệm tổ quốc. Ngộ xin kể ra đây để chúng ta cùng suy ngẫm.

Càng lớn, cái khái niệm tổ quốc càng làm tôi rối trí. Sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, tôi hoàn toàn không biết gì về nước Trung Quốc cả. Gia đình nhà tôi cũng hoàn toàn không có một người họ hàng thân thích nào ở Trung Quốc. Đại gia đình nhà tôi đã sinh sống nhiều thế hệ ở Việt Nam. Đối với tôi, Việt Nam là tổ quốc của tôi. Vấn đề chỉ trở nên phức tạp khi quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trở nên thù địch. Người Hoa chúng tôi hội nhập hoàn toàn vào xã hội Việt Nam và không có sự khác biệt nào với người Việt.

Để gây rối loạn cho Việt Nam, Trung Quốc đã ra lời kêu gọi cộng đồng người Hoa trở về tổ quốc. Hàng vạn người Hoa ở khắp nơi trên đất Việt Nam đã nghe theo lời kêu gọi của tổ quốc, lũ lượt lên biên giới Việt Trung và đã gây ra một thảm cảnh vĩ đại ở đây. Nhà cầm quyền cộng sản Trung Quốc bấy giờ, một mặt kêu gọi kiều bào của họ trở về tổ quốc, nhưng lại đóng cửa biên giới không cho người Hoa trở về tổ quốc, tạo ra một tình trạng vô cùng hỗn loạn ở biên giới. Hàng vạn người, bán hết nhà cửa, tài sản, nghe theo lời kêu gọi của tổ quốc, để rồi bị tổ quốc ruồng bỏ, phải sống cảnh màn trời chiếu đất...

Gia đình tôi không nằm trong số những người đi theo đường bộ lên biên giới phía bắc. Bố mẹ tôi lúc đầu vẫn còn tin tưởng vào "tổ quốc" Việt Nam và nhất quyết không hời

hương. Vào dịp này có rất nhiều người đến thăm gia đình tôi, chủ yếu là người Hoa. Ai cũng hỏi có về Trung Quốc không ? Bố mẹ tôi đều trả lời là về Trung Quốc thì chỉ có chết, và viện dẫn ra nhiều thí dụ của những gia đình đi lên biên giới phía bắc.

Báo chí Việt Nam lúc đó cũng không tiếc lời "chửi" Trung Quốc. Trên báo *Nhân Dân*, có bài viết dài về khái niệm tổ quốc. Để chống lại Trung Quốc, họ nói rằng tổ quốc là nơi mình sinh ra và lớn lên, không ai có thể nhân danh tổ quốc... Đồng thời các phương tiện truyền thông của Việt Nam liên tục truyền đi các bài viết, bài nói để kêu gọi người Hoa ở lại Việt Nam, ca ngợi sự đóng góp của người Hoa đối với tổ quốc Việt Nam.

Nếu bạn không phải người Hoa và chỉ nghe đài báo của đảng, thì bạn thấy là tổ quốc Việt Nam thật là ngọt ngào với người Hoa. Thực tế thì ra sao ? Không phải ngẫu nhiên mà người Hoa lũ lượt kéo nhau rời Việt Nam. Nhà cầm quyền Việt Nam bấy giờ đã thi hành một chính sách bài Hoa rất thô bạo. Tôi chỉ đơn cử một vài trường hợp cụ thể trong gia đình tôi. Bố tôi làm lái xe cho một xí nghiệp ở Hà Nội, đã bị ban giám đốc xí nghiệp gọi lên tịch thu bằng lái và cho nghỉ việc. Anh rể tôi là người Việt chính gốc, làm lái xe ở một xí nghiệp khác cũng bị chung một số phận. Tôi lúc đó đang là sinh viên đại học Y khoa Hà Nội. Và nếu đúng như quan niệm thời đó "Nhất Y, nhì Dược, tạm được Bách khoa" thì tôi đang là sinh viên một trường đại học có giá nhất ở Việt Nam. Tôi lại đang yêu. Nàng là sinh viên trường Tổng Hợp, một trường cũng vô cùng danh giá. Lúc bấy giờ, thanh niên chúng tôi thường hay nói "cổng trường đại học cao vời vời, 10 thằng leo tới, 9 thằng rơi". Vậy là chúng tôi lúc đó đang lên tiên. Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao... Đẹp ghê : Tôi yêu nàng, nàng yêu tôi. Tôi yêu nước Việt Nam, tôi rất thích bài hát "*Tổ quốc ơi, ta mến yêu người*". Tôi muốn "*sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương bác Hồ vĩ đại*". Vậy mà chỉ hôm trước hôm sau, tôi đã mất tất cả, và tất nhiên mất luôn cả lòng tin vào đảng và bác. Trong khi tinh thần của tôi đang bị chao đảo dữ dội về chuyện bố tôi và anh rể tôi, thì tôi bị nhà trường buộc tôi phải thôi học, mặc dù tôi đang là sinh viên tiên tiến. Họ cũng chỉ nói miệng là anh nên ra đi. Thế thôi, không có một quyết định trên giấy tờ gì cả. Cái gì chứ cái kỹ thuật ném đá giấu tay thì hình như người Việt hơi bị giỏi. Ra khỏi trường, chán chường, thất vọng đến tột độ, tôi tìm đến nhà nàng mong sự an ủi. Không ngờ nàng "tiễn" tôi ra cửa và cho tôi "nghỉ cho béo" luôn. Quá đáng hơn là nàng còn nói với bạn bè của tôi và bạn bè của nàng là nàng chưa bao giờ yêu tôi. Nói như ngôn ngữ lúc bấy giờ là nàng "đá" tôi. Nói theo ngôn ngữ bây giờ là nàng "đá" quả ấy tởm quá, đến Zidane cũng còn phải chạy theo xin chữ ký. Phũ phàng một mối quan hệ để tránh khỏi bị liên lụy thì người Việt mình thuộc diện vô địch thế giới. "*Yêu nhau mấy núi cũng trèo, mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua*". Tỷ như hiện tôi đang sống ở bên Mỹ đây. Nếu tôi có ngỏ lời cầu hôn với các nàng ở Việt Nam, thì mấy biển các nàng cũng qua. Sông với núi là cái đỉnh. Các cụ nhà ta chỉ làm ra được câu thơ để nói đến những trở ngại

về địa lý thôi. Còn cái trở ngại mà cộng sản gây ra thì nó vĩ đại lắm, sông núi cũng chẳng đo được. Mà nó cứ làm sao ấy, khó tả lắm, day dứt lắm, khó chịu lắm...

Đùng một cái, tôi cũng như cả một cộng đồng người Hoa không biết đâu là tổ quốc nữa. Đang có hai tổ quốc, chúng tôi trở thành vô tổ quốc. Thế mới thấy rõ được bộ mặt vô cùng xảo trá của những kẻ mệnh danh tổ quốc. "Buồn nôn" với cái chính sách của họ coi đồng bào như cỏ rác, bố mẹ tôi quyết định đưa chúng tôi lên thuyền để đến một nước thứ ba. Cũng cần phải nói thêm rằng, chúng tôi bị buộc phải ra đi và sự ra đi lúc đó là vô cùng hiểm nguy, là có thể làm môi cho cá, cho hải tặc.

Về phần tôi lúc đó, tôi tự nhiên thấy căm thù những kẻ mệnh danh cho tổ quốc để kêu gọi chúng tôi về Trung Quốc, và những kẻ cũng mệnh danh cho tổ quốc để đuổi chúng tôi ra khỏi tổ quốc Việt Nam. Tôi vẫn tự trách mình, trước đó, đã ngu muội ngộ nhận tổ quốc : mỗi lời nói của đảng, của bác là lời nói của tổ quốc. Chính vì sự ngộ nhận này của hàng triệu con người mà họ, những kẻ cầm quyền độc tài, mới có thể dẫm mệnh danh tổ quốc để làm tất cả những gì họ muốn. Bất cứ ai chống lại họ đều bị kết tội chống tổ quốc. Đã đến lúc tất cả mọi người Việt Nam phải chấm dứt sự ngộ nhận này. Chống lại họ, những kẻ độc tài, để đòi hỏi tự do, dân chủ, không phải là chống lại tổ quốc, mà ngược lại luôn là một hành động cao đẹp rất cần thiết cho tổ quốc của chúng ta. Chống độc tài, bất cứ độc tài kiểu gì mệnh danh tổ quốc hay ngay cả mệnh danh Chúa, cũng đều là điều đáng làm ở bất cứ nơi đâu.

Sau cái sự kiện lớn này của đời ngộ, ngộ mới thấu hiểu thế nào là tổ quốc. Bài báo này được viết sau khi ngộ đọc xong cuốn "Tổ Quốc Ấn Năm" của ông Nguyễn Gia Kiểng. Ngộ vô cùng cảm ơn tác giả đã giúp ngộ hiểu thêm được rất nhiều vấn đề của Việt Nam, trong đó có vấn đề tổ quốc. Cũng nhờ có quyển sách đó mà mặc dù đã rời Việt Nam gần 30 năm rồi, dù bị nhà cầm quyền Việt Nam bạc đãi, đánh đuổi, ngộ nhận Việt Nam là tổ quốc muôn đời của ngộ và chuyện đó ngộ hoàn toàn không ngộ nhận.

Tái bút : Tên của ngộ là Ngân, nhưng bạn bè và người quen hay chọc ngộ, gọi ngộ là Ngẩn. Một sự cố kỹ thuật trong số báo trước in sai tên ngộ thành Ngẩn. Ngộ xin phép Ban biên tập được đính chính.

Ngộ lâu quá không viết tiếng Việt, nên nhiều câu chữ nó ngây ngô. Mong độc giả thông cảm.

NGÂN (Xuân Ất Dậu 2005)

"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng". (*Thành Công Thế Kỷ 21*, trang 133)

Đọc và cổ động Thông Luận

Thơ

Tự do và tù ngục

Người Tự Do trong ngục
Căm thương xã hội tù
Phất phơ lục bình nào
Vật vờ trong tự do.

Chuyện nhỏ

Khổ sai đập đá Côn Lôn
Phan Chu Trinh coi là chuyện nhỏ
Năm xà lim cấm cố Sài Gòn
Cháu con dám thành chuyện lớn ?

Vu cáo điều ngoa

Vu cáo tội gián điệp
Các người mưu hại ta
Lưỡi không xương cứ uốn
Mai vàng cứ nở hoa.
Vu cáo tội gián điệp
Độc tài mưu hại ta
Máu phun người cứ ngậm
Bắn miệng lã điều ngoa.

Tội bán biên giới

Nam Quan thành đất ngoại
Phản quốc tội rõ ràng !
Đối diện tòa Lịch Sử
Chạy thoát án này chẳng ?

Phiên tòa 2 trong 1

Độc tài các người mở tòa hình sự
Cũng chính nơi đây ta mở tòa Lịch Sử
Thời Gian ngồi ghế chánh tòa
Còn ta, thay mặt Nhân dân giữ quyền công tố.
Ấn lịch sử đã tuyên
Không kẻ độc tài nào chạy thoát
Ấn lịch sử đã tuyên
Không kẻ nào dám hưởng quyền chống án
Còn các người, án bỏ túi cứ tuyên
Ta nhếch mép cười coi khinh lũ vệt.
Chẳng hiểu chủ nghĩa Mác
Chỉ lừa dối nhau thôi
Lên chủ nghĩa xã hội ?
Chưa đến lượt các người !
Người anh em phương Bắc
PHONG trợn TƯ một hồi
Phủ sắc màu Trung Quốc
Đại bá vẫn lời đuổi.

Trần Khuê (Sài Gòn)

Vài cảm nghĩ về lăng vua Tự Đức

Nguyễn Minh

Trong *Thông Luận* số 188, tháng giêng 2005, tác giả "Việt Nam nước non ngàn dặm" có đề cập đến lăng tẩm các vua chúa triều Nguyễn. Tác giả đặc biệt ngợi khen lăng vua Tự Đức. Ông Lê Văn Hảo viết một đoạn khá dài miêu tả những giá trị nghệ thuật kiến trúc, bố trí phong cảnh vừa nên thơ vừa phong phú. Du khách đến thường ngoạn thấy mình như lạc vào một chốn đào nguyên, một thế giới thanh bình thịnh trị. Không những ông Hảo, mà những du khách, những nhà văn hóa trong cũng như ngoài nước đều hết lời ca ngợi kiệt tác mỹ thuật này.

Tuy nhiên, không biết những du khách và những nhà văn hóa đó có biết những đền đài, hồ tạc, những sân chầu, những tượng đá đó đã gây ra bệnh tật và chết chóc cho bao nhiêu người không? Đem sinh mạng của hàng ngàn người để đổi lấy một khung cảnh thơ mộng cho một người, dù là một ông vua, hóng mát và làm thơ, thì thử hỏi có tàn ác không? Sử sách không thấy nói đến nỗi thống khổ của những dân công xây lăng. Sự tuyệt vọng và nỗi khổ đã khiến họ vùng dậy và kéo nhau về kinh thành để giết vua cho hả cơn giận. Trong thực tế, đó chỉ là một đám phu phen, lính tráng, thợ thuyền không có tổ chức và cũng chẳng có kế hoạch gì, chỉ vì không chịu đựng nổi sự cực khổ đã kéo dài quá lâu nên đã tức giận làm liều. Vài ngàn người ô hợp, với những dụng cụ nghề nghiệp, kéo về tấn công một hệ thống thành quách vững chãi của triều đình với đầy đủ lính tráng bảo vệ, sự thất bại và cái chết cầm chắc trong tay. Cho dù họ có cầm cự được với lực lượng bảo vệ kinh thành trong giây phút bất ngờ đầu tiên đi nữa, thì binh lực trấn đóng quanh vùng thủ đô sẽ được tăng cường tới để tiêu diệt họ một cách dễ dàng.

Phải biết rằng thường dân Việt Nam vốn rất hiền lành, nếu không muốn nói là rất nhút nhát. Hơn nữa họ lại quen sống dưới chế độ quân chủ chuyên chế, sợ sệt vua chúa không khác nào thần thánh. Do đó phải hiểu hoàn cảnh sinh sống của họ đã đến mức cực không thể chịu nổi để thúc đẩy họ phải liều lĩnh đến như vậy.

Những người đến viếng thăm lăng vua Tự Đức ngày nay chỉ biết tán thưởng công trình tuyệt tác, những tuyệt nhiên không nghe thấy ai tỏ lòng thương xót đến hàng ngàn thường dân lành vô tội bị bắt đi làm dân công, bị hành hạ, đói khát, bệnh tật và chết chóc, cho một công trình chỉ nhằm tạo ra một phong cảnh xinh đẹp cho một ông vua đến để hóng mát. Không biết nhận thức



nghệ thuật của những người này siêu việt đến thế nào. Riêng tôi, tôi chỉ thấy một sự nhẫn tâm.

Trong một bài ký sự trên tạp chí *Nam Phong* xưa, ông Phạm Quỳnh có nói rằng lăng tẩm không cho ta biết thể xác nhà vua được chôn cất chỗ nào. Tôi không biết triều đình đã xử trí thế nào đối với những người có dính líu đến việc chôn cất nhà vua (những người được lựa chọn để táng địa, đào mộ huyết và di chuyển linh cữu) để việc đó được hoàn toàn giữ bí mật. Số người này chắc không phải là ít, và số phận của họ chắc không tốt đẹp lắm (*).

Một bài khảo cứu về lăng Tự Đức, mà tôi không nhớ tên, có nói rằng khi vua chết, các cung nữ (nói trắng ra họ là những trinh nữ vô tội bị bắt vào cung làm nô lệ tình dục cho nhà vua) phải lên ở trên lăng suốt đời để lo việc hương khói cho người chết (**). Bài đó còn nói rõ rằng nhiều cô chỉ mới 16, 17 tuổi đời! Đó là mặt trái của công trình mỹ thuật tuyệt tác mà nhiều người đang chiêm ngưỡng và hâm mộ.

Trong lúc nhà vua để hết tâm trí, tiêu pha tài nguyên quốc gia và đầy đọa không biết bao nhiêu người để xây cho mình một ngôi mộ hùng vĩ thì đất nước ở trong tình trạng nào?

Ở Bắc phần, vì đói kém quá, loạn lạc nổi lên khắp nơi. Trong *Việt Nam sử lược*, sử gia Trần Trọng Kim ghi chép rằng đề Văn Giang (?) vỡ trong 18 năm liền. Mỗi lần đề vỡ là bao nhiêu làng mạc bị trôi, bao nhiêu người chết, mùa màng bị tiêu hủy, đất đai bị tàn phá trong rất nhiều năm mới cây cấy lại được. Tình trạng đã phải bị đất lở mới khiến một người thâm nho như ông Cao Bá Quát phải ly khai triều đình đi làm loạn. Ông Quát vốn là một vi quan lại, thấm nhuần tư tưởng tôn quân của đạo Nho. Ông phải biết rằng làm loạn như vậy thì sẽ bị mang tiếng là giặc cướp và gia đình, họ hàng của ông sẽ liên lụy như thế nào (tru di tam tộc). Trong lúc đó không thấy nói nhà vua đã làm gì để cứu giúp dân chúng đói rét, mà chỉ thấy vua sai binh lính đi đánh dẹp những người nổi loạn hết nơi này đến nơi khác.

Ở Nam phần thì giặc Pháp chiếm cứ hầu hết châu thổ sông Đồng Nai và làm le nuốt nốt phần còn lại (và sẽ nuốt luôn cả nước). Không nghe nói vua có kế hoạch gì để canh tân xứ sở và quân đội hùng chống lại kẻ xâm lăng. Với vũ khí thô sơ, ít được luyện tập, quân Pháp đến đâu là quân ta thua đến đó. Sử gia Trần Trọng Kim chép rằng quân Pháp chỉ dùng 12 tên lính (?) cùng với một số dân bản xứ làm hậu cần đã dám đánh chiếm

thành Nam Định với 5.000 quân chống giữ. Vậy mà chúng chỉ đánh từ sáng đến trưa là hạ được thành. Những người được chỉ định để chống lại quân Pháp đều thảm bại : Hoàng Diệu thất cổ tự tử, Nguyễn Tri Phương bị bắt, nhện ăn đến chết, Phan Thanh Giản uống thuốc độc quyên sinh. Không biết khi thấy tướng tá mình bại trận như vậy, nhà vua có nghĩ rằng đó có phải là lỗi của mình không vì đã không cung cấp cho các tướng sĩ một binh lực tân tiến, đủ sức đối kháng với quân thù. Tôi chỉ đọc thấy rằng mỗi lần có một vị tướng nào bại trận (vì thiếu trang bị và huấn luyện) là bị vua viết chiếu quở trách, bảo là họ không tận trung báo chúa.



Tôi không thấy bao giờ nhà vua nhận ra rằng nước nhà đang đến hồi mạt vận vì mình mù quáng, không chịu nghe những lời trần tình của những người thật tình yêu nước như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ v.v., xin cải cách chính trị, kinh tế và quân đội để quốc gia được phồn thịnh và thoát khỏi cảnh bị thực dân thôn tính. Nguyễn Trường Tộ vì quá buồn rầu mà lâm bệnh chết, còn Phạm Phú Thứ thì bị vua dọa chém đầu vì mang tội khi quân. Trong đầu nhà vua chỉ khâm phục chế độ Mãn Thanh của Trung Hoa, hễ gặp khó khăn gì là đi nhờ vả nước Tàu, mà không biết rằng họ chỉ thừa cơ để hiếp đáp và xâm chiếm lãnh thổ của mình, và họ cũng đang ở trong tình trạng lạc hậu, sống dưới một chế độ lỗi thời, không giải quyết được những vấn đề căn bản trong xã hội.

Trong lúc đó thì đình thần trong triều như thế nào ? Đám quan lại quanh nhà vua hồi đó phải tồi tệ và tham nhũng lắm mới làm cho ông Ôn Ích Khiêm uất ức, mời họ ăn một bữa thịt chó để có dịp mắng khéo : "Thuta các quan, trên chó dưới chó, tất cả đều là chó". Rồi giả đồ la đầy tớ không kịp mang nước uống : "Bọn này là đồ chó chết, chó chết, chỉ biết vực đầu ăn, không lo nước non gì cả".

Khi đi xem lăng này, tôi không thấy cảm động trước vẻ đẹp của lăng mà chỉ thấy đây là một chứng tích của một ông vua cực kỳ ích kỷ, không đoái hoài gì đến tình trạng bần cùng của dân chúng, hành hạ dân công, thợ thuyền khiến họ phải nổi loạn trong tuyệt vọng. Vua Tự Đức đã không những không nghĩ ra được một chính sách nào cả để đất nước tránh được họa bị hiếp đáp và xâm lăng mà còn nhầm lẫn làm ngơ cho bọn quan lại bảo thủ, tham nhũng vợ vét, bóc lột dân chúng, làm giặc cướp nổi lên khắp nơi. Hơn thế nữa lại còn tiếp tục duy trì một guồng máy cai trị cũ kỹ, lỗi thời, không đáp ứng được với những biến thiên của thời đại.

Thật là một bài học lịch sử đáng làm chúng ta suy nghĩ.

Nguyễn Mừng (Champaign)

Ghi chú thêm của tòa soạn :

(*) Theo các dữ kiện ghi nhận được, hơn 200 dân phu xây dựng lăng đều bị xử tử để giữ bí mật. Cho đến nay không ai biết thi hài vua Tự Đức được chôn nơi nào.

(**) Vua Tự Đức có tất cả 104 thê và rất nhiều thiếp.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

CHAMPAKA 4

Những cuộc vùng dậy của nhân dân Champa (1693-2004)

Sách dày 249 trang, in đẹp, bìa màu, khổ 15x22 cm. Trang bìa hình Dvarapala, tên vị thần gác cửa tại Tháp Mẫm, thế kỷ 12 (ảnh Trường Viễn Đông Bác Cổ Paris).

Champaka là tên tập san nghiên cứu lịch sử và nền văn minh Champa, do một nhóm nghiên cứu Việt Nam thành lập năm 1999, phát hành tại Paris-San José-Toronto. (Email : champaka99@yahoo.fr).

Nội dung **Champaka 4** gồm có :

Phần I : Biên cố lịch sử (biên khảo), với các đề tài : *Phong trào phục hưng Champa (1693-1694)* ; *Từ phong trào Katip Sumat (1833-1834) đến mặt trận Ja Thak Wa (1834-1835)* ; *Po Cei Brei sang Kampuchia cầu cứu viện trợ vào năm 1795* ; *Sự khởi nghĩa của Tuen Phaow (1796-1797)* ; *Nguyên nhân sự vùng dậy của Fulro ở Buôn Sarpa (20-9-1964)* ; *Bóng hình Fulro (1975-2004)* ; *Cuộc nổi dậy của dân tộc Tây Nguyên ở miền Trung Việt Nam tháng 2-2001*.

Phần II : Bình luận quan điểm (điểm sách), gồm nhiều tiết mục : *Vĩnh Lộc : cái gọi là phong trào đòi tự trị Fulro* ; *Nguyễn Trắc Dĩ : tìm hiểu phong trào tranh đấu Fulro (1958-1969)* ; *Norman Charles Labrie : Fulro, tình hình chính trị căng thẳng ở Tây Nguyên Việt Nam* ; *Ngôn Vinh : Fulro hay là tập đoàn tội phạm* ; *Gerald C. Canon : Tự do trong núi rừng - Lịch sử dân tộc thiểu số ở cao nguyên Việt Nam (1954-1976)* ; *Phan Hữu Dật : Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*.

Giá bán (đã kể cước phí) **20 euros** tại Châu Âu và **30 USD** tại Bắc Mỹ.

Liên lạc và chi phiếu xin đề **Mr NGUYEN** và gửi về địa chỉ : Mr Nguyễn, 10 rue Antoine Veillet de Vaux, 77100 Meaux, France. Điện thoại : (33) 06.26.65.58.64.

Những số Champaka đã phát hành :

Champaka 1 (phát hành tại San Jose, Hoa Kỳ, 1999, 263 trang) : gồm một số bài viết về lịch sử, quan hệ với các nước lân bang, văn hóa và xã hội do hội International Office of Champa (IOC) thực hiện.

Champaka 2 (phát hành tại Paris, 2002, 225 trang) : *Champa trên làn sóng báo chí quốc tế từ năm 1975*, nội dung tóm lược 62 bài viết bằng tiếng Anh, Pháp, Đan Mạch ; 97 bài tiếng Mã Lai và 116 bài tiếng Việt, được lưu trong một số thư viện trên thế giới từ 25 năm qua.

Champaka 3 (phát hành tại Paris, 2003, 220 trang) : *Từ vịnh Hroi-Việt*, nội dung gồm các tiết mục : Bản chép tay CAM-182 và CAM-183 (của Viện Viễn Đông Pháp) ; từ vịnh Hroi-Việt xếp theo mẫu tự ; Từ gốc Hroi ; Từ gốc Chamic ; Từ gốc ngoại quốc ; Từ vịnh Việt-Hroi ; Từ vịnh xếp theo chủ đề.

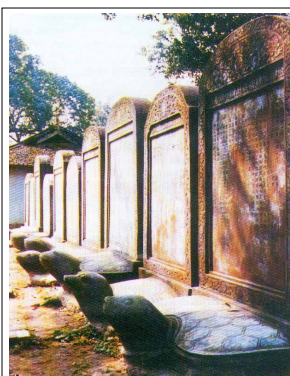
2. Thăng Long - Hà Nội

Giữa đại vùng văn hóa đồng bằng Bắc bộ

Lê Văn Hào

Đã có một cuộc trưng cầu ý dân của một ông vua : Chiêu Dời Đô

Tháng 7 năm Canh Tuất (1010), Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Trong một tờ chiếu bất hủ, nhà vua đã



Quốc Tử Giám
Bia tiền sĩ

suy tư và giải thích : *"Thành Đại La ở nơi trung tâm trời đất, có thể rồng cuộn hổ ngồi, đặt đúng giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ về ngập lụt, muôn vật rất mực phong phú tốt tươi, xem khắp nước Việt chỗ ấy là nơi hơn cả. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. Trẫm muốn nhân địa lợi*

ấy mà đóng đô, các khanh nghĩ thế nào ?"

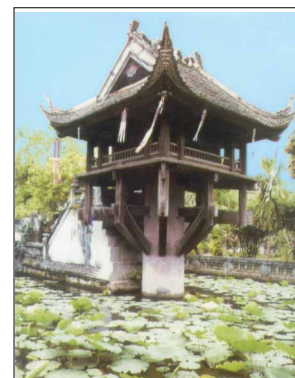
Sử cũ ghi lại : Bấy tôi đều nói : *"Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế dài lâu để trên cho có nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được giàu của đông người, việc lợi như thế ai dám không theo"*. Vua rất mừng. Mùa thu tháng 7 dời kinh đô từ Hoa Lư sang thành lớn Đại La. Thuyền tạm đỗ dưới chân thành, có rồng vàng hiện ra trước thuyền ngự, vì thế đổi tên là Thăng Long (rồng bay).

Ý nghĩa con rồng Việt Nam và kinh đô Rồng Bay

Đúng như nhiều nhà văn hóa học đã phân tích, đối với người Việt Nam con rồng vốn có từ lâu và mang một ý nghĩa lớn. Huyền thoại rồng bay lên trước mặt vua trên bầu trời Đại La đã thể hiện khí thế của triều đình mới và phản ánh hoài bão chung của cả dân tộc muốn vươn lên với khí thế và sức mạnh của rồng. Rồng là biểu tượng thiêng liêng, là vật tổ của nhân dân Việt cổ. Vua đầu tiên và tổ đầu tiên của chúng ta là *vua Rồng xứ Lạc*, và chúng ta là *con Rồng cháu Tiên*. Vua Rồng Việt cổ đã chiến thắng bọn ác quỷ trên rừng dưới biển để xây dựng một giang sơn cho muôn đời con cháu. Qua đêm dài Bắc

thuộc đau thương, rồng đã co lại để lấy sức rồi cuối cùng vùng lên. Và rồng đã bay trên mảnh đất Thăng Long đón chào cuộc dời đô của vua Lý, cũng là nghênh đón một thời đại mới cho cả dân tộc Đại Việt đang hồi sinh và phục hưng.

Sau cuộc dời đô với tư thế một quốc gia cường thịnh, triều Lý đã biến Thăng Long thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước, đã sửa sang lại thành quách, xây dựng nhiều công trình văn hóa : cung điện, lầu đài, chùa quán, đền miếu, hình thành nên một quần thể kiến trúc bề thế và ngoạn mục mà mới đây các nhà khảo cổ học đang làm sống lại dưới mắt chúng ta.

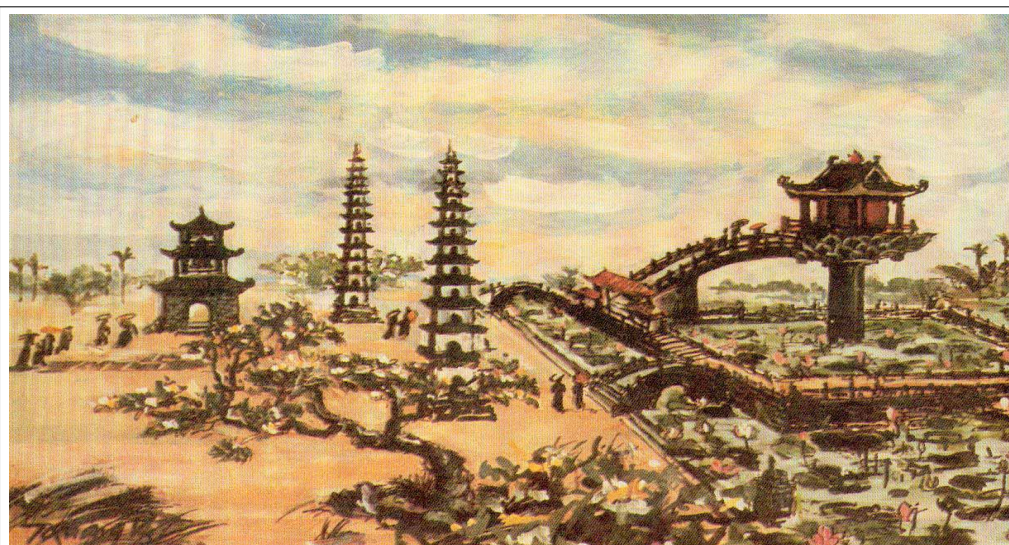


Chùa Một Cột
hiện nay

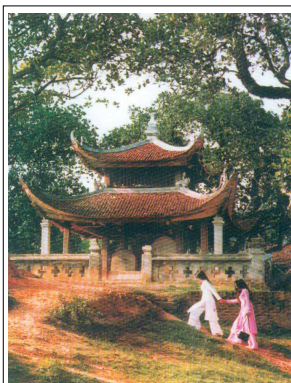
Một biến cố khảo cổ học lớn lao đang diễn ra tại Hà Nội : phát hiện di tích hoàng thành Thăng Long

Trên khu vực nằm giữa các đường lớn Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ, Độc Lập, Bắc Sơn, từ tháng 12-2002 đến nay, Viện Khảo Cổ Học đã tiến hành đào bới trên một diện tích hơn 200.000 m² : đây là qui mô khai quật lớn nhất ở Việt Nam mà cũng vào loại lớn nhất ở Đông Nam Á. Từ đó đã phát hiện một phức hệ di tích-di vật vô cùng phong phú và đa dạng có từ thời kỳ tiền Thăng Long (thế kỷ 7-9), với nhiều triệu di vật thu thập được.

Trên cơ sở phát hiện này, các nhà khảo cổ học còn phải dành nhiều thời gian để chỉnh lý các hiện vật và hoàn chỉnh



Chùa Một Cột đời Lý (vẽ theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư và văn bia chùa Đọi)



**Nhà bia
Đền Cổ Loa**

các hồ sơ khoa học ; các nhà khoa học nhân văn thuộc nhiều chuyên ngành liên quan cũng cần nhiều thời gian để nghiên cứu hàng loạt vấn đề được đặt ra, nhưng về đại thể đã có đủ cơ sở khoa học để đưa ra những đánh giá bước đầu về giá trị lịch sử-văn hóa của khu di tích đã phát hiện.

Đây là di tích một phần phía tây hoàng thành Thăng Long các thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng thế kỷ 11-

18, ngược lên thành Đại La thế kỷ 7-9 và kéo dài đến thành Hà Nội thế kỷ 19. Khu di tích này đã bộc lộ một chiều dày lịch sử hơn 13 thế kỷ, nó là di sản văn hóa vô giá của dân tộc mà nếu nghiên cứu kỹ, bảo tàng tốt, chắc chắn sẽ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa của nhân loại.

Từ ba năm nay, dư luận trong nước và trên thế giới đã sôi nổi lên tiếng, đánh giá cao khu di tích lớn lao này. Những thông tin phía Việt Nam đưa ra thì chúng ta đã biết. Còn sau đây là phát biểu đáng chú ý của hai chuyên gia châu Á.

Giáo sư Shigeeda Yutaka, thuộc trường đại học tổng hợp Nippon, đã nói : "*Các nước láng giềng của Việt Nam như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Campuchia và Thái Lan cũng có những kinh thành cổ, hay cố đô được bảo vệ, bảo tồn và đã triển khai những cuộc nghiên cứu lớn về Trường An, Lạc Dương (Trung Quốc), Sukhotai và Atthaya (Thái Lan), Angkor (Campuchia), Khánh Châu (Hàn Quốc), Nara và Kyoto (Nhật Bản), trong đó Kyoto có lịch sử lâu nhất, từ 794 đến 1867. Nhưng nếu kể cả lịch sử trước Thăng Long như An Nam Đô Hộ Phủ thì Hà Nội có lịch sử chính trị và văn hóa gần 1.400 năm : từ 618 đến nay ! Chắc chắn đây là trường hợp lâu dài nhất trong khu vực châu Á, và có lẽ chỉ có La Mã (thủ đô Ý) mới so sánh được*".

Giáo sư Yamanaka Akira, thuộc trường đại học Mie, đã nhấn mạnh : "*Đặc trưng nhất của khu di tích hoàng thành Thăng Long này là sự phát hiện đúng trung tâm của các kinh thành, từ các thời An Nam Đô Hộ Phủ, Lý, Trần, Lê và Nguyễn trong cùng một khu khai quật. [...] Di tích kiến trúc như ở khu A1 của hoàng thành Thăng Long rất hiếm hoi. Dù đã có các di tích vĩ đại như Rôma ở Ý, Trường An ở Trung Quốc hay Heian-Kyo ở Kyoto cũng không thể vĩ đại như di tích ở đây. Cho nên di tích này có giá trị xứng đáng là di sản văn hóa thế giới (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hoàng thành Thăng Long, Phát hiện khảo cổ học, đặc san Xưa và Nay, 2004).*"

Một ngàn năm tinh hoa vùng Thăng Long-Hà Nội

Sự phát hiện lớn lao về di tích hoàng thành Thăng Long có lẽ là bằng chứng cụ thể nhất của truyền thống văn hóa Thăng Long-Hà Nội ngàn năm. Kể từ 1010, khi Thăng Long trở thành kinh đô của Đại Việt thì nhiều thiên tài và nhân tài, có tên hay không tên, từ mọi miền đã tập hợp về đây để lập ra phố phường, tạo ra những kỳ tích văn hóa nghệ thuật.

Các nghệ nhân đúc đồng ưu tú đã làm ra "tứ đại khí", bốn vật báu to tát của Đại Việt thời Lý Trần, trong đó có hai "đại khí" ra đời tại Thăng Long : *Tháp Báo Thiên* vọi vọi và *Chuông Qui Điền* khổng lồ.

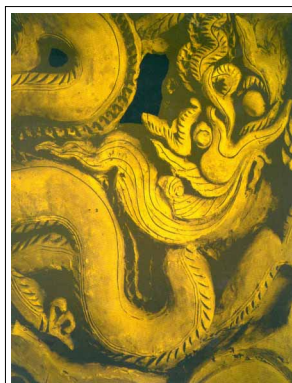
Các nghệ nhân gốm sứ tài giỏi đã tạo ra những ngói thếp vàng, thếp bạc, tô điểm cho lớp mái cong các điện Càn Nguyên, Tập Hiền, Giảng Võ, Long An, Long Thụy và một số chùa chiền hoành tráng như chùa Một Cột nổi tiếng và qui mô lớn (chờ không nhỏ bé như chùa Một Cột hiện nay).

Nghệ thuật múa rối nước và múa rối cạn đã đạt được những thành tựu tuyệt vời : trong ngày *hội đèn Quảng Chiếu* giữa kinh đô Thăng Long, vua và dân đã được thấy cây đèn độc đáo hình nhà sư, vận máy biết giờ dùi đánh chuông, nghe tiếng sáo biết quay mặt lại chào ; trong ngày *hội đua thuyền* trên sông

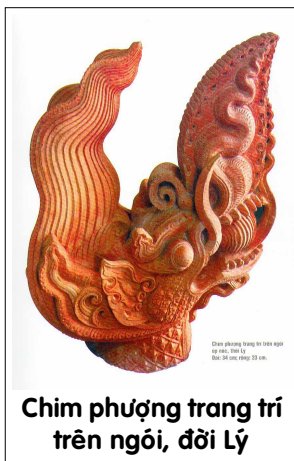
Hồng, máy Kim Ngao hình con rùa lớn bơi được trên mặt nước, mắt lúng liếng, miệng phun nước, đầu cử động biết cúi chào nhân dân dự hội (*Văn bia chùa Đại* trước tháp Sùng Thiện Diên Linh, tạc năm 1121 đời Lý Nhân Tông).

1076 : *Quốc Tử Giám*, trường đại học đầu tiên của Việt Nam được thành lập, sáu năm sau khi *Văn Miếu* ra đời. Ở *Khâm Thiên Giám*, đài thiên văn đầu tiên của đời Trần, Đặng Lộ đã chế ra máy *Lung Linh Nghi* để quan sát các vì sao mà soạn ra lịch riêng cho Đại Việt. Đời Lê, Vũ Hữu và Lương Thế Vinh đã soạn ra sách toán học. Lương Thế Vinh còn viết *Hý Phường Phả Lục*, công trình nghiên cứu lý luận đầu tiên về nghệ thuật sân khấu truyền thống. Ở thế kỷ 16, Vũ Như Tô, nhà kiến trúc đại tài, đã xây dựng bên bờ Hồ Tây một *đài Cửu Trùng* trăm nóc, với bệ ngọc thêm vàng.

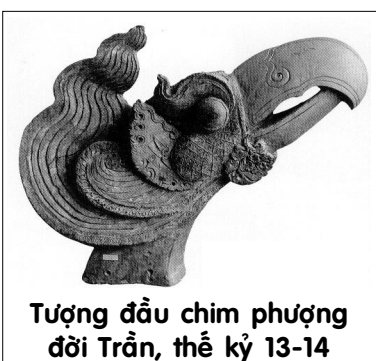
Tại Thăng Long, các nhà sư thời Lý Trần đã sáng tác hàng trăm áng thơ văn Thiền, Lý Thường Kiệt viết *Nam Quốc Sơn Hà*, Trần Hưng Đạo công bố *Hịch Tướng Sĩ*, Nguyễn Trãi làm thơ Nôm và sáng tác *Đại Cáo Bình Ngô*, một áng "thiên cổ hùng văn". Nguyễn Giản Thanh



**Tượng đầu rồng đời
Lý, thế kỷ 11-12**



**Chim phượng trang trí
trên ngói, đời Lý**



**Tượng đầu chim phượng
đời Trần, thế kỷ 13-14**



Hội đua trái trên hồ Hoàn Kiếm

ca ngợi Thăng Long là nơi "văn vật thanh danh" qua bài phú *Phụng Thành xuân sắc*. Đặng Trần Côn

Đỉnh cao của ẩm thực Hà Nội là cỗ, bữa ăn vừa long trọng vừa thân tình. Cỗ Hà Nội có nhiều loại, có cỗ mặn, cỗ



Hội đèn An Dương Vương, Cổ Loa

viết khúc ngâm *Chinh Phụ*, Nguyễn Gia Thiều viết khúc ngâm *Cung Oán*, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, bà Thanh Quan làm thơ Nôm, rồi Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Văn Siêu, Phạm Đình Hổ, Cao Bá Quát... với tài năng mỗi người một vẻ, đã cống hiến nhiều kiệt tác làm rạng danh Thăng Long.

Một nét son của vùng văn hóa Thăng Long Hà Nội : nghệ thuật ẩm thực

Một trong những thành tựu lớn của văn hóa văn minh Việt Nam là nghệ thuật ẩm thực. Nói đến cái đẹp, cái ngon, cái hương, cái vị của món ăn Việt Nam trước hết phải nói đến món ăn Hà Nội-Kẻ Chợ, tiêu biểu cho văn hóa ẩm thực Việt Nam xưa nay.

Hà Nội ở giữa đồng bằng Bắc bộ nên món ăn Hà Nội được chế biến chủ yếu từ các sản phẩm của nghề nông và nghề đánh cá : thịt heo, bò, gà, vịt, chim, cá, cua, tôm, ốc và rau lành trái ngọt của đồng bằng. Một số món ăn đặc sản của Hà Nội cũng được chế biến từ sơn hào hải vị : dê rừng, heo rừng, hươu nai, rùa núi, cá biển, tôm biển, cua biển, hải sâm...

Nổi tiếng nhất mà rất bình dân là *phở Hà Nội*, một món ăn dân tộc độc đáo chỉ có ở Việt Nam. Do tiếp thu ảnh hưởng của nước ngoài nên ngày nay có nhiều loại phở. Phở bò (chín hay tái) đó là loại phở quen thuộc, Việt Nam nhất mà cũng Hà Nội nhất. Bên cạnh phở bò có phở gà, phở vịt, phở heo, phở ngan, có cả phở cá ! Bên cạnh phở nước có phở áp chảo, phở xào, phở chua, phở sốt-vang (do ảnh hưởng của Pháp) và nhiều nữa.

Bánh chưng là món ăn Hà Nội và cũng là món ăn toàn quốc, đó là bánh chưng xanh, nhưng chỉ có Hà Nội là có bánh chưng gấc (bánh chưng đỏ). Khi nói đến những món ăn Hà Nội đặc sắc nhất, người ta nghĩ ngay đến cơm tấm giò chả, bún chả, bên cạnh bún thang, bún bung, bún ốc, bún sườn, bún riêu..., bánh cuốn Thanh Trì, bánh dầy Quán Gánh, bánh rán Cầu Khâu, bánh phồng Kẻ Vẽ, bánh tôm Hồ Tây, chả cá Lã Vọng, đùi ếch tẩm bột rán, giò lụa, giò hoa, giò nây, giò hạt lựu... chả quế, chả bì, chả bò... Còn chả cốm, chè cốm, bánh cốm thì được chế biến từ *cốm Vòng*, món ngon nổi tiếng.



Hội làng Thị Cầu : cuộc thi thổi cơm

Nét đặc sắc của một vùng văn hóa : hơn trăm lễ hội của Thăng Long ngàn năm

Mới đây, giữa nhiều hoạt động quan trọng, các nhà Hà Nội học đã làm một việc rất có ý nghĩa là thống kê và mô tả rành mạch 113 lễ hội Thăng Long trên tổng số 240 lễ hội Việt Nam đã ghi nhận được. Đó là những lễ hội hiện còn hay mới phục hồi trên địa bàn 7 quận nội

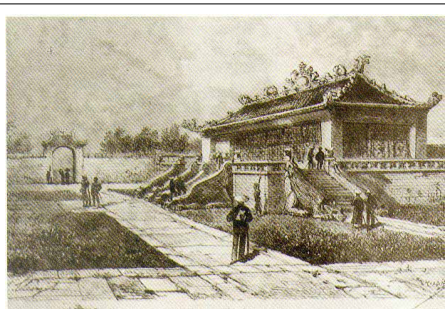
thành và 5 huyện ngoại thành, quả là một kỷ lục trên một vùng văn hóa rộng 900 km², với ba triệu dân (*Lễ hội Thăng Long*, Lê Trung Vũ chủ biên, 2001).

113 lễ hội Thăng Long diễn ra từ tháng Giêng đến tháng (Mười) Một âm lịch, nhiều nhất là trong ba tháng đầu năm và tháng Tám (có đến 101 lễ hội, phần lớn là hội làng, hội đình, hội chùa, hội đền), với khoảng 10 hội mang tính chất toàn miền, toàn quốc : những hội liên quan đến Quang Trung Nguyễn Huệ (Đống Đa), An Dương Vương (Cổ Loa), Gióng (nhiều làng), Hai Bà Trưng (nhiều làng), Lý Ông Trọng (làng Chèm), Từ Đạo Hạnh (làng Láng) ; liên quan đến thuần phong mỹ tục và văn hóa nghệ thuật dân gian : thổi cơm thi, đua trái (thuyền), hát ả đào... (làng Thị Cầu, Đăm, Lỗ Khê, Lệ Mật và nhiều nữa).

Chỉ có Thăng Long xưa mới có *tứ trấn* Đông Đoài Bắc Nam, một phương thức sáng tạo không gian thiêng của tổ tiên ta phủ lên bốn phương trời, từ đó nảy sinh sức mạnh của thần thánh, hỗ trợ cho uy lực quyền vua thêm vững mạnh mà đất nước và nhân dân cũng thêm



Rời nước : Lễ Lợi trả gươm



Điện Kính Thiên, đời Lê thế kỷ 15

hội đền Kim Liên (ở phương Nam) là những lễ hội lớn của kinh đô xưa nhằm giữ vững mối tương quan nội lực của một vùng đất anh hùng và văn hiến.

Và cũng chỉ Thăng Long xưa mới có *tứ bát tử*, bốn vị thần có công với dân với nước nên được tôn vinh lâu dài trong sinh hoạt văn hóa chốn kinh kỳ, và *lễ hội tứ bát tử*, gồm hội Tầm Xá, hội Phù Đồng, hội phủ Tây Hồ và hội Chử đạo tổ vẫn thịnh hành để đề cao những thánh Tản, thánh Gióng, mẫu Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, và đề cao luôn nàng Tiên Dung vì cả hai đều là biểu tượng cho lòng nhân hậu, hiếu thảo, vị tha, cho tình yêu bền vững không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, cho tinh thần năng nổ kinh doanh, đi đôi với ý chí hạnh phúc, nghị lực đổi đời.

Vì vậy, số lượng lớn và chất lượng của lễ hội Thăng Long có một tầm cao văn hiến đáng kể.

Từ cuộc sống không ngừng sáng tạo đến con người thanh lịch của chốn kinh kỳ ngàn năm

Đã nói đến một ngàn năm tinh hoa văn hóa nghệ thuật của đất Thăng Long từ khi có tháp Báo Thiên, chuông Qui Điền, đã nói đến nghệ thuật ẩm thực, văn hóa lễ hội thì cũng phải nói đến cuộc sống không ngừng sáng tạo nơi 36 phố phường, với hàng chục, hàng trăm ngành nghề, sản phẩm thủ công mỹ thuật mỹ nghệ : từ tranh Hàng Trống, tranh Kim Hoàng đến gốm Bát Tràng, giấy dó Bưởi, tơ lụa, chạm bạc, chạm gỗ, sơn mài, khảm trai, đúc tượng, đúc chuông, trồng rau, trồng hoa... làm cho cuộc sống thêm đẹp, vui, hấp dẫn.

Từ bao đời các nghệ sĩ, nghệ nhân Thăng Long không ngừng sáng tạo những vở chèo, vở tuồng, tiết mục múa rối, chuyện tích dân gian, ca múa nhạc dân gian, trò chơi, trò diễn, thuần phong mỹ tục, cùng với hàng trăm đình chùa, đền miếu để tô điểm cho kinh đô như các nhà



Đền An Dương Vương, Cổ Loa

phồn thịnh và yên vui. Do đó Thăng Long có *lễ hội tứ trấn* : hội đền Bạch Mã (ở phương đông), hội đền Voi Phục (ở phương tây), hội quán Trấn Vũ (ở phương bắc),

Hà Nội học đã tổng kết trong bộ *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long Đông Đô Hà Nội* (1991).

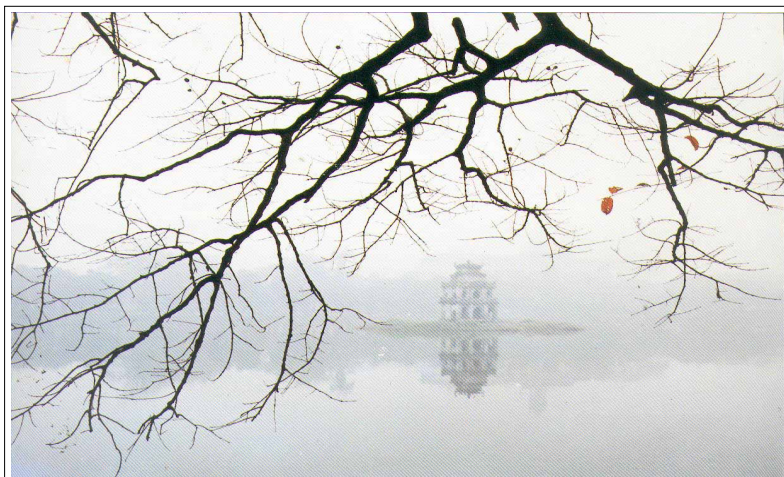
Quên sao được những bài ca dao đa tình : *Chàng về thiếp nhớ dầm dẫm, Giường trên chiếu dưới ai nằm đêm nay, Chàng về thiếp nhớ lấm thây, Giường trên chiếu dưới ai nằm nay ai nằm.*

Quên sao được những làn điệu chèo : hát cách, hát sấp, làn ngay, làn thăm, sử xuân, sử rầu, cách cú, đường trường, gà rừng, lối lơ... với những hình tượng khó quên : Thị Kính hàm oan, Thị Mầu lẳng lơ, Xúy Vân giả dại, Đào Huế đánh ghen, Tuần Ty ngóng nghịu...

Quên sao được những làn điệu ca trù, hát xẩm, qua biểu diễn của những nghệ sĩ dân gian thiên tài Quách Thị Hồ, Hà Thị Cầu...

Kể sao cho hết những sáng tạo trăm màu nghìn vẻ của chốn kinh kỳ mãi mãi tiêu biểu cho nền văn minh Việt Nam, cho nét thanh lịch Việt Nam qua những dáng dấp Hà Nội vô cùng đáng yêu !

Rồi một câu hỏi được đặt ra : *những phẩm chất gì đã*



Hồ Gươm và Tháp Rùa trong sương sớm

làm nên tinh hoa ấy ? Theo nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc : "Trước hết đó là yêu nước, yêu dân tộc... Thứ đến là nghị lực, một nghị lực lớn kết tinh của ý chí mạnh mẽ, khả năng hành động và đức tính bền bỉ... Kế đó là chất thông minh và tài hoa. Thông minh thì nhạy cảm, nghĩ nhanh, lắm sáng kiến, đồng thời cũng năng động... Luôn luôn tạo ra cái mới, sản phẩm mới, thơ văn mới, nghệ thuật mới ; óc sáng tạo lại thêm khéo tay và tài hoa nên nghề giỏi, sản phẩm - vô thể và hữu thể - đều tinh xảo, hoàn mỹ. Cuối cùng là lòng nhân hậu. Kẻ Chợ là thương trường lớn, mà thương trường là chiến trường nhưng con người vẫn giữ được lòng nhân hậu. Dân tứ chiếng đến quân cư mà hòa đồng, mà nương tựa vào nhau... Ở thôn quê có người hàng xóm, hàng xã thì kinh đô có người hàng phố, hàng phường với nhau. Tất cả làm ra chất lịch lãm Tràng An, sang mà tinh tế, mà ý nghĩa của nó là lòng tôn trọng các giá trị tinh thần, đạo lý, văn hóa trong làm ăn, ứng xử, sinh hoạt lành mạnh".

Đã có nhiều năm sống ở Hà Nội tôi cảm nhận sâu sắc lời nói ấy là sự thật.

Lê Văn Hảo (Paris)

Một di sản văn hóa bất khả đoạn tiêu

Nguyễn Ngọc Phách

Thưa bà con cô bác,

Thưa các bạn trẻ,

Cách đây hai chục năm, có lần tôi đã bất hạnh đọc phải một cuốn sách tiếng Anh, in ấn rất công phu, có cả một chương luận về *Tứ Thư Ngũ Kinh*, đặc biệt là cuốn *Đại Học*. Trong sách này - thực ra chỉ là hồi ký của một đồng hương đã xuất ngoại từ hồi còn trẻ đại - tác giả đã ba hoa chích chøe tùm lum tà la nhưng khi nói đến văn-minh văn hóa Việt Nam thì bà ta lại đã đề cập đến cuốn sách của Tăng Sâm và dịch nhan đề là *University Education* (!?). Mới đọc đến đó, tôi đã tá hỏa tam tinh, mồ hôi vã ra như tắm, không sao đọc tiếp được nữa !

Thế rồi mấy năm sau, đang khi làm phát thanh, tôi lại bỏ nghề chuyển sang dạy học và trong khi hành nghề mới, đã đụng đầu một số học viên sinh đẻ ở Việt Nam nhưng lớn lên bên trời Úc... nên tôi lại có mấy kinh nghiệm để đời! Có lần tôi cho lớp học dịch sang Anh ngữ một bài văn ngắn, đầu đó có chữ "từ-đường" - tôi đã cẩn thận viết gạch nối - nên Anh-ngữ chỉ là "*ancestral hall*". Thế mà vẫn có người tưởng "từ-đường" là "từ phía đường cái" và dịch là "*from the street*" !

Nhưng nếu chỉ gặp những trường hợp nhất tự nhất lệ như thế thì thật làm biếng cổ hữu của tôi có lẽ cũng dư sức đánh bậy ý đồ viết sách và không chừng tôi cũng chỉ đau lòng dăm bữa nửa tháng rồi có lúc lại tự an ủi : "Minh là cái thớ gì mà cũng đòi viết sách... nhờ viết bậy lách bạ, thiên hạ họ rửa cho vài ba lát thì có phải là đại đột không!". Và thế là đầu lại hoàn đó ! Sách có khi soạn được cả trăm trang, nhan đề cũng đã chọn mà rồi vẫn xếp vào một xó ! Ở nhà tôi, hiện còn dấu tích cả chục dự án lập ngôn nửa chừng trên giấy trắng mực đen !

Tuy nhiên, dư tính viết *Chữ Nho và Đời Sống Mới* đã không có kết cấu lằng xet như thế, lý do chỉ là như sau :

Mấy năm sau khi tôi đến Úc làm lại cuộc đời, nhất là từ khi báo chí tiếng Việt ở hải ngoại cứ ừn ừn ra lò theo tinh thần bách gia tranh minh và từ buổi chính phủ liên bang có thói cho dịch sang Việt ngữ nhiều tài liệu thông tin cộng đồng... thì hễ cứ mở báo ra coi là tôi lại đụng phải một vài quái từ như "nội ô", "hôn phu", và "hôn thê" và nhiều cụm từ quái đản không kém : nào là "tổng toàn quyền", "bệnh nhân tư, nào là "hành vi công nghiệp" và "hành động kỹ nghệ"...

Đáng buồn hơn nữa, không phải chỉ Việt kiều hải ngoại mới chế biến ra những ngôn từ lạ đời như thế ! Ở trong nước, báo chí cũng nhảm nhí không kém : từ đã lâu, nhiều người đã phải kêu trời về những lời phát ngôn bừa bãi như "tôi sẽ hỗ trợ cho anh !" và "tôi là người lái nhân dân Việt Nam"... Hồi học giả Lê Ngọc Trụ có ý cho ra mắt cuốn *Việt Nam tâm nguyên tự điển* năm 1993, Nhà xuất bản

thành phố Hồ Chí Minh đã bắt ông phải sửa lại nhan đề là "Tâm nguyên tự điển Việt Nam" (!?). [*Thật đúng là lợn lành chữa lợn toi !*]. Hồi gần đây, báo Đảng còn gọi các chiến-sĩ tự do dân chủ là "bọn phản động cấp tiến" (!?)... [*Thế là cái quái gì nhỉ ? Cái gì đã phản động, tức là đi giạt lùi, mà còn cấp tiến, tức là xông lên ?*]. Nhưng dù có bỏ qua mấy quái từ của các "đỉnh cao trí tuệ loài người", tôi đã nhiều phen chóng mặt vì những địa danh như *Mát-xcơ-va*, *Ốt-xtrây-li-a* nghe thật chướng tai, trông thật gai mắt... nên mãi đến thập niên chín mươi mới có một hôm, trong bầu trời xuân mơn mớn, vạn vật hồi sinh, trăm hoa đua nở, tôi nổi hứng nhất định phải soạn một bộ sách thành ngữ Hán-Việt có thực dụng trong đời sống mới. Tuy biết mình là dân học tất, do đó, kiến văn hẹp hòi mà còn nhiều sơ hở, tôi vẫn tự nhủ "phải làm một cái gì" giúp người đồng hương đối phó với tất cả những dằn vặt, thư thách ai nấy đều phải vật lộn về mặt ngôn ngữ đang khi sinh sống ở xứ người.

Suốt thời gian soạn *Chữ Nho và Đời Sống Mới*, thực quả tôi không biết sách này có hi vọng gì làm cho người đọc hài lòng hay không nên hôm nay, để tranh thủ cảm tình của bà con, tôi phải nói chỉ biết nó là kết quả gần mười năm cố gắng không ngừng nghỉ. Tôi cũng chẳng biết có làm tròn mấy lời rao trong *Phi lộ* hay không - quan trọng nhất là xác định quan hệ Hán-Nôm và những điểm dị biệt giữa hai ngôn ngữ, chọn mục từ xác đáng và giải thích từng âm tiết theo nhu cầu ngôn đàm của người Việt vào đầu thế kỷ XXI, và nhất là kê khai những chữ phái sinh (*derivative*) nên cho nhập Việt - nhưng ngay khi *Chữ Nho và Đời Sống Mới* mới phát hành thì nhiều bạn làng văn bên Hoa Kỳ đã cho hay sách đã gây được một tiếng vang không nhỏ.

Giáo sư Đàm Trung Pháp, một giáo chức đại học văn khoa hàng đầu ở bang Texas, mới đọc mấy chục trang trong khi du lịch *Mẽ-tây-cơ* mà đã viết cho học viên Lớp Hán-Việt ở Viện Việt học một điện thư gọi *Chữ Nho và Đời Sống Mới* là "một tác phẩm tất cả mọi người còn quan tâm đến tiếng Việt phải có". Có chỗ ông còn khen "cuốn sách đọc rất hấp dẫn vì nó vừa uyên bác, vừa duyên dáng chi lạ !". Từ bữa giáo sư Pháp giới thiệu *Chữ Nho và Đời Sống Mới* ân cần như vậy, nhà báo già Râu Cáo đã có bài chiếu cố trên tờ *Ngày Nay* và thi sĩ Cao Tiêu có thư khen "nội dung rất phong phú". Tại Úc, *TiVi tuần san* cũng đã có bài khích lệ tác giả và một nhân sĩ Queensland mua tới bốn cuốn tặng thân nhân. Tin giờ chót ở Mỹ còn cho biết sách bán chạy như tôm tươi !

Nhưng sách có tựa đề là *Chữ Nho và Đời Sống Mới* mà các nhà phê bình ra vẻ chưa mấy chú trọng đến vai trò của chữ Nho, của tiếng Hán-Việt trong cuộc sống đời nay. Tôi cũng biết là trong một bài điểm sách, không ai có thể nói

lên tất cả những cái hay, cái dở của một cuốn sách dày 729 trang nên, tiện đây, tôi xin phép được làm chuyện... tự tung tự hứng một chút. *Chữ Nho và Đời Sống Mới* có một số đặc điểm ít thấy ở các cuốn cùng loại : sách có cả trăm tiểu luận, có bài dài hai ba trang nhưng chỉ xoay vần xung quanh một luận đề (*thematic unit*) thế nào cũng có ngày dân ta phải để ý về phương diện ngữ vựng. Chẳng hạn, một khi dân ta chọn một nếp sống chính trị dân chủ pháp trị và một chế độ kinh tế tư bản tư doanh thì thương nghiệp và dịch vụ sẽ phát triển gấp bội, đòi hỏi một số từ ngữ chuyên ngành phong phú hơn bây giờ rất nhiều. Vì thế mà từ trang 588 đến trang 591, tôi đã luận bàn về vai trò của các công ty xí-nghiệp, nhất là các hợp cổ công ty (*joint-stock company*), và của thị trường chứng khoán trong kinh tế hiện đại và tôi đã phải cố dịch cả trăm thuật từ kinh tài tương đối mới, ở trong nước chắc ít có ai ngờ, những thuật từ như *corporation merger* (sự hội thôn), *company float* (việc phóng phát công ty), *credit rating* (tín cổ), *investment trust* (quỹ tín thác), *oversubscription* (quá đa hay quá thịnh đăng ký), *Registrar of Companies* (Chánh Sở đăng bộ Công ty), *risk capital* (vốn vô thường), *undersubscription* (bất cập hay nhược pháp đăng ký)...

Trong mấy tiểu luận bàn về *đạo* và *khí*, hai điểm triết lý căn bản của người Á Đông không cả có tương đương trong các ngôn ngữ Ấn-Âu (trang 142-144 và trang 220-224), tôi đã cố lèo lái tư duy và lý luận để có dịp ghi và dịch nhiều khái niệm cổ xưa có liên hệ mật thiết với cuộc sống và khoa học đời nay. Cũng nhờ thế mà tôi đã kê khai được vô số thuật từ chuyên ngành, từ thuật từ phê bình văn nghệ cổ đại (*ancient critical vocabulary*) như khí vận sinh động (*rhythmic vitality*) đến thuật từ khoa học hiện đại như lân hư vi tử (*subatomic particle*)...

Dựa trên phương- thức vừa kể, tôi còn đã đề nghị cả chục thuật từ tân chế trong những bộ môn khoa học chỉ mới phát động cách đây vài ba năm như con côn loan (*clone*), côn loan trị-liệu (*cloning therapy*), di tử học (*genomics*), di thực trị liệu (*transplant therapy*), thuật cử loan (*cloning*), vật cử loan (*cloned animal*)...

Trong những lãnh vực như thư họa, ông cha ta ít để tâm nên thuật từ hội họa của ta còn nghèo, tôi đã tìm đọc cổ thư và cố phát hiện ra một số chữ người dân Trung Hoa đã dùng từ ngàn xưa nhưng chưa được dân mình chiếu cố. Nhờ vậy mà ở trang 609-611, tôi đã kê khai được cả trăm chữ - ngay ở đây cũng phải kể lai rai : chuyết (vụng mà đẹp : *awkward but attractive*), cồn bút (chảy cuộn cuộn: *rolling brush*), công bút (nét bút vẽ tỉ mỉ: *detailed painting*), điệu khảm (*bird's eye view*), họa sĩ truyền thần (*portraitist*), nét chấm phá (*a sketching stroke*), nham họa (*rock art*), quân hoành (cân đối : *balance*), thấu thị (*perspective*)...

Trong các lãnh-vực khác - từ chính trị, kinh tế tài chính đến thể dục thể thao, từ pháp luật, triết học đến tôn giáo - tôi cũng chỉ đã đeo đuổi có một phương pháp biên soạn... nên xin miễn nói thêm kẻo nhảm.

Đến đây, tôi có một đôi lời xin nói riêng với các bạn trẻ : một khi đã có sách *Chữ Nho và Đời Sống Mới* trong tay, ai nấy nên đọc *Mấy lời phi lộ* và *Sách dẫn và cách*

dùng kỹ một chút thì rồi mới biết cách tra cứu và không ngại tra cứu. Tiếng Việt là ngôn ngữ ta nói từ lúc còn nằm nôi nên không khó lắm đâu nhưng muốn nói, muốn viết đăng hoàng, ta cũng phải ráng sức đôi ba năm mới được.

Vì *Chữ Nho và Đời Sống Mới* vừa là sách học vừa là tư-liệu tra cứu nên muốn dùng cho thực bổ đồng tiền bát gạo - giá sách tới 40 đô-la, tuy mới bằng nửa giá các loại sách cùng khổ nhưng cũng mua được sáu tô phở, chứ đâu có rẻ rúng gì - người đọc không nên chỉ xem nó như một cuốn tự vị, lúc cần mới giở ra tra. Như tôi đã trình trong *Phi lộ*, khi viết sách này, tôi chỉ đã "cố soạn một bộ hồi còn nhỏ, chính mình cảm thấy cần thiết nhưng không kiếm đâu ra". Ở một đoạn dưới, tôi lại đã viết : "Cứ thấy hồi nhỏ mình thiếu sách gì (mà làm sao cũng không mua được), muốn biết thêm chữ gì, câu gì (mà không biết tìm đâu ra), tôi chỉ đã cố san bằng cái lỗ hồng giáo khoa thư đó".

Vì thế mà giới trẻ nên coi *Chữ Nho và Đời Sống Mới* như một lão hữu, chưa chắc đã thông tài bác thức nhưng được cái nhiều tuổi nên đã từng gặp những vấn đề ngôn ngữ học làm ai cũng có lúc phải nhứt đầu bứt tai, và có thể đã tìm được cách hóa giải ít nhiều. Còn ai đã có thời học với tôi thì nên xem sách này như một thứ băng ghi âm những điều tôi thường lải nhải năm xưa. Xin đan cử mấy tỷ-dụ cụ thể:

Lấy hai cặp chữ ai cũng đã từng có phen thắc mắc - mãi dâm và mại dâm [1], thương mãi và thương mại [2] - thì chữ nào đúng ? Chữ nào sai ? Cả hai đều đúng ? Nhưng cả hai đều đúng thì có hồ tương giao hoán (*interchangeable*) hay không ?

Để trả lời mấy câu hỏi vừa nêu, có lẽ tôi phải thuyết giảng cả tiếng đồng hồ cũng chưa đủ nhưng nếu trong nhà có cuốn *Chữ Nho và Đời Sống Mới* thì chỉ cần lật *Sách dẫn* đến chữ mãi (mua), mại (bán) thì sẽ được hướng dẫn đến trang 264, 265 và đọc hết số cước chú liên hệ thì sẽ biết Việt ngữ chỉ nói *khách mãi dâm* và *gái mại dâm*. Nhưng *thương mãi* và *thương mại* thì là chữ có thể dùng lẫn lộn nên tiếng ta nói *Phòng thương mãi* hay *Phòng thương mại* thế nào cũng được.

Việt ngữ cũng có cụm từ *cha mẹ dân* (hồi tôi còn dạy học) khóa nào cũng có người không biết chữ Nho phải nói sao : *phụ mẫu chi dân* hay *dân chi phụ mẫu* ? Ai có sách *Chữ Nho và Đời Sống Mới* chỉ cần xem trong *Sách dẫn* là được hướng dẫn đến trang 10, 113, 115, 465 và biết "cha mẹ dân" chỉ có thể là *dân chi phụ mẫu*.

Chữ Nho và Đời Sống Mới còn giải thích cả trăm nạn tự, trường hợp những chữ "có vấn đề" như thế... nhưng trong phạm vi bài nói chuyện hôm nay, tôi xin chỉ đưa ra thêm một tỷ dụ. Cách đây gần một nửa thế kỷ, hồi làm việc cho *Công quản phát thanh Anh Quốc*, tức là Đài BBC, có lần tôi phải dịch sang Anh ngữ một bản tin của Đài phát thanh Hà Nội có chữ "tư-sản mại bản". Gặp trường hợp như thế, bao giờ tôi cũng tra tự vị *Thiều Chửu*, viết nguệch ngoạc mấy chữ lên một mảnh giấy rồi sang ban Trung văn, nhờ mấy đồng nghiệp người Hoa kiểm lại xem đúng hay sai rồi thì nếu cần, giảng cho mình hiểu đến nơi đến chốn. Bốn chữ "tư sản mại bản" là những chữ tự nghĩa không có

gì phải thắc mắc mà sao mấy ông đồng nghiệp cứ há hốc mồm ra, làm như chẳng hiểu gì hết. Cả năm phút sau, mới có ông lão trưởng họ Từ trước đó cứ lẩm bẩm *zichăn màibễn, zichăn màibễn* đột nhiên hô hoán âm ỉ : "À ra thế! Không phải *zichăn màibễn* mà là *măibàn zichăn jièj*, tiếng Anh là *compradore bourgeoisie* và phải viết là *mãi biện tư sản giai cấp*, tiếng Việt là giai cấp tư sản mãi biện, mới đúng !.

Thì ra *compradore bourgeoisie*, chữ Nho là mãi biện tư sản giai cấp, tiếng ta là giai- cấp tư sản mãi biện mà mấy cậu mấy cô Việt cộng đi học đầu tổ địa chủ ở Hoa lục đã nghe nhầm ra "giai cấp tư sản mại bản". Hai âm mãi biện mà nghe chệch ra thành "mại bản" thì còn nghĩa lý gì nữa! Biện (xét, luận) mà nghe ra bản (gốc), mãi (mua) mà nghe ra mại (bán), mà lại dùng lộn sông như thế, thì đúng là *tác tộ ngộ quá* (chữ Tác đánh ra chữ Tộ, chữ Ngộ tưởng là chữ Quá)!

Cái nực cười (nhưng làm tôi muốn phát khóc) là người ta nói sai riết rồi... chữ sai lại đuổi chữ đúng... chạy như cờ lông công. Tôi đã kiểm tra cả chục tự vị mới in trong nước thì đa số đều có mục từ *tư sản mại bản* nhưng không cuốn nào có mục *mãi biện tư sản* hay *tư sản mãi biện* mà chỉ có một cuốn nói rõ *giai cấp tư sản mại bản* gốc là ở *mãi biện tư sản giai cấp* !

Thưa bà con cô bác

Thưa các bạn trẻ

Để chấm dứt bài thuyết trình đã bắt đầu có phần hơi nặng nề này, tôi phải xin nói về một trường hợp dùng chữ *bất túc* nữa. Ít lâu sau khi Mao Trạch Đông thiết lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Ban văn hóa tư tưởng Đảng Cộng Sản Trung Hoa đã ra chỉ thị báo chí phải gọi người Hồi, người Hồi ngọt, người Mãn, người Mông, người Tạng... là *thiểu số dân tộc*, quan chức Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa gọi ngay là dân tộc thiểu số hay dân tộc ít người (*national minorities*).

Vào thời điểm này, "Bác Mao" còn sáng giá hơn "Bác Hồ" nhiều nên giới cán bộ lãnh đạo văn hóa tư tưởng ở Hà Nội bèn tức tốc phế bỏ những chữ cả nước đã dùng từ vạn đại như dân sơn cước, đồng bào Thượng, người Thượng du, sắc tộc ít người, sắc tộc thiểu số, ra chỉ dĩ cả Mọi nữa... Cũng nên biết người Việt mình vẫn có thói rút ngắn những chữ đa âm nên người sắc tộc thiểu số chỉ còn là người sắc tộc hay người thiểu số, người Thượng du hay đồng bào Thượng chỉ còn là người Thượng... nhưng nhất định là ta không nói : người ít người (!?).

Chỉ tiếc là mấy thầy cai văn nghệ như Tố Hữu, trong cố gắng rao truyền chủ nghĩa Mao, đã quên cả tinh thần tiếng mẹ đẻ nên thay vì rút người dân tộc thiểu số thành người thiểu số, mấy ông đã bắt mọi người gọi các thành phần bộ lạc trong nước là người dân-tộc (!?). Chính vì thế mà tôi đã phải đọc những câu văn có âm tiết trùng phức rùng rợn (*tautology*) như : "Dân-tộc ta gồm có 90% là người Kinh và 10% là người dân tộc..." [*Thật là quỷ thần cũng phải khóc thét lên !*].

Khi viết, khi nói tiếng Việt, chúng ta phải tránh những

chữ, những câu văn "cù-lân lửa" như thế (*such oxymoronic words and phrases*) nhưng muốn làm được việc đó, chúng ta phải luôn luôn tâm niệm tiếng Việt ta nói ngày nay có hai cội nguồn chính : [1] ngôn ngữ tổ tiên ta đã nói từ vạn đại, gọi là tiếng Nôm, và [2] chữ Nho, là ngôn ngữ người Hoa đã đem vào nước ta trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc và 9-10 thế kỷ chữ Nho có vị thế áp đảo trong vùng Á Đông.

Việt ngữ hiện đại rõ ràng là hậu thân của hai cổ ngữ kia nên muốn giỏi tiếng ta, ta phải kính trọng cả hai, trau dồi cả hai, chứ không thể có thái độ phân biệt đối xử như có con yêu con ghét, yêu nên tốt ghét nên xấu. Ở trang 499-500, tôi có xin được giáo sư Nguyễn Ngọc Bích cho in lại một phần giáo trình ông viết về một bài tứ tuyệt chữ Nho của Huệ Sinh thiền sư - để chứng tỏ có những bài chữ Nho hoàn toàn đứng trong phạm vi văn học Việt Nam và phải để nguyên văn thì mới lột được nguyên vẹn giá trị. Ai muốn biết lập luận của giáo sư Bích, xin hãy giở *Chữ Nho và Đời Sống Mới* ra mục *Tịch tịch Lăng già nguyệt* thì sẽ hiểu.

Trong khi chờ đợi các bạn trẻ đọc và thưởng thức thi phẩm của thiền sư trong nguyên văn, tôi chỉ xin minh họa thêm điểm vừa nói với bản dịch tiếng Việt và chữ Hán câu văn ba chữ La-tinh René Descartes đã viết làm điểm xuất phát cho triết lý của ông. Câu đó là : *Cogito, ergo sum*, dịch sang tiếng Pháp là : *Je pense, donc je suis* ; tiếng Anh là : *I think, therefore I am*. Để dịch sang Việt ngữ, tôi đã có lần đề-nghị : "Ta tư tưởng, vậy là ta tồn tại" - một câu phải đặt ngược lại thì mới dễ hiểu : "Ta không nghĩ, không có phạm trù nào trong óc, thì không có gì là chắc, ngay đến vũ trụ và vạn vật bên trong cũng chỉ là ảo tưởng. Vậy muốn xây dựng cả một triết thuyết, tôi chỉ có thể bắt đầu với yếu tố tôi cảm chắc là có, và cái đó là khả năng tư duy của chính tôi và những con người như tôi".

Để chuyển ý câu văn bất hủ của triết gia Pháp, có bậc thức giả người Hoa đã dịch là : *Ngã tư cố ngã tại*. Câu văn dịch này rõ rệt là súc tích, luyện đạt và chính xác hơn câu tiếng Việt của tôi. Ai đồng ý với sự đánh giá vừa kể thì có lẽ cũng đã nghĩ như tôi, là phần lớn các thành ngữ Hán-Việt không phải là của riêng người Hoa mà là của dân ta nữa và, do đó, ta phải xem tổng thể những thành ngữ này như một phần bất khả đoạn tiêu, không thể ruồng bỏ trong di-sản ngôn ngữ, văn hóa và tinh thần tổ tiên đã để lại cho chúng ta, chúng ta phải trân-trọng bảo toàn.

Cám ơn mọi người đã chịu khó nghe tôi nói chuyện về một đề tài tôi vẫn ấp ủ từ hơn một nửa thế kỷ nay. Một lần nữa, tôi xin thành thật cám ơn tất cả.

Ngày 20 tháng Hai 2005

Nguyễn Ngọc Phách (Victoria, Úc)

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin rằng phát triển kinh tế chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa, vì thế cần phát huy một văn hóa kinh doanh, tôn vinh cố gắng làm giàu chính đáng và gây một tâm lý tin tưởng và lạc quan trong xã hội".

Cuốn *Tổ Quốc Ấn Năn* xuất bản tại Pháp tháng 2-2001 đã hết sau một vài tháng và đã được tái bản. Đối với một cuốn sách chính luận trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, đó là một may mắn. Nó đã phá mọi kỷ lục từ nhiều năm nay về số lượng bình luận. Vinh dự lớn của nó là đã được tiếp nhận một cách nồng nhiệt trong nước, kể cả bởi những người trong nội bộ đảng và nhà nước cộng sản mặc dù nó là cuốn sách của một người đối lập. Nó đã đóng góp khơi dậy ý chí và niềm tin nơi tuổi trẻ trong nước. Có những người trẻ xuất sắc như Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang - để chỉ kể một vài trường hợp điển hình - đã dẫn thân tranh đấu và chịu tù đầy, một phần vì cuốn sách này. Cuốn sách vì vậy, tuy mới ra đời, đã có lịch sử của nó.

Tổ Quốc Ấn Năn vừa được thêm một may mắn khác, rất lớn, đó là được dịch sang tiếng Anh, bởi một dịch giả kiệt xuất : giáo sư Nguyễn Ngọc Phách.

Tổ Quốc Ấn Năn không thể tìm được một người dịch nào như ông Phách. Ông là một nhà văn, nhà báo, một học giả, một nhà nghiên cứu chính trị, một giáo sư văn chương Anh và văn chương Việt Nam, hơn nữa một người dịch chuyên nghiệp, đã giảng dạy về môn dịch thuật trong 14 năm tại đại học Deakin, Melbourne, Úc, trước khi nghỉ hưu để dành trọn thì giờ cho việc trước tác.

Riêng cuốn *Tổ Quốc Ấn Năn*, Nguyễn Ngọc Phách đã dành trọn thì giờ trong hai năm, nhiều hơn cả thì giờ mà chính tôi đã bỏ ra để viết bản tiếng Việt. Số lượng thì giờ và cố gắng này có một giải thích.

Nguyễn Ngọc Phách có quan niệm riêng của ông về dịch thuật, ông đã tranh luận nhiều về điểm này và một cách đúng đắn người ta chỉ có thể đồng ý với ông. Đối với Nguyễn Ngọc Phách, dịch không phải tìm những từ ngữ tương đương cho từng chữ từng câu vì một lý do đơn giản là không hề có những từ ngữ hoàn toàn tương đương trong hai ngôn ngữ khác nhau. Mỗi ngôn ngữ chứa đựng một lịch sử, một cấu trúc tâm lý và một cách suy nghĩ riêng. Đối với ông, dịch là *viết lại* trong một ngôn ngữ khác, một cách hay nhất, đảm bảo sự trung thực của các ý kiến và giá trị văn học trong một ngôn ngữ khác. Đọc những "bản dịch" của Nguyễn Ngọc Phách, không ai có thể nghĩ rằng đó là những bản dịch. Nguyễn Ngọc Phách viết lại *Tổ Quốc Ấn Năn* bằng tiếng Anh, như ông đã viết lại nhiều cuốn sách khác. Lần này, đặc biệt hơn, ông Phách đã nhờ thêm sự tiếp tay của bà Nguyễn Ngọc Phách, nữ danh Awa Henryka Kraszewska, một người Anh, yêu văn chương và uyên bác về văn chương, và tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ, để đảm bảo rằng *Whence... Whither... Vietnam ?* là một tác phẩm thuần túy tiếng Anh, không còn để sót một tồn tại Việt văn nào. Chính bà đã chọn tựa đề tiếng Anh cho tác phẩm.

Trong văn học không thiếu những trường hợp bản dịch hay hơn bản gốc, và đây là một. Có nhiều lý do. Trước hết, phải nhìn nhận tiếng Anh phong phú và chính xác hơn tiếng Việt khiến người viết tiếng Anh thoải mái hơn người viết tiếng Việt ; ngoài ra ông Phách là một nhà văn chuyên nghiệp, ngôn ngữ đối với ông là tất cả trong khi đối với tôi nó chỉ là một dụng cụ truyền thông. Nhưng lý do căn bản không phải như thế. Là một học giả uyên bác về chữ Nho, ông Phách đã chú thích, dẫn giải rõ ràng hơn tôi những đoạn trích dẫn từ các sách Trung Quốc. Quan trọng hơn hết, ông Phách đã làm một điều mà tôi đã cáo lỗi vì không có thì giờ để làm là ghi chú những sưu tập về tài liệu và thư mục, cố gắng này đã làm ông Phách tốn thì giờ và công lao không

kém phần "dịch thuật". Ông Phách cũng không ngần ngại tranh luận với tôi, kể cả phản bác một số ý kiến trong phần chú thích. Điều này chứng tỏ rằng người ta vẫn có thể yêu một cuốn sách đến nỗi dành một phần của đời mình cho nó - hai năm liên tục trong tuổi 70 là một hy sinh lớn - dù không hoàn toàn đồng ý. Đây là một thái độ tri thức hiếm có nơi người Việt.

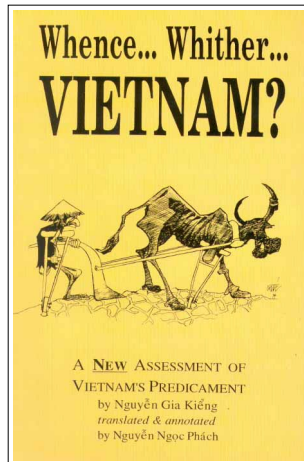
Sau cùng, bởi vì *Tổ Quốc Ấn Năn* là một cuốn sách thảo luận về chính trị, kinh tế và văn hóa, *Whence... Whither... Vietnam ?* cũng có giá trị của một cuốn tự điển về ngôn ngữ chính trị, kinh tế và văn hóa Việt Nam cho một số độc giả muốn nắm vững hơn tiếng Việt, hoặc tiếng Anh.

Whence... Whither... Vietnam ? có thể dịch là "Việt Nam, do đâu và về đâu ?".

Xin cảm ơn ông Phách đã đem *Tổ Quốc Ấn Năn* đến với độc giả tiếng Anh, hy vọng rằng nó sẽ đem đến cho những chuyên gia phương Tây về Việt Nam một cái nhìn của người Việt về nước Việt.

Xin rất hân hoan giới thiệu với độc giả bản tiếng Anh đặc sắc này. Và vì ông Phách đã tự cho phép bày tỏ những bất đồng quan điểm với tôi, tôi cũng xin bày tỏ một bất đồng quan điểm đối với ông Phách : tôi nghĩ bản tiếng Anh của ông Phách hay hơn bản tiếng Việt của tôi.

Nguyễn Gia Kiểng



Sách dày 366 trang, bìa màu, giấy láng, khổ 17x26 cm. **Giá bán : 30 EUR hay 35 USD.**

Độc giả muốn mua có thể liên lạc với các đại diện Thông Luận tại các địa phương, hay với chính:

- Ông **Nguyễn Ngọc Phách** : 7/29 Robe Street, Saint Kinda, VIC 3182, Austalia - Tel/Fax : 613 9537 2531 - Email : evennp@melpc.org.au

- Bà **Trương Anh Thụy**, 2607 Military Road, Arlington, VA 22207, USA - Tel : (703) 525 4538 - Email : canhnam@dc.net.

Trung Quốc và nạn tham nhũng

Sau Hội nghị toàn thể ủy ban kiểm tra kỷ luật của trung ương đảng cộng sản ngày 10-1-2005, báo chí Trung Quốc tung ra một chiến dịch tuyên truyền và giáo dục cán bộ và quần chúng chống tham nhũng. Điều này cho thấy quyết tâm mới của Hồ Cẩm Đào và ê-kíp cầm quyền của ông trong việc bài trừ tham nhũng.

Tham nhũng tại Trung Quốc đã rất trầm trọng và làm cho uy tín của đảng cộng sản xuống thấp và bất mãn của dân chúng ngày càng lên cao. Nếu không sớm giải quyết vấn nạn này, đã phát triển kinh tế của Trung Quốc sẽ bị khựng lại và sự tồn tại của chính quyền cộng sản cũng bị đe dọa. Số cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước Trung Quốc bị truy tố về tội hối lộ và tham nhũng trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 11-2004 là trên 42.000 người và làm thiệt hại công quỹ trên hai tỷ USD.

Trong phong trào chống tham nhũng lần này, một mặt chính quyền Trung Quốc đề cao sự đạo đức, lòng thanh liêm và trừng phạt nặng những người vi phạm ; mặt khác giản dị hóa các thủ tục hành chính, giám sát chặt chẽ tài sản nhà nước và cải tổ chế độ thăng thưởng nhân sự.

Từ sau khi chiến dịch này được tung ra, tại Trung Quốc đang xảy ra một phong trào tố giác và công bố kết quả những vụ tham nhũng : hàng chục ngàn cán bộ cao và trung cấp bị tố cáo ăn hối lộ và tham nhũng đã bị đưa lên báo chí với những vụ vi phạm cụ thể. Tuy vậy, những vụ vi phạm lớn ở cấp trung ương và cấp tỉnh rất ít được biết đến, người ta chỉ thấy quyết tâm bài trừ tham nhũng được thi hành một cách triệt để ở các cấp địa phương, đặc biệt là ở các vùng biên giới.

Một vài thí dụ. Trên nguyên tắc, những sòng bài (casino) ở vùng biên giới chỉ dành riêng cho người nước ngoài, nhưng phần lớn khách vào đây là những đảng viên, cán bộ địa phương. "Trung tâm du hí Anh Hoàng" là một sòng bài hạng sang lớn nhất ở vùng biên giới Bắc Triều Tiên, đã bị đóng cửa vì 30% khách chơi là đảng viên, cán bộ cao cấp địa phương đến tiêu pha tiền bạc do tham nhũng và hối lộ đem lại. Riêng ông giám đốc sở xử lý giao thông vận tải vùng tự trị dân tộc Triều Tiên, tỉnh Khiết Lâm, đã bỏ trốn vì sợ bị tố giác, ông đã cuỗm 3,5 triệu CNY (425.000 USD) thu được từ những sòng bạc trá hình để làm của riêng. Những sòng bạc dọc vùng biên giới Việt Nam (Lào Kay), Miến Điện và Nga cũng thế, hơn phân nửa khách chơi là công an, bộ đội hay cán bộ nhà nước. Chỉ riêng vùng biên giới giáp Miến Điện không thôi, 80 sòng bài đã bị đóng cửa vì những lý do tương tự.

Nhìn lại quá khứ, các chính quyền Trung Quốc đã tung ra không biết bao nhiêu lần chiến dịch bài trừ tham nhũng nhưng tất cả nếu không thất bại thì cũng chẳng ngăn chặn được gì. Đồng tiền dễ dãi đã lôi cuốn không biết bao nhiêu cán bộ nhà nước vào đường tội lỗi, do đó rất khó diệt trừ. Không biết lần này ê-kíp Hồ Cẩm Đào có quyết tâm giải quyết tận gốc nạn tham nhũng hay không ?

QUAN HỆ MỸ-TRUNG : từ ôn hòa đến thẳng thắn

Lúc còn đương nhiệm, cựu bộ trưởng ngoại giao Collin Powell đã viết trên tạp chí *Foreign Affair*, số tháng 1&2-2005, về "Chiến lược người bạn đường", trong đó ông xác nhận quan hệ Mỹ-Trung từ khi cố tổng thống Nixon viếng thăm Trung Quốc lần đầu năm 1972 đến nay rất là tốt đẹp. Thực tế đã như thế nào ?

Trước sự thân thiện của Hoa Kỳ, Trung Quốc đã tỏ ra rất coi thường. Ngày 26-10-2004, trong một cuộc hội đàm với chủ tịch Hồ Cẩm

Đào, ông Powell nói : "*Mỹ có nghĩa vụ xem xét lại các luật lệ liên quan đến Đài Loan và có nhiệm vụ phòng vệ Đài Loan*". Để trả lời, Bắc Kinh ra lệnh cho tiềm thủy đình nguyên tử tối tân mới nhất của mình (kiểu Kiro lặn ba ngày không cần nổi lên mặt nước) thám thính quanh đảo Guam của Mỹ, xâm phạm hải phận của Nhật và Đài Loan. Trước sự khiêu khích này, phía Mỹ không hề lên tiếng và cũng không phản ứng gì trước thái độ thiếu thân thiện của chính quyền Trung Quốc đối với bốn dân biểu Đại Hàn, do Mỹ bảo trợ, khi họp báo về người Bắc Triều Tiên tị nạn trong một khách sạn quốc tế ở Bắc Kinh. Nói chung, cho đến hết nhiệm kỳ 1 của tổng thống Bush, Trung Quốc đã tỏ ra thách đố đối với Hoa Kỳ vì biết rằng chính quyền Mỹ đang bận rộn với cuộc chiến chống khủng bố và tại Iraq.

Nhưng sang nhiệm kỳ 2 của Bush, với sự bổ nhiệm bà Condoleezza Rice vào chức vụ ngoại trưởng, thái độ của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc liền rất khác. Hoa Kỳ muốn dân chủ hóa Trung Quốc (và những quốc gia độc tài khác) qua những định chế kinh tế, tài chánh quốc tế. Chính sách này nằm trong chủ trương của bà Rice khi còn làm cố vấn cho tổng thống Bush. Trong một bài viết đăng trên *Foreign Affair*, số tháng 1&2-2000, tựa đề "Để tăng cường lợi ích quốc gia", bà Rice nói về sự cần thiết trong việc duy trì hiện trạng Đài Loan như sau : "*Dù không tán thành một Đài Loan độc lập, Mỹ không chấp nhận ý định sử dụng vũ lực của Trung Quốc để can thiệp vào một chọn lựa của người Đài Loan. Do đó Mỹ cần phong tỏa sức mạnh quân sự của Trung Quốc và đưa nền kinh tế của quốc gia này vào sinh hoạt chung của thế giới, qua đó ép buộc Trung Quốc tuân theo những qui luật của thế giới*".

Trong bài đọc để thẩm tra việc nhận chức ở Thượng nghị viện Mỹ ngày 19-1-2005, sau khi chủ trương hợp tác với những "đối tác chính" (key partners) ở châu Á là Nhật, Đại Hàn và Úc, bà Rice nói : "*Chúng ta sẽ tiếp tục xây dựng quan hệ, hợp tác thẳng thắn với Trung Quốc vì lợi ích chung của hai bên. Nhưng chúng ta cũng biết rằng những quan niệm về giá trị giữa chúng ta và Trung Quốc rất khác nhau và Hoa Kỳ sẽ không ngừng ủng hộ những người đang sống trong xã hội kinh hoàng đó giành lại tự do*". Tuy vậy, ưu tư của chính quyền Bush 2 là vô hiệu hóa sáu quốc gia bị liệt vào Trục Ác.

THÁI ĐỘ CỦA MỸ về thị trường chung Đông Á

Ngày 3-2-2005, cuộc họp cấp vụ trưởng Mỹ-Hàn thảo luận về Hiệp định Thương mại Tự Do (FTA-Free Trade Agreement) đã được tổ chức tại Hán Thành, thủ đô Nam Hàn. Nội dung xoay quanh quan hệ thương mại giữa hai nước, đồng thời cũng đề cập tới vai trò của hai nước trong sự thành lập thị trường chung Đông Á. Lo ngại chung của Nam Hàn và Mỹ là trọng lượng quá lớn của Trung Quốc, vì là quốc gia có dân số đông đảo nhất, trọng lượng GDP cao nhất sau Nhật và đang tỏ ra rất hăm dọa trong việc xúc tiến sự thành hình của thị trường này. Bất cứ một bất ổn nào tại Trung Quốc đều ảnh hưởng rất mạnh lên sinh hoạt kinh tế của hai nước và cả thế giới.

Trở về với Nam Hàn, hiệp định trao đổi thương mại này là một phao cứu vớt cho sinh hoạt kinh tế trong nước đang bị trì trệ vì nhu cầu tiêu thụ sụt giảm, Nam Hàn chỉ còn hy vọng vào xuất khẩu để giữ vững tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, nếu không nhanh chóng tìm kiếm thêm thị trường mới, sinh hoạt kinh tế của Nam Hàn sẽ bị đè bẹp bởi Nhật Bản và Trung Quốc, hai cường quốc đang tranh nhau vai trò lãnh đạo châu Á. Hoa Kỳ từ lâu đã là địa bàn trao đổi kinh tế lớn của Nam Hàn, nhưng từ khi sinh hoạt thương mại được toàn cầu hóa giới nông dân trong nước đang thiếu vốn để có thể đầu tư đổi mới trang thiết bị, không đủ sức cạnh tranh với sản phẩm nông nghiệp của Mỹ. Tuy vậy Hoa Kỳ cũng thông cảm về những khó khăn này nên sẵn sàng giúp đỡ Nam Hàn trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh vào thị trường chung Đông Á.

Tại sao Hoa Kỳ đột ngột quan tâm tới thị trường Đông Á này ? Lý do là vì trong nhiệm kỳ I chính quyền Bush đã rất bận bịu với cuộc chiến tranh chống khủng bố và tại Iraq, do đó đã có sao lãng trong việc tìm kiếm thêm thị trường mới, đặc biệt là tại Đông Á. Đây là một thị trường đầy tiềm năng với một tổng dân số gần hai tỷ người với trọng lượng GDP lớn nhất thế giới. Vắng mặt trong khu vực Đông Á - Thái Bình Dương là một thiệt hại lớn. Trong năm 2004, chỉ riêng với ba nước Nhật Bản, Trung Quốc và Đại Hàn, sự thâm hụt trong cán cân mậu dịch đã chiếm hơn phân nửa tổng số thâm hụt mậu dịch của Mỹ. Chỉ riêng với Nam Hàn, thâm hụt mậu dịch của Hoa Kỳ khoảng 20 tỷ USD. Cũng nên biết trước đó Hoa Kỳ chỉ ưu tiên trao đổi với Singapore, Úc, Trung Nam Mỹ, nhưng những trao đổi này không giúp Hoa Kỳ cân bằng được sự thâm hụt này.

TVT2 ?

Từ năm 2000, các nhà đầu tư trên thế giới đã chọn bốn nước, gọi tắt là BRIC (Brazil, Russia, India và China), làm nơi đầu tư trong thế kỷ 21 của họ. Tuy có qui mô diện tích và dân số lớn, tài nguyên nhân lực dồi dào, nhưng sinh hoạt ở bốn nước này rất phức tạp vì sự phân phối lợi tức và chênh lệch xã hội quá cách biệt. Bên cạnh một số khu vực phát triển và giàu có vượt bậc, đại số còn lại bị bỏ rơi, sống dưới mức nghèo khó, do đó có thể xảy ra bạo động bất cứ

lúc nào. Từ năm 2005 trở đi các nhà đầu tư Mỹ, Nhật, Tây Âu đã tìm được một số nước có tầm vóc dân số, diện tích và tiềm năng phát triển tương đối đồng đều, đồng thời cũng là những quốc gia khá ổn định về chính trị, đó là Thailand, Vietnam, Turkey và Taiwan, gọi tắt TVT2.

Tại bốn quốc gia này, giới kỹ nghệ gia các ngành xe hơi và dụng cụ điện gia dụng Nhật Bản đã đổ vốn đầu tư vào từ hơn 30 năm trước rồi. Rút kinh nghiệm của Nhật Bản, lúc đầu giới đầu tư quốc tế sẽ giúp các quốc gia TVT2 thành lập những khu công nghiệp để tập trung sản xuất những vật dụng cơ khí và điện tử thông dụng như xe hơi, hàng gia dụng điện tử, kế tiếp sẽ tiến tới đầu tư vào những loại hàng hóa cơ khí tinh vi và phụ tùng điện tử cao cấp. Sau cùng sẽ giúp TVT2 trở thành những đối tác kinh tế của mình trên thế giới.

Tại Thái Lan, lương trả cho một công nhân tuy có cao hơn tại Trung Quốc nhưng chế độ chính trị tại đây ổn vững hơn vì có bầu cử tự do của tổ chức xã hội dân chủ hơn. Người Thái có tính chăm chỉ, không phô trương sự giàu có như người Trung Quốc nên ít sợ bất ổn xã hội. Những nhà đầu tư quốc tế có thể làm chủ 100% vốn của công ty, xí nghiệp tại đây nếu muốn.

Việt Nam được giới đầu tư quốc tế xem là hàng rào cản nguy cơ, nghĩa là họ vẫn tiếp tục đầu tư chính thức vào Trung Quốc đồng thời đầu tư thêm vào Việt Nam. Chiến lược hàng rào nguy cơ này vừa giúp Việt Nam phát triển vừa là lối thoát cho vốn đầu tư khi sinh hoạt kinh tế tại Trung Quốc gặp bất ổn. Ưu điểm của Việt Nam là một quốc gia trải dài từ Bắc xuống Nam với hai trung tâm kinh tế là Hà Nội và Sài Gòn : miền Bắc thiên về sản xuất hàng hóa, miền Nam chuyên về software và dịch vụ. Vấn đề bốc tải hải cảng và loại trừ tham nhũng của Việt Nam còn là một vấn nạn chưa giải quyết nhưng từ năm 2005 khi chính thức nhận vào WTO tình hình chắc chắn phải thay đổi.

Turkey (Thổ Nhĩ Kỳ) đang xin gia nhập vào Liên Hiệp Châu Âu, có dân số 65 triệu người. Lương nhân công Thổ bằng Trung Quốc và Việt Nam. Giới trí thức Thổ nói rành tiếng Đức và tiếng Anh. Người Thổ có trình độ kỹ thuật cao về các loại hàng giấy dép, túi xách, đồ trang sức, sản phẩm thủy tinh và vật dụng điện tử thông dụng. Vị trí chiến lược của Thổ Nhĩ Kỳ sẽ giúp xuất khẩu hàng hóa một cách dễ dàng sang Trung Cận Đông, vì cùng văn hóa và tín ngưỡng. Vấn đề là vùng phía Đông vẫn còn rất chậm tiến.

Đài Loan hiện nay là quốc gia có trữ lượng ngoại tệ lớn nhất và ổn vững nhất trong khu vực Đông Á. Vốn đầu tư chính thức của các xí nghiệp Đài Loan vào Trung Quốc năm 2004 là 64,94 tỷ USD, tăng 51% so với năm 2003, tương đương với 2/3 tổng số đầu tư của Đài Loan ra nước ngoài (67,2%). Điều này cho thấy Đài Loan là một đầu cầu lớn đầu tư vào Trung Quốc. Giới đầu tư quốc tế cho rằng nếu giúp vốn thêm, Đài Loan sẽ tiếp tục sử dụng nguồn vốn đó để đầu tư vào Trung Quốc. Giới đầu tư có lợi điểm là không sợ mất vốn nếu sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc gặp khó khăn (thiếu điện mãn tính và tỷ giá đồng Nguyên bị thay đổi) vì người Đài Loan nổi tiếng là rất sòng phẳng trong thương mại.

Chữ Hiếu

Cha hấn là một mẫu mực của sự thành đạt. Ông lên tới cấp tướng dù không hề tham dự một trận đánh thực sự nào, có lúc làm bộ trưởng Việt Nam Cộng Hòa và không bị tai tiếng vì mọi chuyện kinh doanh đều do bà xã ông lo liệu. Ông ra đi an toàn trước ngày 30-4-1975 sau khi đã chuyển ra nước ngoài phần lớn tài sản. Tuy nhiên, thành công lớn nhất của ông là chính hấn. Hấn đi du học đầu thập niên 1970, tốt nghiệp một trường đại học danh giá, lấy vợ trẻ đẹp, giàu sang và chủ tịch một công ty lớn trong đó hấn giữ đa số cổ phần.

Nhưng ngay cả với những người rất kiệt xuất, thời gian vẫn trôi qua. Một cách chậm chạp, nhẹ nhàng nhưng chắc chắn, cha mẹ hấn từ chỗ là một hậu thuẫn biến thành một vấn đề. Các cụ già đi và cần được săn sóc. Hấn nhận ra là mình mất rất nhiều thì giờ cho bố mẹ, và thì giờ đối với hấn là tiền bạc. Hấn giải quyết vấn đề một cách hợp lý đúng như một doanh nhân. Hấn bớt thăm viếng các cụ, từ một tuần một lần xuống còn một tháng, rồi hai tháng, rồi ba tháng một lần, mỗi lần thay vì cả ngày hay cả buổi chỉ còn một vài giờ. Thay vào đó, hấn dùng một cô thư ký riêng để chỉ lo cho các cụ. Cô ta gọi điện thoại hàng ngày, thăm viếng và tặng quà thường xuyên. Vấn đề được giải quyết một cách tốt đẹp, hai bên đều có lợi. Hấn chứng tỏ là một người có văn hóa, người Việt gọi sự tôn kính và săn sóc cha mẹ là "chữ Hiếu", mặc nhiên coi đó là thái độ của kẻ có học.

Tuy thảo kính cha - mẹ hấn đã qua đời gần đây ở tuổi cao sau một cuộc đời hạnh phúc - nhưng trung thành với giáo dục gia đình, hấn luôn luôn tìm giải pháp tốt đẹp nhất trong cái mà các doanh nhân như hấn gọi là *the best quality/price ratio*, tiếng Việt gọi là tỷ lệ phẩm chất/giá cả tối ưu. Hấn nhận ra là đã chi quá nhiều để phụng dưỡng cha mà kết quả chưa hấn là tốt nhất. Hấn đã thử nghiệm nhiều giải pháp. Giải pháp gần đây nhất là đưa ông cụ vào một viện dưỡng lão loại sang. Hấn bảo tôi :

- Ông cụ được săn sóc chu đáo, có bác sĩ và y tá thường trực bên cạnh, có bạn già để hàng ngày nói chuyện lẩm cẩm với nhau. Đỡ được nhà ở, di chuyển. Tao bớt đi được chi phí cho một thư ký thực ra chỉ để lo cho ông cụ. Lại yên tâm. Cụ đỡ cô đơn. Thiếu gì trường hợp khi con cái tới thăm thì các cụ đã chết từ mấy ngày rồi.

Tôi nghe như vậy thì biết vậy thôi. Đó là những vấn đề của người giàu. Với những kẻ như tôi thì chỉ có giải pháp giản dị của Việt Nam là các cụ ở với mình ; các cụ trông nom các cháu và các cháu trông nom các cụ.

Tuy giàu sang nhưng hấn không quên những thằng bạn thân ngày xưa. Vợ tôi giải thích là người sang cũng vẫn cần bạn, ít nhất là để được hưởng những phút

Mục lục

1. Cái gì không còn nữa ?
Thông Luận
2. Trung Quốc và Ấn Độ
Nguyễn Minh
4. Trung Quốc có đáng sợ không ?
Nguyễn Gia Kiểng
6. Xin quý vị hãy ra tay
Zuàng Đệ
8. "Kẻ sĩ phải nói những điều ích nước lợi dân"
Hoàng Tiễn
10. Thêm một tiết lộ về Lê Đức Anh
Hai Xô, Bảy Cống, Năm Thi
14. Ông Võ Văn Kiệt đưa đề nghị về đại hội 10
Nguyễn Văn Huy
15. Khi tuổi trẻ về nguồn
Đoàn Xuân Kiên
18. Ngộ nhận tổ quốc Việt Nam
Ngấn
19. Thơ sáng tác từ ngục tù
Trần Khuê
20. Vài cảm nghĩ về lăng vua Tự Đức
Nguyễn Mừng
21. Giới thiệu sách mới : Champaka 4
22. Thăng Long - Hà Nội
Lê Văn Hảo
26. Một di sản văn hóa bất khả đoạn tiêu
Nguyễn Ngọc Phách
29. Whence... Whither... Vietnam ?
Nguyễn Gia Kiểng
30. Thời sự Đông Á
32. Chữ Hiếu
Đầy

khoan khoái bên cạnh một người ngưỡng mộ mình, nó cho mình một cảm giác cao cả. Hôm nay vợ chồng hấn đến thăm tôi. Hấn tỏ ra rất hân hoan.

- Tao vừa đi thăm ông cụ về, không gặp được lâu nên nhân tiện ghé thăm mày. Ông cụ phải đi họp hội đồng bộ trưởng.

- Hội đồng bộ trưởng ?

- Đúng thế ! Hấn cười ha hả. Ly kỳ lắm, ông cụ tao hiện làm bộ trưởng cho một chính phủ lưu vong. Thăng này thông minh lắm, nó tìm các cụ đã từng vang bóng một thời và vẫn còn tiền mời làm quốc trưởng, thủ tướng, bộ trưởng, tư lệnh quân lực. Dĩ nhiên nó moi tiền các cụ. Các cụ cũng thừa biết là trò hề, nhưng các cụ cần gì, các cụ chỉ sợ cô đơn và bị đời bỏ quên. Không những thế, các cụ lại còn được sống lại những giờ phút huy hoàng của thời xa xưa. Viện dưỡng lão phối hợp với chính phủ lưu vong là giải pháp tuyệt vời cho các cụ. Chỉ tiếc rằng thăng này ít học nên thiếu tưởng tượng, đáng lẽ nó còn phải lập ra quốc hội, hàn lâm viện, tham chính viện, hội đồng danh nhân, bảo quốc huân chương, v.v. Thiếu gì chức vụ to lớn để bán. Tao đang nghĩ tới một khả năng kinh doanh mới. Có tiền lắm. Tao mà nhập cuộc thì thăng này phá sản.

Đầy